

SÁCH GIẢI NGHĨA
SÁCH THƯ TÍN CỦA SỨ
ĐỒ GIẢNG

1-3 GIẢNG

Prepublication version



All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from
Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)
Copyright © 2002 by Arms of Hope
Used by permission. All rights reserved.

Prepublication Version
Explanations of John's Letters (1-3 John)
[Vietnamese]

Copyright © 2005 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác	GT-4
Hướng dẫn cách sử dụng bộ Sách Giải Nghĩa (Tân Ước).....	HD-5
Giới thiệu sách 1 Giảng	1
Dàn bài và tóm tắt của sách 1 Giảng	3
Lời Giải Nghĩa Sách 2 Giảng.....	83
Lời Giải Nghĩa Sách 3 Giảng.....	5

CÁC CHỮ TẮT VÀ HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

Các bản dịch Kinh Thánh:

BDM	<i>Thánh Kinh (Bản Dịch Mới)</i> . 2002. Singapore: Arms of Hope.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội
BDY	<i>Thánh Kinh (Bản Diễn Ý)</i> . 1994. International Bibles Society.

Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CU	Cựu Ước
TU	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCCN	Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Mẫu tự “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, mẫu tự “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

- 8a phần đầu của câu 8
- 8b phần thứ hai của câu 8
- 8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã không được ghi vào trong văn mạch để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ một vài hàm ý trong nguyên bản. Những gì nằm trong dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người dịch sẽ quyết định có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng trong Ngôn Ngữ Được Chuyển Ngữ (NNĐCN) hay cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

BỐI CẢNH, MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG CỦA SÁCH 1 GIĂNG, 2 GIĂNG VÀ 3 GIĂNG

Ai là tác giả của 1 Giăng, 2 Giăng và 3 Giăng?

Tác giả của ba sách này không nhắc đến tên của ông, nhưng có nhiều điều cho thấy dường như tác giả là Giăng, môn đệ của Chúa Giê-su và là tác giả của Phúc Âm Giăng. Giữa các sách thư tín này và Phúc Âm Giăng có nhiều từ và ý tưởng giống nhau cho thấy rằng các sách này được viết bởi cùng một tác giả.

Trong 1 Giăng 1:1-3 tác giả nói rằng ông ở với Chúa Giê-su trong suốt thời gian Chúa giảng dạy, và trong 2 Giăng và 3 Giăng ông xưng mình là “vị trưởng lão”. Từ những điều ông viết trong các sách thư tín này cho thấy rõ là ông đã già, và ông là một người lãnh đạo hội thánh lớn tuổi được nhiều con dân Chúa kính trọng.

Các sách này thuộc loại văn thư nào?

2 Giăng và 3 Giăng là các lá thư. Chúng chứa đựng loại lời chào thăm mà người ta thường dùng ở phần bắt đầu và phần cuối của thư viết bằng tiếng Hy-lạp vào lúc bấy giờ. Cách viết cũng theo lối viết thư: chỉ nhắc đến một số đề tài và tác giả chỉ nói đến các điểm quan trọng của mỗi đề tài mà không thảo luận dài dòng về lý do ông viết như vậy.

1 Giăng không có lời chào thăm hay những đặc điểm khác của một lá thư, nhưng nó có cùng một tác giả và được viết cho cùng một nhóm đọc giả của 2 Giăng và 3 Giăng. Trong sách 1 Giăng, ông Giăng cũng viết về cùng một số đề tài tương tự như 2 Giăng và 3 Giăng, mặc dù các đề tài này được thảo luận chi tiết hơn ở trong 1 Giăng. Sách này giống như một lá thư mà một giám mục hay người lãnh đạo của nhiều hội thánh gửi chung cho các thuộc viên của một hội thánh của họ để khích lệ và chỉ dẫn cho họ về các nan đề họ phải đối diện. 2 Giăng và 3 Giăng được viết giống như là thư gửi cho cá nhân.

Các sách này được viết ra dưới hoàn cảnh nào?

Khi về già, sứ đồ Giăng sống tại thành phố Ê-phê-sô, trên bờ duyên hải phía tây của nước Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại. Ông là môn đệ cuối cùng còn sống trong số mười hai môn đệ của Chúa Giê-su, vì vậy nên các con dân Chúa của nhiều hội thánh trong địa bàn đó trông cậy vào ông để được hướng dẫn và dạy dỗ. Ông đã viết những lá thư này cho một số các hội thánh ở dưới sự lãnh đạo của ông.

Có vẻ như sứ đồ Giăng viết các thư này vào khoảng năm 90 S.C, sáu mươi năm sau khi Chúa Giê-su chết và sống lại. Vào lúc đó hội thánh đã lan tràn ra nhiều nơi, và có nhiều người giảng đạo đi từ tỉnh này đến tỉnh kia. Khi đến một thành phố, họ sẽ ở trong nhà của các tín nhân và dạy dỗ cả hội thánh. Đáng tiếc là có một số những người giảng đạo này thay đổi sự dạy dỗ của Phúc Âm và thêm vào ý tưởng của riêng họ. Vì ảnh hưởng của các giáo sư giả mạo này một số người lập hội thánh riêng của họ hay từ khước sự dạy dỗ của sứ đồ Giăng. Vậy nên một trong những mục đích chính của sứ đồ Giăng khi viết thư này là để khích lệ các con dân Chúa không nên nghi ngờ chân lý của Phúc Âm mà ông và các người khác giống như ông đã dạy dỗ họ.

Chủ đề của 1 Giăng, 2 Giăng và 3 Giăng là gì?

Hai chủ đề chính trong suốt ba sách thư tín này là *chân lý* và *tình yêu thương*.

Chân lý. Sứ đồ Giăng thường dùng cụm từ *chân lý* với ý nghĩa gần giống như là “Phúc Âm Cơ Đốc”. Khi dùng *chân lý* ông muốn nói đến tất cả những tri thức về Đức Chúa Trời là ai, Chúa Cứu Thế Giê-su là ai, và Đức Chúa Trời đã làm gì cho chúng ta qua Chúa Cứu Thế Giê-su. Chúng ta chỉ có được tri thức thật này bởi vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta và sứ đồ Giăng nói rằng các tín nhân nên để chân lý này điều khiển cuộc đời của họ và họ không nên nghi ngờ nó.

Tình yêu thương. Đôi khi sứ đồ Giăng dùng cụm từ *tình yêu thương* để nói đến tình yêu thương của Đức Chúa Trời cho loài người, nhưng ông thường dùng nó để nói đến tình yêu thương mà người ta có đối với Đức Chúa Trời và đối với nhau. Ông nhấn mạnh rằng tất cả những người đã được tái sinh phải yêu thương nhau bởi vì Đức Chúa Trời ở trong họ và Đức Chúa Trời luôn luôn yêu thương con người.

LỜI GIẢI NGHĨA CHO NGƯỜI CHUYỂN NGỮ VỀ SÁCH 1 GIĂNG

DÀN BÀI CỦA SÁCH 1 GIĂNG

- 1:1-4 Sứ đồ Giăng giải thích về thẩm quyền của ông và mục đích của sách thư tín này
1:5-2:27 Hãy sống một cách công chính và giữ sự hiệp một với Đức Chúa Trời
2:28-4:6 Làm thế nào để khỏi bị hổ thẹn khi chúng ta gặp Chúa Cứu Thế
4:7-5:12 Lý do các tín nhân nên yêu thương lẫn nhau
5:13-21 Sứ đồ Giăng trấn an các tín nhân

TÓM TẮT SÁCH 1 GIĂNG

Trong thư này sứ đồ Giăng thúc giục các đọc giả của ông sống một đời sống đạo đức và yêu thương các tín hữu, trái ngược với những người yêu mến các vật thuộc về thế gian. Ông khuyến khích họ tin nơi Con của Đức Chúa Trời và theo gương vàng lời Đức Chúa Trời của Ngài. Ông giải thích rằng Đức Chúa Trời là nguồn gốc của sự yêu thương thật và chính sự yêu thương chân thật này khuyến khích họ yêu thương nhau. Ông cũng cho họ thấy rằng tin Chúa Giê-su là điều bảo đảm rằng họ thuộc về Đức Chúa Trời và có sự sống đời đời.

Tiểu đoạn 1:1-4 Sứ đồ Giăng giải thích về thẩm quyền của ông và mục đích của sách thư tín này

1:1-4 Chủ đề

Các câu này là lời giới thiệu cho cả sách thư tín. Trong phần này, sứ đồ Giăng nêu lên thẩm quyền ông có để viết thư này và mục đích của ông khi viết thư. Ông có thẩm quyền để viết thư này vì ông đã biết Chúa Cứu Thế Giê-su một cách cá nhân. Mục đích của ông khi viết thư này là để những người đọc thư ông có thể thật sự chia sẻ quan hệ mà ông có với Đức Chúa Trời.

1:1-3

Trong bản Hy-lạp, những câu này là một câu dài và phức tạp. Chủ từ và động từ chính của câu này ở trong câu 3: “Điều chúng tôi đã thấy và nghe”, nhưng đề tài của nó lại ở cuối của câu 1: “Ngôi Lời sự sống”. Vậy nên khi bạn chuyển ngữ những câu này bạn có thể cần phải ngắt chúng ra làm mấy câu ngắn. Bạn cũng có thể cần phải thay đổi thứ tự của các phần trong câu để làm cho rõ nghĩa. Hãy xem 1:1-3 trong PKTCCN.

1:1

Trong bản Hy-lạp, không có phần mở đầu hợp thức của thư, không nói đến tên của tác giả và người nhận thư như là sứ đồ Phao-lô đã làm

trong các thư của ông. Tuy nhiên, khi bạn chuyển ngữ thư này, có thể cần phải có lời giới thiệu đơn giản như là “Chúng tôi viết thư này cho anh chị em” để những đọc giả không bị bối rối không biết rằng họ đang đọc một sách thư tín hay một tài liệu lịch sử hay văn học. Sự kiện đây là một lá thư được hàm ý rõ ràng trong cách viết của sứ đồ Giăng.

Điều vẫn có từ ban đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều mắt chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã sờ về Ngôi Lời sự sống: Sứ đồ Giăng bắt đầu thư của ông bằng một câu phức tạp có rất nhiều thông tin ở trong câu đó. Ông dùng cách khác thường này để gây sự chú ý của các đọc giả và để nhấn mạnh điều ông đang nói. Có thể bạn phải cố gắng sắp đặt các mệnh đề này

theo một thứ tự khác và ngắt nó ra làm mấy câu ngắn để làm cho đọc giả dễ hiểu hơn. Dưới đây là một mẫu chuyển ngữ của một ngôn ngữ đã thay đổi văn phạm dùng trong câu theo ngôn ngữ của họ. Cách này là một cách hay trong ngôn ngữ của họ để làm cho các đọc giả chú ý và cũng nhấn mạnh về những điều sứ đồ Giăng muốn nhấn mạnh:

Chúng tôi viết cho anh chị em về Ngôi Lời sự sống, đã hiện hữu từ buổi ban đầu. Chúng tôi đã nghe, và chúng tôi đã thấy tận mắt; phải, chúng tôi đã thấy và tay chúng tôi đã sờ nó.

Điều: Đại từ này nói đến *Ngôi Lời sự sống*. Sứ đồ Giăng dùng đại từ này bốn lần để làm một danh sách về cách ông và những người khác đã kinh nghiệm *Ngôi Lời sự sống*.

vấn có từ ban đầu: Nhóm từ này nói đến buổi ban đầu của thế giới. Sứ đồ Giăng đang nói rằng *Ngôi Lời* đã hiện hữu ngay cả trước khi thế giới được sáng tạo. Ông không nói rằng *Ngôi Lời* đã bắt đầu hiện hữu khi thế giới đã được sáng tạo.

điều chúng tôi đã nghe, điều mắt chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã sờ về Ngôi Lời sự sống: Tất cả bốn lời nói: “chúng tôi đã nghe...”, “chúng tôi đã thấy...”, “chúng tôi đã chiêm ngưỡng...”, “chúng tôi đã sờ...”, nhấn mạnh đến sự kiện dù rằng *Ngôi Lời* đã hiện hữu trước khi sáng thế, nhưng sứ đồ Giăng và các nhân chứng khác đã thật sự kinh nghiệm *Ngôi Lời* trong hình thể một con người. Trong bốn lời nói này không có lời nói nào nổi bật nhất. Vậy nếu dùng “*mắt*” không được tự nhiên trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng “Điều chúng tôi đã thấy...”

chúng tôi: Thư này được viết bởi chỉ một người, sứ đồ Giăng, nhưng qua suốt chương 1 ông dùng *chúng tôi*, để bao gồm cả những người khác là những người đã làm nhân chứng cho chức vụ của Chúa Giê-su. Nếu ngôn ngữ của bạn dùng *chúng tôi* sẽ làm cho người đọc bối rối, có thể tốt hơn nên nói như sau: “Tôi viết...”, và rồi “các sứ đồ khác và tôi đã nghe...”, v.v... Bạn cũng có thể giải thích *chúng tôi* có ý nghĩa gì trong một lời chú thích ở cuối trang hay trong phần giới thiệu của sách.

điều chúng tôi đã nghe: Sứ đồ Giăng thật sự nói: “tai chúng tôi đã nghe”. Ông muốn nói rằng ông và các sứ đồ khác đã nghe Chúa Giê-su nói. BDM không chuyển ngữ từ hàm ý “tai” vì nghe không được tự nhiên trong tiếng Việt. BDY chuyển ngữ từ này. Làm như vậy, bản dịch này giữ được thể đối của mắt thấy, tai nghe, tay sờ và giữ được thể thơ của bản Hy-lạp. Bạn nên chọn lối viết văn nào thích hợp với ngôn ngữ của bạn.

Vì “*Ngôi Lời sự sống*” chính là Chúa Giê-su, có thể tốt hơn là dùng “*Ngài*” trong bản dịch của bạn. Hãy xem BDY.

điều mắt chúng tôi đã thấy: Sứ đồ Giăng và các nhân chứng khác thật sự thấy Chúa Giê-su. Ông nói như vậy để nhấn mạnh sự kiện này. Như chúng tôi đã nói trong lời giải nghĩa ở trên, có thể đối với ngôn ngữ của bạn tốt hơn là không dùng từ *mắt*. Trong trường hợp đó bạn có thể nói: “chính chúng tôi đã thật sự thấy Ngài”.

điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là quan sát hay xem xét một cách cẩn thận.

tay chúng tôi đã sờ: Nếu đối với ngôn ngữ của bạn dùng từ “tay” nghe không được tự nhiên, thì bạn có thể chuyển ngữ là “chúng tôi đã sờ Ngài”.

Ngôi Lời sự sống: Đây có nghĩa là sứ điệp là nguồn của sự sống như ở trong Giăng 14:6. Nó nói đến Chúa Giê-su, nhưng nói rõ tên của Chúa ra ở đây thì không đúng vì sứ đồ Giăng không nhấn mạnh Chúa Giê-su như là một người ở đây. Ông đang nhấn mạnh đến sự kiện là Chúa Giê-su là Đấng khiến cho chúng ta thật sự sống qua sự bày tỏ cho chúng ta biết Đức Chúa Trời thật sự là như thế nào. Một cách khác để chuyển ngữ nhóm từ này là “Đấng khiến cho người ta sống”.

Ngôi Lời: Đây là cùng một từ mà sứ đồ Giăng đã dùng ở trong Giăng 1:1 và bạn có thể dùng cùng một từ ở đây. Từ này nói đến sứ điệp của Đức Chúa Trời ban cho con người để bày tỏ cho họ thấy Ngài thật sự giống như thế nào. Có thể cần phải nói rõ trong bản dịch của bạn là đây là “*Ngôi Lời của/từ Đức Chúa Trời*”.

Tiểu đoạn 1:1–4 Sứ đồ Giảng giải thích về thẩm quyền của ông và mục đích của sách thư tín này

1:1 Điều vẫn có từ ban đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều mắt chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã sờ về Ngôi Lời sự sống.
[Tôi đang viết cho anh chị em về] Đấng đã hiện hữu từ trước khi mọi vật được tạo nên, tức là Đấng chúng tôi đã nghe [nói], Đấng mà chính chúng tôi đã nhìn thấy, Đấng chính chúng tôi đã chiêm ngưỡng và đã sờ. [Ngài là] Đấng [đã bày tỏ cho chúng ta] sứ điệp [có thể khiến cho người ta] sống [về phần thuộc linh].

-HAY-

Đấng hiện hữu từ lúc ban đầu [của thế giới này] là Đấng chúng tôi đã nghe và nhìn thấy. Chúng tôi đã thấy, nghe và sờ Ngài. Ngài là Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng khiến cho người ta sống.

-HAY-

Chúng tôi viết cho anh chị em về Ngôi Lời sự sống, là Đấng đã hiện hữu từ lúc ban đầu. Chúng tôi đã nghe Ngôi Lời, và đã thấy Ngôi Lời. Phải, chúng tôi đã thấy Ngôi Lời và tay chúng tôi đã sờ Ngôi Lời.

1:2a Vì sự sống đã xuất hiện,
(BCG:) Quả vậy, sự sống đã được tỏ bày,
Vì Đức Chúa Trời bày tỏ [cho chúng tôi] Đấng [khiến cho người ta có thể] sống

1:2

Câu này là lời bình luận về “Ngôi Lời sự sống”. Sứ đồ Giảng dùng một bản liệt kê trong câu này giống như ông đã dùng ở trong câu 1:1. Trong bản Hy-lạp dùng từ “và” ở giữa mỗi điểm ông muốn nói trong danh sách của ông. Đa số bản dịch thay đổi hình thức văn phạm để cho sát với văn phạm của ngôn ngữ của họ. Trong các bản dịch tiếng Việt, BCG theo sát danh sách của sứ đồ Giảng nhất nên được trích dẫn ở phần dưới đây.

1:2a

sự sống: Đây cũng nói đến Chúa Giê-su. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:1 “Ngôi Lời sự sống” ở trên. Bạn có thể viết chữ hoa cụm từ này như

BDY đã làm để giúp cho các đọc giả của bạn ý thức rằng đây nói đến một người; sứ đồ Giảng không nói về sự sống thông thường.

(BCG:) được tỏ bày: Có thể giải thích hình thức của động từ Hy-lạp được dùng ở đây bằng hai cách:

- (1) Nó có lẽ có nghĩa là “Ngài được bày tỏ (bởi Đức Chúa Trời)”, “Đức Chúa Trời khiến Ngài trở nên một con người mà người ta có thể thấy được”. (BCG, BDY)
- (2) Một số học giả nghĩ là nó có nghĩa là “Ngài đã xuất hiện”, “Ngài trở nên hữu hình”. (BDM, BDC)

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải nghĩa (1).

1:2b

làm chứng: Đây có nghĩa là nói hay xác định sự thật về một việc gì đó mà người ta đã kinh nghiệm một cách cá nhân hay đã nhìn thấy tận mắt.

loan báo: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “phản ảnh” hay “nói lại”.

anh chị em: Sứ đồ Giăng dùng một đại từ tổng quát ở đây để nói đến các đọc giả (ngôi thứ hai số nhiều). Bản tiếng Việt dùng “anh chị em” để nghe cho tự nhiên trong tiếng Việt.

sự sống vĩnh phúc: Sứ đồ Giăng dùng từ này để mô tả loại đời sống mà Đức Chúa Trời có và ban cho chúng ta. Nó nói đến cả sự lâu dài của đời sống và phẩm chất của nó. Nó có nghĩa là không bao giờ chấm dứt. Trong câu này từ này nói đến Chúa Giê-su, như là “sự sống” trong phần đầu của câu. Nó nhấn mạnh rằng loại sự sống mà Chúa Giê-su đem đến cho chúng ta là sự sống luôn luôn hiện hữu trên thiên đàng.

1:2c

(BCG:) sự sống ấy vẫn hướng về Chúa Cha: Nhóm từ này tương tự với Giăng 1:1: “Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời”. Nó có nghĩa là Đức Chúa Trời và Ngôi Lời (sự sống ấy) không bao giờ hiện hữu riêng rẽ. Đức Chúa Trời và Ngôi Lời luôn luôn hiện hữu chung với nhau. Nếu bạn viết hoa *sự sống* ở trong câu 2a, bạn cũng nên viết hoa ở đây.

Chúa Cha: Nếu cần phải nói rõ đây là Cha của ai, có thể nói: “Cha của chúng ta” ở đây.

được tỏ bày: Sứ đồ Giăng dùng cùng một động từ Hy-lạp mà ông đã dùng ở 1:2a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

1:3a

Điều: Như ở trong 1:1, sứ đồ Giăng đã dùng *điều* để nói đến “Ngôi Lời Sự Sống”, tức là Chúa Giê-su (hãy xem lời giải nghĩa của 1:1).

chúng tôi loan báo...: Phần này của câu là điểm chính của đoạn văn từ câu 1 đến câu 4. Sứ đồ Giăng lặp lại *điều* mà ông bảo các đọc giả của ông để nhấn mạnh đến lý do mà họ có thể có quan hệ với sứ đồ Giăng và các tín nhân khác.

1:3b

cũng: Sứ đồ Giăng đang nhấn mạnh rằng cả Phúc Âm và sự thông công không những chỉ để cho các sứ đồ nhưng cho các đọc giả của ông.

thông công: Từ Hy-lạp được dùng ở đây xuất hiện ba lần trong chương đầu tiên của 1 Giăng 1:3b, 1:3c và 1:6a. Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là có một quan hệ gần gũi qua sự chia sẻ hay cùng làm một việc gì. Sứ đồ Giăng dùng nó ở đây để nói đến cả hai quan hệ của chúng ta với nhau và quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. BDY chuyển ngữ theo ý nghĩa hơn là chuyển ngữ từng từ một: “cùng chúng tôi vui hưởng mối giao hảo với Chúa Cha và Con Ngài là Chúa Cứu Thế”.

1:3c

sự thông công của chúng tôi: Đây nói đến sự quan hệ gần gũi mà các sứ đồ và các nhân chứng khác của chức vụ của Chúa Giê-su có. Trong ngữ cảnh này cũng nói đến việc họ có một quan hệ gần gũi vì họ cùng chia sẻ một điều gì.

1:4a

Chúng tôi viết: Có thể đối với một số ngôn ngữ nói: “chúng tôi” với động từ “viết” nghe không được tự nhiên.

điều này: Có lẽ sứ đồ Giăng dùng *điều này* để nói đến mọi việc ông đã viết ở trong thư.

1:4b

niềm vui của chúng ta được trọn vẹn: Mục đích của sứ đồ Giăng khi viết thư này không phải chỉ để làm cho chính ông vui vẻ. Ông viết để các đọc giả của ông sẽ học biết về quan hệ thật và để họ sẽ có quan hệ với ông. Nếu họ làm như vậy, đó là điều sẽ khiến cho ông vui mừng.

chúng ta: Trong trường hợp này, sứ đồ Giăng bao gồm cả những người mà ông đang viết thư cho.

được trọn vẹn: Đây có nghĩa là “tới hết cỡ”, “không có chút buồn nào hay bất cứ điều gì làm mất vui được”.

- 1:2b** chúng tôi đã thấy và làm chứng về sự sống ấy. Chúng tôi loan báo cho anh chị em sự sống vĩnh phúc
(BCG:) chúng tôi đã thấy và làm chứng, chúng tôi loan báo cho anh em sự sống đời đời:
và chúng tôi đã thấy Ngài và xác định [với anh chị em] và chúng tôi loan báo cho anh chị em rằng Đấng chúng tôi đã thấy là Đấng luôn luôn sống.
- 1:2c** vốn ở với Chúa Cha và đã xuất hiện cho chúng tôi thấy.
(BCG:) sự sống ấy vẫn hướng về Chúa Cha và nay đã được tỏ bày cho chúng tôi.
Ngài đã ở với Chúa Cha và được [Đức Chúa Trời] bày tỏ cho chúng tôi.
- 1:3a** Điều chúng tôi đã thấy và nghe, chúng tôi loan báo cho anh chị em
Chúng tôi loan báo cho anh chị em [sứ điệp về Đấng] chúng tôi đã thấy và nghe
- 1:3b** để anh chị em cũng được thông công với chúng tôi.
để anh chị em cũng có thể [tin Ngài và để anh chị em có thể] hội nhập chung với chúng tôi.
-HAY-
để anh chị em có thể hội nhập với chúng tôi [và có một quan hệ gần gũi với chúng tôi].
- 1:3c** Và sự thông công của chúng tôi là với Đức Cha và với Con Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-su.
Chúng tôi được nối kết với Đức Chúa Trời Chúa Cha và Chúa Cứu Thế Giê-su Con Ngài.
-HAY-
Vì chính chúng tôi vui hưởng một quan hệ gần gũi với Đức Chúa Trời Chúa Cha, và Chúa Cứu Thế Giê-su, Con Ngài.
- 1:4a** Chúng tôi viết điều này
Chúng tôi viết [những điều này] [cho anh chị em]
- 1:4b** để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.
để [tất cả] chúng ta có thể vui mừng trọn vẹn.
-HAY-
để [tất cả] chúng ta có thể rất vui mừng.

Tiểu đoạn 1:5-2:27 Hãy sống một cách công chính và giữ sự hiệp một với Đức Chúa Trời

1:5-2:27 Chủ đề

Trong tiểu đoạn này sứ đồ Giăng kêu gọi các đọc giả của ông sống một cách công chính và giữ sự hiệp một với Đức Chúa Trời. Ông nêu ra các lý do sau đây:

- 1:5-2:2** Đức Chúa Trời đã khiến cho chúng ta có thể sống công chính giống như chính Ngài.
2:3-11 Chúng ta phải yêu thương các tín hữu giống như Chúa Cứu Thế đã làm.
2:12-27 Các đọc giả không được theo xã hội bên ngoài là những người không có Chúa nhưng họ phải theo chân lý mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho họ.

1:5-10

1:5-10 Chủ đề

Trong các câu trước sứ đồ Giăng bày tỏ rằng ông muốn các đọc giả của ông chia sẻ mối quan hệ mà ông đã có với Đức Chúa Trời. Trong 1:5-10 ông muốn nói đến Đức Chúa Trời là hoàn toàn công chính, vì vậy những người phạm tội không thể có quan hệ với Đức Chúa Trời trừ phi họ xưng tội và được Đức Chúa Trời tha tội cho họ.

1:5a

Điều sứ đồ Giăng sắp nói hơi tương phản với điều ông nói ở trên. Một số bản dịch dùng một từ để chỉ sự tương phản ở đây cho người đọc dễ thấy. Trong các bản dịch tiếng Việt, các người chuyển ngữ bắt đầu một đoạn văn mới ở đây.

Đáy: Từ này nói đến lời tuyên bố “Đức Chúa Trời là ánh sáng...”

1:5b

Đức Chúa Trời là ánh sáng: Nhóm từ này mô tả về bản tính và đặc tính của Đức Chúa Trời. Nó là một biểu tượng cho tất cả những đặc tính tốt lành và công chính của Đức Chúa Trời. Trong văn hóa Hy-lạp ánh sáng là biểu tượng cho sự tinh sạch, tuyệt hảo, chân thành, khôn ngoan và thánh thiện. Hãy chắc chắn là trong bản dịch của bạn không nói như là tác giả nhận diện Đức Chúa Trời như một ánh sáng đặc biệt nào đó.

1:5c

tối tăm: Trong Kinh Thánh “tối tăm” biểu tượng cho sự ngu dốt và tất cả những gì ác. Nếu cách nói biểu tượng này không diễn tả ý muốn nói một cách rõ ràng bằng ngôn ngữ của bạn thì có thể cần phải nói rõ ý ra như hàng thứ nhì của CĐN.

1:6a

Nếu chúng ta nói: Những từ này cũng xuất hiện ở phần đầu của 1:8 và 1:10. Trong mỗi trường hợp các từ này giới thiệu một số tà giáo mà sứ đồ Giăng muốn phơi bày. Ông không hàm ý rằng ông hay các đọc giả của ông thật sự nói những lời như vậy. Ông đang trích dẫn điều các giáo sư giả mạo nói và điều mà các đọc giả của ông sẽ nói nếu họ đi theo các giáo sư giả mạo này. Có thể ngôn ngữ của bạn nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Nếu/Khi một người nói...”

được thông công với Ngài:

(BDY) thân thiết với Ngài: Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở đây giống như nó đã được dùng ở trong các câu 1:3b và 1:3c (BDM chuyển ngữ từ này là “thông công”). Hãy xem lời giải nghĩa của 1:3b. Hãy chú ý ở trong ngữ cảnh này BDY lại chuyển ngữ theo ý nghĩa chứ không chuyển ngữ từng từ một theo từ Hy-lạp.

1:6b

mà vẫn sống trong tối tăm: Trong bản Hy-lạp dùng “tiếp tục đi trong sự tối tăm”. Sứ đồ Giăng dùng lối nói tượng hình để nói đến một người sống một cách ngu dốt và gian ác. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:5c về “tối tăm”.

Tiểu đoạn 1:5–2:27 Hãy sống một cách công chính và giữ sự hiệp một với Đức Chúa Trời

- 1:5a** Đây là lời chúng tôi đã nghe từ Ngài và chúng tôi loan truyền cho anh chị em rằng:
¶ Chúa Cứu Thế Giê-su đã truyền cho chúng tôi sứ điệp mà chúng tôi đang loan báo cho anh chị em, đó là:
- 1:5b** **Đức Chúa Trời là ánh sáng;**
Đức Chúa Trời là [công chính và tinh sạch như] ánh sáng.
-HAY-
Đức Chúa Trời là công chính trong mọi cách.
- 1:5c** **trong Ngài không hề có một chút tối tăm nào.**
Không có [điều ác hay sự ngu dại giống như] sự tối tăm về Ngài.
- 1:6a** **Nếu chúng ta nói mình được thông công với Ngài (BDY) Vậy nếu ai nói mình thân thiết với Ngài,**
Vậy nếu chúng ta nói rằng chúng ta hiệp một với Đức Chúa Trời
- 1:6b** **mà vẫn sống trong tối tăm,**
trong khi chúng ta vẫn sống trong bóng tối của sự gian ác,
-HAY-
nhưng chúng ta vẫn hành xử một cách gian ác,
- 1:6c** **chúng ta nói dối và không làm theo chân lý.**
thì điều chúng ta nói là không đúng sự thật, và cho thấy rằng chúng ta đã từ khước sứ điệp chân thật [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ].
- 1:7a** **Nhưng nếu chúng ta sống trong ánh sáng cũng như Ngài vẫn hằng ở trong ánh sáng**
Nhưng nếu chúng ta hành xử một cách công chính giống như chúng ta sống trong ánh sáng như Đức Chúa Trời ở trong ánh sáng,

1:6c

không làm theo chân lý: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng lời nói như vậy (1:6a) không những chỉ là một lời nói dối không mà thôi, nhưng người nói như vậy cũng là người không sống theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

chân lý: Qua các sách thư tín của sứ đồ Giăng, ông dùng *chân lý* nói đến hai điều: (1) sự dạy dỗ chân chính của Cơ Đốc Giáo, tức là, sứ điệp thật, hay (2) các hành động phản chiếu sứ điệp chân thật. Trong ngữ cảnh này sứ đồ Giăng dùng cụm từ này để nói đến sứ điệp thật.

1:7a

Nhưng nếu chúng ta: Ở đây sứ đồ Giăng đang dùng một sự đối chiếu tích cực với câu trước, cho thấy điều các con dân Chúa nên làm. Vì vậy có thể dùng “*chúng ta*” ở đây mặc dù bạn đã dùng “*một người*” ở trong 1:6.

sống trong ánh sáng: Đây có nghĩa là sống một cách nhất quán với điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ về đức tính và ý muốn của Ngài. Nhóm từ này tương phản một cách rõ rệt với “*vẫn sống trong sự tối tăm*” ở trong câu trước.

Ngài vẫn hằng ở trong ánh sáng: Hãy chú ý sự khác biệt của 1:5. Ở đây nói rằng Ngài, Đức Chúa Trời, ở trong ánh sáng. Đây là tập trung vào các hành động của Ngài, là những hành động luôn luôn tốt lành và tinh sạch đúng theo tâm tính của Ngài.

1:7c

huyết Đức Giê-su Con Ngài: Từ này thường được dùng trong Tân Ước để nói đến cái chết đau đớn của Chúa Giê-su để cất tội lỗi của chúng ta đi (và thường được mô tả bằng huyết của các con vật được dâng làm của tế lễ ở trong thời Cựu Ước).

thanh tẩy: Trong văn hóa Do Thái vào thời sứ đồ Giăng nếu một người phạm tội người ấy được coi là “dơ bẩn” như thế không thể đi vào đền thờ được. Người này phải được “thanh tẩy” bằng một nghi thức đặc biệt. Rồi thì người ấy sẽ được coi là “sạch” trở lại và sẽ được vào đền thờ để thờ phượng. Trong trường hợp này, sứ đồ Giăng đang dùng một ẩn dụ để diễn tả rằng Đức Chúa Trời cất bỏ mặc cảm tội lỗi về những tội mà chúng ta đã phạm. Hãy để ý là sứ đồ Giăng đang nói đến một diễn tiến liên tục tiếp tục xảy ra trong đời sống của con dân Chúa.

1:8a

Nếu chúng ta nói: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:6a.

mình không có tội: Văn phạm Hy-lạp được dùng ở đây không nói đến các hành động tội lỗi (như nó đã nói đến ở trong câu 7), nhưng nói đến một thái độ tội lỗi là nguồn gốc của các hành động tội lỗi, và nó hàm ý đến mặc cảm tội lỗi của cá nhân. Có mấy cách để chuyển ngữ mệnh đề này: “Nếu chúng ta nói chúng ta không có khuynh hướng phạm tội...” hay “nếu chúng ta nói chúng ta không có sự gian ác nào trong lòng”.

1:8b

thì chúng ta tự lừa dối mình: Văn phạm Hy-lạp dùng ở đây nói có ý là chính chúng ta cố ý làm một việc gì đó. Nói một cách khác, chúng ta quyết định bỏ qua bằng chứng là chúng ta đã phạm tội. Chúng ta cũng từ chối không hành xử theo sứ điệp thật của Đức Chúa Trời.

1:8c

và chân lý không ở trong chúng ta: Đây có nghĩa là họ không chấp nhận chân lý liên quan đến sự đầy tội lỗi của con người và sự công chính của Đức Chúa Trời.

chân lý: Hãy xem lời giải nghĩa ở 1:6c.

1:9a

(BDC) Nhưng: Ngữ cảnh ở đây hàm ý có một sự tương phản. BDM không chuyển ngữ từ này.

Nếu chúng ta: Ở đây sứ đồ Giăng đang cho thấy một sự tương phản tích cực với câu trước, giống như 1:7 tương phản với 1:6. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:7a.

xung tội lỗi: Đây có nghĩa là xung nhận với Đức Chúa Trời những điều mà trước đây chúng ta đã cố gắng giấu giếm hay từ khước.

1:9b

thì Ngài là Đấng thành tín và công chính: Chuyển ngữ từng từ một câu này có thể đề nghị rằng Đức Chúa Trời chỉ *thành tín* và *công chính* nếu chúng ta xưng tội lỗi của chúng ta. Hãy coi lại bản dịch của bạn để chắc chắn là bạn nói rõ Đức Chúa Trời luôn luôn là *thành tín* và *công chính*. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng Đức Chúa Trời đã hứa tha thứ và tẩy sạch chúng ta nếu chúng ta xưng tội lỗi của mình. Chúng ta có thể chắc chắn rằng Ngài sẽ làm điều đó.

thành tín: Từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây có nghĩa là “nhờ cậy được”.

công chính: Trong ngữ cảnh này, từ này có nghĩa là Đức Chúa Trời hành xử theo ý muốn của Ngài, tức là, có lòng thương xót con người.

1:9c

(BDC) để: BDM không chuyển ngữ từ được dùng ở đây. Trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “lý do”.

thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính: Một lần nữa, sứ đồ Giăng dùng ẩn dụ “thanh tẩy” để diễn tả cách Đức Chúa Trời cất bỏ mặc cảm tội lỗi của chúng ta. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:7c.

1:7b	thì chúng ta được thông công với nhau thì chúng ta [thật sự] hội nhập với nhau, -HAY- thì chúng ta có thể có một quan hệ gần gũi [thật],
1:7c	và huyết Đức Giê-su, Con Ngài, thanh tẩy mọi tội lỗi chúng ta. và sự chết của Con Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su, cất bỏ mọi tội lỗi của chúng ta. -HAY- và Đức Chúa Trời tha cho chúng ta tất cả mọi tội lỗi qua Con Ngài Chúa Giê-su đổ huyết ra [chết vì chúng ta].
1:8a	Nếu chúng ta nói rằng mình không có tội Nếu chúng ta nói rằng chúng ta không phải là người phạm tội, -HAY- Nếu chúng ta tuyên bố rằng chúng ta không hành xử một cách tội lỗi,
1:8b	thì chúng ta tự lừa dối mình thì chúng ta cố ý lừa dối mình -HAY- thì chúng ta đang từ chối không hành xử theo sứ điệp chân thật của Đức Chúa Trời,
1:8c	và chân lý không ở trong chúng ta. và chúng ta không chấp nhận chân lý [là điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ].
1:9a	Nếu chúng ta xưng tội lỗi mình Nhưng nếu chúng ta thú nhận với Đức Chúa Trời rằng chúng ta đã phạm tội,
1:9b	thì Ngài là Đấng thành tín và công chính Đức Chúa Trời sẽ làm điều Ngài nói là Ngài sẽ làm và làm điều hoàn toàn đúng,
1:9c	sẽ tha thứ tội lỗi chúng ta và thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính. Đức Chúa Trời sẽ tha thứ chúng ta và giải phóng chúng ta khỏi mọi mặc cảm gây ra bởi tội lỗi của chúng ta.
1:10a	Nếu chúng ta nói rằng mình đã không phạm tội, Nếu chúng ta nói rằng chúng ta không bao giờ phạm tội, -HAY- Nếu chúng ta tuyên bố rằng chúng ta không bao giờ hành xử một cách tội lỗi,

mọi điều bất chính: Nhóm từ này tương tự với “tội lỗi” nhưng nhấn mạnh đến mọi điều thuộc về tính tình và thái độ của chúng ta mà trái ngược với điều Đức Chúa Trời muốn. Có thể chuyển ngữ là “tất cả tội lỗi của chúng ta”.

1:10a

Nếu chúng ta nói: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:6.

không phạm tội: Câu 1:8 có một nhóm từ tương tự: “Nếu chúng ta nói rằng mình không có tội”. Nhưng văn phạm Hy-lạp hơi khác một chút và cho thấy một hành động toàn vẹn. Sứ

đồ Giăng tập trung vào những trường hợp mà một người đã phạm tội nhưng không xưng nhận nó.

1:10b

chúng ta làm cho Ngài trở thành kẻ nói dối: Vì Đức Chúa Trời đã nói rằng tất cả mọi người đã phạm tội, ai nói rằng mình không phạm tội hàm ý rằng Đức Chúa Trời đã nói dối.

1:10c

lời Ngài không ở trong chúng ta: Nếu chúng ta gọi Đức Chúa Trời là kẻ nói dối, điều này cho thấy rằng chúng ta chưa chấp nhận lời của Ngài hay để cho lời Ngài hướng dẫn đời sống của chúng ta.

Đoạn văn 2:1-2

2:1-2 Chủ đề

Sứ đồ Giăng vừa mới nói về việc các con dân Chúa phạm tội. Một trong những mục đích của sứ đồ Giăng khi viết những điều này là để nhắc nhở các con dân Chúa rằng họ không nên phạm tội nhưng hãy sống công chính giống như Đức Chúa Trời. Nhưng ông giải thích rằng ngay cả khi một con dân Chúa phạm tội, Chúa Cứu Thế, qua sự chết của Ngài thay cho chúng ta, cung cấp một phương cách để Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng ta.

2:1a

các con bé nhỏ: Đây là một nhóm từ mà sứ đồ Giăng dùng trong suốt sách 1 Giăng. Bản Hy-lạp dùng từ “con” mà sứ đồ Giăng đã dùng để gọi các đọc giả của ông một cách thương mến. Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *bé nhỏ* ở đây trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “yêu dấu”. Khi sứ đồ Giăng viết những điều này ông đã cao tuổi và ông viết như là lời của một người lãnh đạo đáng kính cho các con dân Chúa ở trong các hội thánh thuộc trách nhiệm của ông. Ông đang dùng cách diễn tả thương mến, một thái độ của người cha đối với họ. Có thể ngôn ngữ của bạn dùng một nhóm từ như sau nghe tự nhiên hơn: “các con giống như là con cái của ta”. Hãy xét xem ngôn ngữ của bạn một người ở trong tình trạng của sứ đồ

Giăng có thể dùng từ “con cái” hay không. Nếu không dùng được từ “con cái” thì có thể tốt hơn là dùng một từ thích hợp hơn, thí dụ, bạn cũng có thể dùng các từ mà một giáo sư dùng cho học trò của mình. Nhóm từ này cũng được dùng ở trong 2:12a, 28a; 3:7a, 18a; 4:4a; 5:31.

Ta viết: Hãy chú ý rằng ở đây sứ đồ Giăng đổi từ cách viết số nhiều “chúng tôi” qua số ít “ta”.

những điều này: Nhóm từ này nói đến điều ông vừa mới nói, đặc biệt là ở trong 1:5-7, về cách mà các con dân Chúa nên hành xử.

các con đừng phạm tội:

(BDY) các con xa lánh tội lỗi: Mục đích của sứ đồ Giăng viết thư này là để thúc giục họ tránh phạm tội.

2:1c

chúng ta có một Đấng biện hộ với Đức Chúa

Cha: Các con dân Chúa nên cố gắng để không phạm tội, nhưng nếu họ phạm tội Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho họ vì điều Chúa Cứu Thế đã làm. Ở đây không tập trung vào điều Chúa Giê-su làm, nhưng tập trung vào sự kiện Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho chúng ta. Ngài tha thứ chúng ta bởi vì Chúa Giê-su luôn luôn ở bên Ngài biện hộ cho chúng ta. Có thể cần phải nói rõ điều này ra trong bản dịch của bạn. Hãy xem PKTCCN.

một Đấng biện hộ: Sứ đồ Giăng dùng thuật ngữ của tòa án để nói một cách tượng hình về điều Chúa Giê-su làm cho chúng ta. Từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến bất cứ người nào, không phải chỉ là luật sư, người biện hộ cho bạn khi bạn bị tố cáo làm một tội gì trước tòa án. Trong hoàn cảnh mà sứ đồ Giăng muốn nói ở đây, Đức Chúa Trời là thẩm phán và Sa-tan đang tố cáo chúng ta phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. BDY khai triển ẩn dụ này để truyền thông ý nghĩa:

các con đã có Luật sư biện hộ trước Tòa Chúa Cha, là Chúa Cứu Thế Giê-xu, Đấng Toàn Thiện.

2:1d

Đấng Công Chính: Từ Hy-lạp dùng ở đây trong ngữ cảnh này có nghĩa là mọi việc Chúa

1:10b	<p>chúng ta làm cho Ngài trở thành kẻ nói dối thì chúng ta đang nói rằng Đức Chúa Trời là kẻ nói dối, [vì Ngài đã nói rằng tất cả mọi người đều đã phạm tội,] -HAY- thì giống như là chúng ta gọi Đức Chúa Trời là kẻ nói dối [bởi vì Ngài đã nói rằng tất cả chúng ta đều phạm tội],</p>
1:10c	<p>và lời Ngài không ở trong chúng ta. và [nếu chúng ta làm như vậy], chúng ta đã từ khước điều Ngài đã nói. -HAY- và [điều đó cho thấy rằng] chúng ta chưa chấp nhận điều Ngài đã bày tỏ cho chúng ta một chút nào hết.</p>
2:1a	<p>Hỡi các con bé nhỏ của ta! Ta viết cho các con những điều này để các con đừng phạm tội. ¶ Các con [thuộc linh] của ta, ta viết để bảo các con rằng các con không nên phạm tội. -HAY- ¶ Các môn đệ yêu dấu của ta, lý do ta viết những điều này cho các con là để giúp các con tránh phạm tội.</p>
2:1b	<p>Nhưng nếu có ai phạm tội, Nhưng nếu có ai [trong chúng ta] phạm tội,</p>
2:1c	<p>chúng ta có một Đấng biện hộ với Đức Chúa Cha thì chúng ta có một Đấng giúp đỡ chúng ta như một luật sư biện hộ cho bị cáo trước tòa án. -HAY- [Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho người ấy bởi vì] có một Đấng đứng trước mặt Đức Chúa Cha và xin Ngài tha thứ cho chúng ta.</p>
2:1d	<p>là Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng Công Chính. Đấng đó là Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng [được Đức Chúa Trời xem là] hoàn toàn công chính.</p>
2:2a	<p>Chính Ngài là lễ vật hy sinh chuộc tội lỗi chúng ta, Ngài đã tình nguyện hy sinh [mạng sống của mình] để tội lỗi của chúng ta được [Đức Chúa Trời] tha thứ. -HAY- Chính Ngài là Đấng đã chết để làm lễ vật mà [Đức Chúa Trời] đòi hỏi để chúng ta được tha tội.</p>

Giê-su làm là tốt và đúng với tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. (Đây là ý mà sứ đồ Giăng thường muốn nói khi ông dùng từ này.)

2:2a

lễ vật hy sinh: Từ Hy-lạp dùng hình ảnh ở trong Cựu Ước về *lễ vật* là một con vật được đòi hỏi phải dâng lên cho Đức Chúa Trời để được tha tội. Chúa Giê-su là *lễ vật* của chúng ta đã được dâng lên cho Đức Chúa Trời để

chúng ta được tha thứ tội lỗi. BCG và BDC dùng hình ảnh này. Một cách diễn tả khác là Chúa Giê-su đã *hy sinh* mạng sống của Ngài để chúng ta được tha thứ. BDY dùng cách diễn tả này. BDM dùng cả hai cách giải thích này nên có thể làm người đọc bối rối. Bạn nên dùng hình ảnh nào mà có thể truyền thông một cách tự nhiên nhất đối với ngôn ngữ của bạn.

2:2b

cả thế gian nữa: Nhóm từ này có nghĩa là tất cả mọi người ở khắp mọi nơi.

Đoạn văn 2:3-6

2:3-6 Chủ đề

Ở đây sứ đồ Giăng bắt đầu cho biết lý do tại sao chúng ta không nên phạm tội: Nếu chúng ta vâng theo các mạng lệnh của Đức Chúa Trời như Chúa Giê-su đã làm, thì chúng ta cho thấy rằng chúng ta biết Đức Chúa Trời.

2:3a

Nhờ điều này chúng ta biết rằng: Đây là một nhóm từ được sứ đồ Giăng dùng nhiều lần trong suốt sách này: 2:5c, 3:16a. BDM chuyển ngữ mỗi chỗ một cách khác nhau nhưng bạn có thể dùng cùng một từ ngữ ở mỗi chỗ nhóm từ đó được dùng giống như CĐN. Sứ đồ Giăng dùng văn phạm Hy-lạp này để nhấn mạnh nhóm từ theo sau. Trong ngữ cảnh này, sứ đồ Giăng nhấn mạnh rằng các con dân Chúa nên vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời.

đã biết Ngài: Từ *biết* được dùng ở đây theo ý biết một người một cách cá nhân như bạn biết những người trong gia đình và bạn hữu của mình. Điều này khác với biết người ấy là ai, hay biết về một người nào.

Ngài: Theo văn phạm Hy-lạp sứ đồ Giăng có thể nói đến Đức Chúa Trời hay Chúa Giê-su, nhưng có lẽ sứ đồ Giăng muốn nói đến Đức Chúa Trời.

2:3b

ấy là chúng ta tuân giữ các điều răn của Ngài: Văn phạm Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây nhấn mạnh đến điều ông đang nói. Trong bản dịch có thể bày tỏ sự nhấn mạnh

này bằng cách dùng một mệnh đề chính của câu, thí dụ: “Chúng ta nên vâng theo điều răn của Ngài vì đó là điều cho thấy rằng chúng ta thật sự biết Ngài”.

tuân giữ: Thì của động từ được dùng ở đây hàm ý rằng chúng ta nên tiếp tục vâng lời Đức Chúa Trời.

2:4a

Người nào: Đây cũng có thể chuyển ngữ là “nếu ai”. Hãy xem CĐN.

2:4c

chân lý không ở trong người đó: Ở đây sứ đồ Giăng muốn nói rằng một người như vậy rõ ràng là chưa chấp nhận chân lý đã được Đức Chúa Trời bày tỏ. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:8c.

chân lý: Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 1:6c. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

2:5a

lời Ngài: Đây nói đến cùng một điều giống như “các điều răn của Ngài” trong 2:3-4.

2:5b

tình yêu thương Đức Chúa Trời: Có lẽ nhóm từ này muốn nói rằng “người đó yêu thương Đức Chúa Trời”.

thật toàn hảo: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng một người như vậy thật sự yêu thương Đức Chúa Trời một cách đúng; tức là, theo cách mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu Ngài và cách Ngài yêu chúng ta.

2:5c

nhờ đó chúng ta biết mình ở trong Ngài...: Sứ đồ Giăng đã dùng cùng một nhóm từ Hy-lạp mà ông đã dùng trong 2:3a. BDM chuyển ngữ là: “Nhờ điều này chúng ta biết rằng mình...” Nhóm từ Hy-lạp này hàm ý rằng không phải chỉ biết một điều gì, nhưng biết chắc chắn về điều đó, nên có thể diễn tả là “điều khiến cho chúng ta biết chắc...” Sứ đồ Giăng dùng cùng một nhóm từ ở trong 3:16a, 24c; 4:2a, 6d, 13; 5:2a. Bạn có thể chuyển ngữ cùng một cách ở tất cả những chỗ mà nhóm từ này được dùng, giống như CĐN.

2:2b	<p>không những tội lỗi chúng ta mà thôi, nhưng tội lỗi của cả thế gian nữa. [Bởi vì Ngài] Đức Chúa Trời không những chỉ tha thứ tội lỗi của chúng ta mà thôi, nhưng cũng tha thứ tội lỗi cho tất cả mọi người ở khắp cả mọi nơi.</p>
2:3a	<p>Nhờ điều này chúng ta biết rằng mình đã biết Ngài: ¶ Điều làm cho chúng ta biết rằng chúng ta đã trở nên những người biết Đức Chúa Trời -HAY- ¶ Chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta thuộc về Ngài</p>
2:3b	<p>Ấy là chúng ta tuân giữ các điều răn của Ngài. Ấy là: nếu/khi chúng ta làm điều Ngài bảo chúng ta nên làm. -HAY- bởi vì chúng ta tuân theo điều Ngài đã ra lệnh cho chúng ta làm.</p>
2:4a	<p>Người nào nói: “Tôi biết Ngài”, Nếu có ai nói rằng họ là người [có kinh nghiệm] biết Đức Chúa Trời,</p>
2:4b	<p>nhưng không tuân giữ các điều răn của Ngài nhưng [cùng một lúc] người ấy lại không làm điều Đức Chúa Trời ra lệnh [cho chúng ta làm],</p>
2:4c	<p>là người nói dối, chân lý không ở trong người đó. thì người ấy nói dối và không hành xử theo sứ điệp chân chính của Đức Chúa Trời.</p>
2:5a	<p>Người nào tuân giữ lời Ngài Nhưng hề ai vâng theo điều Đức Chúa Trời đã phán,</p>
2:5b	<p>thì tình yêu thương Đức Chúa Trời trong người ấy thật toàn hảo, thì người ấy thật sự yêu thương Đức Chúa Trời [theo cách mà Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta].</p>
2:5c	<p>nhờ đó chúng ta biết mình ở trong Ngài. Điều làm cho chúng ta biết rằng chúng ta hiệp một với Đức Chúa Trời là: -HAY- Chúng ta chắc chắn rằng chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời bởi vì</p>

nhờ đó: Nhóm từ này chỉ đến câu kế tiếp. Sứ đồ Giăng đang nói rằng cách chúng ta hành xử là điều bày tỏ chúng ta có “ở trong Ngài” hay không. Trong 2:6 ông giải thích tại sao cách hành xử của chúng ta sẽ bày tỏ điều này.

ở trong Ngài: Đây là cách sứ đồ Giăng nói đến quan hệ gắn gũi của chúng ta với Đức

Chúa Trời. (Hãy xem Giăng 15:4-7, 17:21, 23). Có thể nói một cách khác là: “hiệp nhất với Đức Chúa Trời”, “kết hợp chặt chẽ với Đức Chúa Trời” hay “thuộc về Đức Chúa Trời”.

2:6a

ở trong Ngài: Như ở trong 2:5c, nhóm từ này có nghĩa là “hiệp một với Đức Chúa Trời”. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

2:6b

phải sống: Sứ đồ Giăng đang nói đến cách chúng ta hành xử. Từ *phải* cho thấy là sứ đồ Giăng đang ra lệnh cho các tín nhân, không phải chỉ là lời nói xuông.

Đoạn văn 2:7-11

2:7-11 Chủ đề

Những câu này nhấn mạnh điều răn của Đức Chúa Trời về việc phải yêu mến các tín hữu. Nếu chúng ta tuân theo điều răn đó, chúng ta đang sống theo chân lý và phản chiếu đức tính của Đức Chúa Trời.

2:7a

Anh chị em yêu dấu: Sứ đồ Giăng bày tỏ lòng thương mến của ông đối với các đọc giả của ông bằng cách gọi họ là “anh chị em yêu dấu” hay “anh chị em người (tôi) yêu mến”. BDM thêm vào “anh chị em” bởi vì đây là một cách tự nhiên để nói đến các tín hữu cũng như các người mà bạn yêu mến. Bạn cũng có thể dùng “các bạn”, nếu làm như vậy nghe tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ của bạn.

không...một điều răn mới: Chủ đề của sứ đồ Giăng ở đây là các con dân Chúa nên yêu mến lẫn nhau. Ông nói rằng đây không phải là một điều răn mới đối với các đọc giả của ông bởi vì nhiều năm trước Chúa Giê-su đã ban điều răn này (Giăng 13:34).

2:7b

đã có từ lúc khởi đầu: Đây nói đến lúc họ mới tin Chúa.

2:7c

lời: Sứ đồ Giăng đang nhấn mạnh rằng điều răn về yêu thương nhau là điểm chính mà ông muốn dạy dỗ các đọc giả của ông.

2:8a-b

Đồng thời tôi viết cho anh chị em một điều răn mới là điều hiện thực trong Ngài cũng như trong anh chị em: Trong bản Hy-lạp từ ngữ dùng ở đây rất khó hiểu. Đa số học giả Kinh Thánh đồng ý rằng từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *điều* nói đến sự kiện điều răn ở trong 2:8a là một điều răn mới, hay nói một cách khác, tính chất mới mẻ của điều răn. Sứ đồ Giăng đang nói rằng sự mới mẻ của điều răn này được thể hiện một cách hiển nhiên qua việc Chúa Giê-su đã làm và qua cách các đọc giả của sứ đồ Giăng sống. Sau đây là một cách để chuyển ngữ nhóm từ này:

“Anh chị em biết rằng tôi đang viết về một điều răn mới, nhưng bây giờ tôi nói cho anh chị em biết rằng sự mới mẻ của điều răn này sẽ thật sự được thấy ở trong Ngài và anh chị em.”

2:8a

Đồng thời: Từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy rằng sứ đồ Giăng sắp nói chuyện về một phương diện khác của điều răn. BDM chuyển ngữ điều này là “Tuy nhiên” và BCG chuyển ngữ là “Nhưng”.

một điều răn mới: Đây lại nói đến điều răn yêu mến lẫn nhau. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:7a.

2:8b

điều hiện thực trong Ngài: Văn phạm Hy-lạp được dùng ở đây khó mà giải thích được. *Điều* có lẽ nói đến “sự mới mẻ” của điều răn. Điều răn trở nên *hiện thực trong* một người khi người ấy tuân theo hay làm theo điều mà điều răn ấy nói. Vì vậy, điều răn là mới vì nó đã được thực hiện qua cả Chúa Cứu Thế lẫn các tín nhân; nói một cách khác, Chúa Cứu Thế đã làm theo điều răn này và bây giờ các tín nhân đang làm theo nó.

2:8c-d

vi: 2:8c-d cho thấy điều răn là mới mẻ theo cách nào. Chúa Cứu Thế là ánh sáng của Đức Chúa Trời đến thế gian xua đuổi sự tối tăm. Sự tối tăm này đã khiến cho các con dân Chúa hành xử như vậy trong quá khứ.

- 2:6a** **Người nào nói mình ở trong Ngài**
 nếu ai nói rằng mình hiệp một với Đức Chúa Trời,
-HAY-
 nếu người nào tuyên bố rằng người ấy hiệp một với các con
- 2:6b** **cũng phải sống như chính Ngài đã sống.**
 thì người ấy phải hành xử giống như Chúa Giê-su đã hành xử.
- 2:7a** **Anh chị em yêu dấu, tôi không viết cho anh chị em một điều răn mới**
 ¶ Các bạn yêu dấu của tôi, tôi không viết cho anh chị em [thêm] một điều răn mới.
- 2:7b** **nhưng là điều răn cũ, mà anh chị em đã có từ lúc khởi đầu.**
 [Không,] nó là cùng một điều răn mà anh chị em đã nghe khi anh chị em mới bắt đầu tin Chúa Cứu Thế.
-HAY-
 Nhưng tôi đang viết cho anh chị em một điều răn cũ mà anh chị em đã có từ khi anh chị em bắt đầu [tin Chúa Cứu Thế].
- 2:7c** **Điều răn cũ này là lời anh chị em đã nghe.**
 Điều răn cũ này là sứ điệp anh chị em đã nghe khi anh chị em mới [tin Chúa Cứu Thế].
- 2:8a** **Đồng thời tôi viết cho anh chị em một điều răn mới**
 Tuy nhiên điều răn tôi viết cho anh chị em [cũng] là một điều răn mới.
-HAY-
 Nhưng [cũng] có sự mới mẻ về điều răn này.
- 2:8b** **là điều hiện thực trong Ngài cũng như trong anh chị em,**
 Cách Chúa Cứu Thế đã sống và cách anh chị em sống cho chúng ta thấy sự mới mẻ của điều răn này
- 2:8c** **vì bóng tối đã tan đi**
 bởi vì bóng tối [bao gồm các điều ác] [trong đời sống của anh chị em] đã bớt đi
-HAY-
 vì anh chị em đã thôi không hành xử một cách bất chính nữa giống như bóng tối đã đi qua
- 2:8d** **và ánh sáng thật đang chiếu sáng.**
 và người ta thấy được chân lý của Đức Chúa Trời giống như ánh sáng [trong đời sống của Chúa Cứu Thế và anh chị em].
-HAY-
 thay vào đó anh chị em đã hành xử một cách công chính giống như ánh sáng chiếu sáng rục rỡ.

bóng tối...ánh sáng: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:5b-c.

2:9a

ở trong ánh sáng: Đây là cùng một nhóm từ ở trong 1:7. Nó nói đến việc hành xử một cách công chính như Đức Chúa Trời.

2:9b

ghét: Đây trái ngược lại với “thương” ở trong 2:10. Nó nói đến cách một người đối xử với một người khác, không phải chỉ theo cảm xúc của họ có với người đó. Thì của động từ Hy-lạp dùng ở đây hàm ý rằng đó là một thái độ tiếp tục xảy ra.

anh chị em: Đây có ý nói đến “tín hữu”.

2:9c

thì vẫn còn ở trong bóng tối: Sứ đồ Giăng đang nhấn mạnh rằng một người sống ở trong bóng tối cho thấy rằng cách người ấy suy nghĩ và hành động vẫn còn dựa trên sự gian ác và ngu dốt và người ấy chưa được thay đổi.

2:10b

nơi người đó: Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “trong người đó”. Nói một cách khác không có gì “trong người đó” khiến cho họ phạm tội. Có thể dễ chuyển ngữ hơn là chỉ nói rằng “không có gì sẽ khiến cho người đó sa ngã” và không cố gắng chuyển ngữ từ “trong”. Hãy xem CĐN.

có gì gây vấp ngã: Đây là một ẩn dụ thường được dùng trong Kinh Thánh để nói đến việc phạm tội và thời không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Bạn có thể dùng một ẩn dụ khác có cùng một ý nghĩa, như là “lìa bỏ đường lối của Đức Chúa Trời”.

2:11a

Nhưng ai ghét anh chị em mình thì ở trong bóng tối: Sứ đồ Giăng tiếp tục dùng ẩn dụ về bóng tối đại diện cho sự gian ác và không công chính. Một người đối xử tệ với một tín hữu không thấy cách công chính để mà hành động cũng giống như một người ở trong bóng tối không thấy con đường đúng để đi.

2:11b

bước đi: Sứ đồ Giăng tiếp tục dùng ẩn dụ trong câu này bằng cách so sánh người không yêu mến các tín hữu khác như người đi lạc

trong một chỗ tối tăm và không nhìn thấy đường đi.

2:11c

vì bóng tối làm mất người đó mù loà: Ở đây sứ đồ Giăng dùng ý nghĩa của ẩn dụ này xa hơn nữa bằng cách so sánh người này với người trở nên mù loà. Đây có nghĩa là sự không hiểu biết hay từ khước lẽ thật của Đức Chúa Trời ngăn cản một người không hiểu được tình trạng của mình.

Đoạn văn 2:12-14

Chủ đề 2:12-14

Trong những câu này sứ đồ Giăng cắt ngang chủ đề chính của ông để trấn an các đọc giả của ông là ông biết họ là con dân Chúa thật và ông tin cậy họ (hãy xem lời giới thiệu của tiểu đoạn 1:5-2:27).

Trong tiểu đoạn này sứ đồ Giăng dùng lối viết văn khác. Ông viết ba lời tuyên bố trong 2:12-13 với cùng một cấu trúc để nói đến ba nhóm người và dùng nhóm từ “tôi viết...” rồi ông nói đến lý do ông viết các lời đó. Ông cũng nhấn mạnh sự tin cậy nơi các đọc giả của ông bằng cách lặp lại trong 2:14 hầu hết những điều ông đã nói ở trong 2:12-13 với một chút khác biệt (thí dụ: “tôi viết...” trở thành “tôi đã viết...”). Khi bạn chuyển ngữ những câu này, có thể cần phải điều chỉnh lại lối viết văn để chủ đề chính và điều mà sứ đồ Giăng đang trấn an các đọc giả của ông được trình bày một cách rõ ràng. BDM (và nhiều bản dịch khác) in những câu này theo hình thức của thể thơ.

2:12a

các con bé nhỏ: Nhóm từ này cũng giống như nhóm từ ở trong 2:1a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

2:12b

Vì: Sứ đồ Giăng không viết những điều này để thông báo cho các đọc giả của ông biết rằng tội lỗi của họ đã được tha thứ. Thay vào đó ông viết “vì” vì ông và họ biết tội lỗi của họ đã được tha thứ nên ông có thể dạy dỗ họ

- 2:9a** **Người nào nói mình ở trong ánh sáng**
 Vậy người nào nói rằng mình [hành xử một cách công chính giống như một người ở] trong sự sáng [của Đức Chúa Trời]
-HAY-
 Nếu ai nói mình công chính
- 2:9b** **mà ghét anh chị em mình**
 mà trong khi đó lại đối xử tệ với một tín hữu,
- 2:9c** **thì vẫn còn ở trong bóng tối.**
 thì người đó thật ra vẫn hành xử một cách gian ác giống như là người đó đang còn ở trong bóng tối.
- 2:10a** **Ai thương anh chị em mình thì ở trong ánh sáng,**
 Ai yêu thương các tín hữu tiếp tục hành xử theo như [bản chất công chính của Đức Chúa Trời giống như người ấy ở trong] sự sáng,
- 2:10b** **và nơi người đó không có gì gây vấp ngã.**
 và không có điều gì có thể khiến người phạm tội được.
- 2:11a** **Nhưng ai ghét anh chị em mình thì ở trong bóng tối,**
 Nhưng ai ghét một tín nhân khác thì đang sống trong bóng tối [của sự gian ác và ngu dốt],
-HAY-
 Nhưng ai đối xử tệ với một tín hữu làm điều gian ác cho họ thì người đó là [gian ác, giống như một người đang sống] trong bóng tối,
- 2:11b** **bước đi trong bóng tối và không biết mình đi đâu**
 và không biết hành động một cách công chính giống như một người đang đi trong bóng tối không biết mình đang đi đâu,
- 2:11c** **vì bóng tối làm mất người đó mù loà.**
 bởi vì sự gian ác/bất chính làm cho họ giống như một người mù.
- 2:12a** **Các con bé nhỏ! Ta viết cho các con**
 ¶ Các con [thuộc linh] yêu dấu, ta đang viết [những lời chỉ dẫn này] cho các con
-HAY-
 Ta đang viết [điều này] cho các con là các con [thuộc linh] nhỏ bé [của ta]
- 2:12b** **Vì nhờ danh Ngài, tội lỗi các con đã được tha thứ.**
 vì [chúng ta biết rằng] Đức Chúa Trời đã tha thứ tội của các con bởi vì việc Chúa Cứu Thế Giê-su đã làm cho các con.

thêm về cách sống của các con dân Chúa. Điều này áp dụng cho mỗi khi “vì” được dùng ở trong 2:12-14.

nhờ danh Ngài: Đây là một nhóm từ thông dụng ở trong Kinh Thánh có nghĩa là “bởi vì thẩm quyền của Ngài và điều Ngài đã làm”.

tội lỗi các con đã được tha thứ: Nếu cần phải thay đổi nhóm từ này qua thể chủ động, nên

dùng tác nhân là “Đức Chúa Trời”, thí dụ: “Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi của các con.”

2:13a

Các bậc phụ lão: Sứ đồ Giăng đang nói với một nhóm đọc giả lớn tuổi hơn những đọc giả khác. Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “các ông cha”. Hãy chú ý là họ không phải là “các ông cha” của chính sứ đồ Giăng, vì khi viết thư này ông đã cao tuổi rồi. Nhóm này bao gồm cả những người mà ông đã gọi là “các con bé nhỏ” trong 2:1.

Có thể sứ đồ Giăng dùng hình ảnh của “cha” hay “người trưởng lão” để nói đến các con dân Chúa trưởng thành trong đức tin, như là “cha” trưởng thành trong đời sống.

2:13b

các ông đã biết Ngài: Hãy xem lời giải nghĩa “biết Ngài” ở 2:3a.

từ lúc ban đầu: Đây nói đến Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng hiện hữu ngay từ trước khi thế giới được sáng tạo. Vậy nên có thể phải nói rõ tên Chúa Giê-su ra trong bản dịch. Cũng hãy xem lời giải nghĩa của “Điều vẫn có từ ban đầu” trong 1:1. Có thể cách mà BCG chuyển ngữ làm rõ nghĩa hơn:

anh em biết Đấng vẫn có từ lúc khởi đầu.

2:13c

các bạn trẻ: Có lẽ sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để nói đến những người mới trở thành con dân Chúa trong một thời gian ngắn nhưng đức tin của họ mạnh mẽ như những người thanh niên khỏe mạnh.

2:13d

kẻ ác: Đây là một cách thông dụng để nói đến Sa-tan trong Tân Ước. Có thể cần phải nói rõ tên “Sa-tan” ở đây để cho người đọc hiểu là cụm từ *kẻ ác* không phải nói đến bất cứ người gian ác nào mà là nói đến Sa-tan.

2:14a

Hỡi các con bé nhỏ! Ta viết cho các con: Sứ đồ Giăng dùng một từ khác cho “con” ở đây. Nhóm từ cũng có nghĩa là “con/trẻ con” nhưng hàm ý thì khác. Trong 2:1a khi sứ đồ Giăng nói: “con bé nhỏ”, ông nhấn mạnh đến lòng yêu mến họ của ông và sự quan hệ gần gũi giữa ông và họ. Ở đây ông dùng một từ tổng quát hơn cho “con” có lẽ để nhấn mạnh đến sự thiếu trưởng thành của họ.

Ta viết cho các con: Ở đây sứ đồ Giăng dùng thì quá khứ: “ta đã viết cho các con”. Trong 2:12-14, BDM chuyển ngữ nhóm từ “ta viết” trong thì hiện tại. Nhưng bản Hy-lạp chỉ dùng thì hiện tại ở trong 2:12a-13d, và dùng thì quá khứ ở 2:14. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây chỉ là sự thay đổi trong cách viết chứ không phải thay đổi về ý nghĩa.

2:14b

Hãy chú ý là BDY đặt số câu ở một chỗ khác hơn là BDM, BDC, và BCG. Có thể đối với bản dịch của bạn nên đánh số câu theo hệ thống mà BDC dùng nếu đây là bản dịch quen thuộc nhất đối với các đồng hương trong địa bàn của bạn.

Đức Chúa Cha: Trong một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “Cha của chúng ta”.

2:14c

Các bậc phụ lão! Ta viết cho các con: Cùng một nhóm từ Hy-lạp được dùng ở 13a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

2:14d

từ lúc ban đầu: Hãy xem 2:13b.

2:14đ

các bạn trẻ: Hãy xem 2:13c.

2:14e

mạnh mẽ: Đây nói đến sức mạnh về thuộc linh, sự kiên trì của đức tin, khả năng để bênh vực và công bố Phúc Âm.

- 2:13a** **Các bậc phụ lão! Tôi viết cho các ông**
 Các Cơ Đốc Nhân lớn tuổi, tôi đang viết [những chỉ dẫn này] cho các ông
-HAY-
 Tôi đang viết điều này cho các ông là những người trưởng thành về phần thuộc
 linh như các bậc cha trưởng thành qua kinh nghiệm sống
- 2:13b** **Vì các ông đã biết Ngài từ lúc ban đầu.**
 bởi vì [chúng ta biết rằng] các ông đã biết Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng đã hiện
 hữu ngay cả trước khi sáng thế.
- 2:13c** **Hỡi các bạn trẻ! Tôi viết cho các bạn**
 Các Cơ Đốc Nhân trẻ, tôi [cũng] đang viết [những lời chỉ dẫn này] cho các bạn
-HAY-
 Tôi đang viết điều này cho các bạn là những người mạnh mẽ về phần tâm linh
 giống như các thanh niên khỏe mạnh về phần thể xác
- 2:13d** **Vì các bạn đã chiến thắng kẻ ác.**
 bởi vì [chúng ta biết rằng] các bạn đã đánh bại [Sa-tan, là] kẻ ác.
- 2:14a** **Hỡi các con bé mọn! Ta viết cho các con**
 Các con [thuộc linh] yêu dấu, ta đang viết [những lời chỉ dẫn này] cho các con
-HAY-
 Ta đang viết [điều này] cho các con [là những] con cái [thuộc linh] bé nhỏ của ta
- 2:14b** **Vì các con đã biết Đức Chúa Cha.**
 bởi vì [chúng ta biết rằng] các con biết Đức Chúa Trời, Cha của chúng ta.
- 2:14c** **Hỡi các bậc phụ lão! Tôi viết cho các ông**
 Các Cơ Đốc Nhân lớn tuổi, tôi đang viết [những lời chỉ dẫn này] cho các ông
-HAY-
 Tôi đang viết điều này cho các ông là những người trưởng thành về phần thuộc
 linh như các bậc cha trưởng thành qua kinh nghiệm sống
- 2:14d** **Vì các ông đã biết Ngài từ lúc ban đầu.**
 bởi vì [chúng ta biết rằng] các ông đã biết Chúa Cứu Thế Giê-su Đấng đã hiện
 hữu ngay cả trước khi sáng thế.
- 2:14đ** **Hỡi các bạn trẻ! Tôi đã viết cho các bạn**
 Các Cơ Đốc Nhân trẻ, tôi [cũng] đang viết [các lời chỉ dẫn này] cho các bạn
-HAY-
 Tôi đang viết điều này cho các bạn là những người mạnh mẽ về phần thuộc linh
 như các thanh niên mạnh mẽ về phần thể xác
- 2:14e** **Vì các bạn mạnh mẽ,**
 bởi vì các bạn mạnh mẽ [về phần thuộc linh]
-HAY-
 bởi vì [chúng ta biết rằng] các bạn tin cậy vững chắc nơi Chúa Cứu Thế,

2:14g

Lời Đức Chúa Trời ở trong các bạn: Ẩn dụ này mô tả điều mà các tín nhân luôn luôn chú ý đến và vâng theo lời của Đức Chúa Trời.

2:14h

kẻ ác: Hãy xem 2:13d.

2:15-17

2:15-17 Chủ đề

Ở đây sứ đồ Giăng đang kêu gọi các đọc giả của ông đừng yêu mến các điều gian ác của xã hội mà chúng ta đang sống.

2:15

Trong bản dịch Hy-lạp và tiếng Việt không có từ nào được dùng để nối kết 2:15-17 và các câu trước đó. Tuy nhiên đoạn văn này là sự cổ võ chính mà sứ đồ Giăng dành cho các đọc giả của ông. Ông bắt đầu sự cổ võ này bằng cách trấn an họ trong 2:12-14. Để giữ cho cách chuyển ngữ của bạn nghe được tự nhiên có thể cần phải dùng một từ/cụm từ để nối liền hai phần này với nhau như là “Vì vậy”, hay “Vậy ta bảo các con”.

Mỗi bản tiếng Việt in câu này một cách khác nhau. BDM, cũng như CĐN, bắt đầu một đoạn văn mới. Chúng tôi đề nghị bạn làm như vậy. BDC bắt đầu một tiểu đoạn mới. BDY và BCG để câu này trong cùng một đoạn văn với câu 14.

2:15a

Đừng: Hãy cẩn thận trong bản dịch của bạn để người đọc thấy rõ là điều này áp dụng cho tất cả mọi đọc giả, không phải chỉ cho nhóm người sau cùng được nhắc đến, “các thanh niên” (2:14).

yêu: Đây là chuyển ngữ sát nghĩa với từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây. Ông dùng từ này với ý ham muốn lấy một cái gì, hay diễn tả ý rất quý trọng một điều gì đó. Một cách chính xác hơn để chuyển ngữ ý nghĩa sứ đồ Giăng muốn nói là “quý trọng” hay “tham muốn”.

thế gian: Đây không có nghĩa là “người trên thế gian”, là ý nghĩa ở trong Giăng 3:16. Ở đây “thế gian” được dùng để nói đến sự gian ác của xã hội loài người, trái ngược lại với ý muốn của Đức Chúa Trời. Có thể nói về “thế gian” theo cách này nghe không được tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn. Trong trường hợp đó bạn có thể nói: “xã hội loài người” hay “điều mà các người gian ác làm và có”.

cùng những gì: Ở đây sứ đồ Giăng nói đến các vật thuộc về vật chất trên thế gian. Nhưng ông nói một cách tổng quát đến nỗi ông cũng có thể đang bảo các đọc giả của ông tránh xa tất cả các thái độ hay tư tưởng nào của xã hội mà không hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Ông cho thí dụ về những điều ông nói ở trong câu kế tiếp.

2:15b

Nếu ai...: Câu này nói tới một lý do cho sự kêu gọi của sứ đồ Giăng về việc đừng yêu mến thế gian. Lý do thứ nhì được ghi lại ở trong 2:17. Để làm cho sự nối kết được thấy rõ ràng có thể cần phải chuyển ngữ là “Bởi vì nếu ai...”

tình yêu thương của Đức Chúa Cha không ở trong người đó: Vì điều này được đối chiếu với việc yêu mến thế gian, nó có nghĩa rõ ràng là “người đó không yêu mến Đức Chúa Trời”.

2:16

Đây là một câu dài chứa đựng danh sách của một số điều. Đối với những câu như câu này có thể chuyển ngữ thành hai câu thì nghe tự nhiên hơn. Hãy xem PKTCCN.

2:16a

Vì mọi sự...: Câu này nói về lý do của lời tuyên bố của sứ đồ Giăng trong phần thứ nhì của 2:15 nói rằng một người đi theo các lối gian ác của xã hội loài người không thể yêu mến Đức Chúa Trời cùng một lúc được.

2:16b

như đục vọng của xác thịt: Sứ đồ Giăng dùng cụm từ *xác thịt* để biểu hiệu cho bản chất của con người. Ông đang nói đến việc bản chất

2:14g	<p>Lời Đức Chúa Trời ở trong các bạn, và các bạn luôn luôn chú ý đến điều Đức Chúa Trời đã phán, <i>-HAY-</i> và bởi vì các bạn tiếp tục vâng theo lời của Đức Chúa Trời,</p>
2:14h	<p>Và các bạn đã chiến thắng kẻ ác. và các bạn đã đánh bại [Sa-tan, là] kẻ ác.</p>
2:15a	<p>Đừng yêu thế gian cùng những gì ở trong thế gian. ¶ [Vậy ta bảo các con,] đừng tham muốn [các lối sống tội lỗi mà người ta làm theo ở trong] thế gian này. <i>-HAY-</i> ¶ Vậy đừng quý trọng xã hội [gian ác] và bất cứ điều gì nó có thể ban cho các con.</p>
2:15b	<p>Nếu ai yêu thế gian thì tình yêu thương của Đức Chúa Cha không ở trong người đó. Vì hễ ai tham muốn [cách gian ác mà những người của] thế gian này [hành động], thì người ấy không yêu mến Đức Chúa Trời, Cha [của chúng ta]. <i>-HAY-</i> Vì nếu ai quý trọng [các lối sống gian ác của] xã hội, thì người ấy không thể quý trọng Đức Chúa Trời, Cha [của chúng ta].</p>
2:16a	<p>Vì mọi sự trong thế gian Những lối sống gian ác đó gồm có cách hành xử như là <i>-HAY-</i> [Người đó không quý trọng Đức Chúa Trời] vì tất cả [các sự tham muốn gian ác của con người là:]</p>
2:16b	<p>như dục vọng của xác thịt, người ta làm điều họ thích, <i>-HAY-</i> Con người ao ước làm điều mà bản chất tội lỗi của họ khao khát.</p>
2:16c	<p>dục vọng của mắt và người ta tham muốn [một cách sai lầm] điều họ nhìn thấy, <i>-HAY-</i> Con người ao ước bất cứ điều gì hấp dẫn đối với họ.</p>

của con người làm chúng ta muốn làm những việc vì lạc thú của riêng chúng ta.

chúng ta thấy được không cần biết là Đức Chúa Trời có muốn chúng ta có chúng hay không.

2:16c

dục vọng của mắt: Đây nói đến khuynh hướng của con người muốn lấy những vật

2:16d

cuộc sống vật chất: Từ Hy-lạp được dùng ở đây để chỉ các vật sở hữu, sự giàu có, và các phương tiện sinh sống.

2:16đ

không đến từ Đức Chúa Cha: Nếu nói về các thái độ như sự ham muốn và kiêu ngạo “đến từ” một người hay một vật nào đó nghe không được tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn thì bạn có thể cần phải chuyển ngữ trực tiếp theo ý nghĩa. Hãy xem PKTCCN. Ý nghĩa cơ bản được nói ở đây là các thái độ này không phải là các thái độ mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta có, nhưng chúng là do việc chúng ta đi theo các lối gian ác của xã hội này.

2:17a

Và: Trong BDM, câu này bắt đầu với *Và*. 2:17 cho thấy một lý do thứ hai của lời kêu gọi ở trong 2:15 về việc đừng yêu mến thế gian. Vì vậy nên theo ý nghĩa nó nối kết gần hơn với 2:15b hơn là với 2:16.

dục vọng của nó: Đây nói đến tất cả các lối sống gian ác của xã hội loài người, như là các thái độ sai được nhắc đến ở trong 2:16.

qua đi: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “biến mất đi” hay “đến chỗ chấm dứt”. Thì của động từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy việc này xảy ra nhiều lần và chưa chấm dứt. Ở đây không tập trung vào nguyên nhân của sự chấm dứt đó, thay vào đó sứ đồ Giăng muốn đối chiếu thế giới gian ác sẽ chấm dứt đối với những người vâng lời Chúa và thế giới sẽ hiện hữu đời đời.

2:17b

ai: Từ này cũng có thể chuyển ngữ là “nếu ai”, hay “nếu con”.

làm theo ý định: Thì của động từ cho thấy đây là một hành động liên tục, không phải chỉ làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời một lần.

Đoạn văn 2:18-21**2:18-21 Chủ đề**

Trong những câu này sứ đồ Giăng trấn an các độc giả của ông rằng họ biết chân lý của Đức Chúa Trời bởi vì họ đã tiếp nhận Đức Thánh Linh.

2:18a

Hỡi các con bé mọn: Cùng một nhóm từ được dùng ở 2:14a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

thì giờ cuối cùng: Sứ đồ Giăng nói rằng sắp đến tận thế. Vì “thì giờ” được dùng như một ẩn dụ ở đây, có thể đối với nhiều ngôn ngữ chuyển ngữ là “những ngày cuối cùng” hay “lúc sắp tận thế” nghe tự nhiên hơn.

2:18b

như các con đã nghe rằng: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói ai bảo họ điều này. Trong trường hợp đó bạn có thể nói: “Chúng tôi (sứ đồ Giăng và các sứ đồ khác) đã bảo các con.”

2:18c

kẻ Chống Chúa Cứu Thế: Từ Hy-lạp được dùng ở đây gồm có *Chúa Cứu Thế* và một từ có nghĩa là “giả mạo” hay “chống lại”. Từ này hàm ý rằng có một người chống đối lại Chúa Cứu Thế. Cũng có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “kẻ thù của Chúa Cứu Thế”.

Nhóm từ *kẻ Chống Chúa Cứu Thế* chỉ được dùng bởi sứ đồ Giăng. Ông cũng dùng nói ở trong 1 Giăng 2:22, 4:3; 2 Giăng 1:7. Trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12 sứ đồ Phao-lô viết về “người đại ác”. Trong Khải Huyền 13:1-10 sứ đồ Giăng cũng viết về một người mà ông gọi là “con thú”. Cả hai người này đều gian ác, chống đối Đức Chúa Trời và xuất hiện vào lúc gần tận thế. Vậy nên khi sứ đồ Giăng nói về *kẻ Chống Chúa Cứu Thế* là người sẽ đến trong ngày tận thế và chống đối lại Đức Chúa Trời, các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng sứ đồ Giăng đang nói về cùng một người được mô tả ở trong sách 2 Tê-sa-lô-ni-ca và sách Khải Huyền. Vì nhóm từ này nói đến một người đặc biệt, nhiều bản dịch viết hoa như là một tên hay tước hiệu. Hãy xem BDM, BDC và BDY.

2:16d	và kiêu ngạo về cuộc sống vật chất và kiêu ngạo về điều họ có. -HAY- Con người kiêu căng vì điều mình có.
2:16d	đều không đến từ Đức Chúa Cha, nhưng phát xuất từ thế gian. [Những lối sống gian ác này] không đến từ Đức Chúa Trời, Đức Chúa Cha, nhưng đến từ con người.
2:17a	Và thế gian cùng với dục vọng của nó đều qua đi, Thế giới [gian ác] này cùng với dục vọng của nó đều sẽ đến chỗ chấm dứt. -HAY- Con người và sự ao ước [gian ác] của họ sẽ không tồn tại đời đời.
2:17b	nhưng ai làm theo ý định của Đức Chúa Trời tồn tại đến đời đời. Nhưng ai vâng lời Đức Chúa Trời sẽ sống đời đời. -HAY- Nhưng nếu ai làm điều Đức Chúa Trời muốn, người ấy sẽ tồn tại đời đời.
2:18a	Hỡi các con bé mọn, đây là thì giờ cuối cùng ¶ Các con [thuộc linh] yêu dấu, [ta bảo các con] đây là những ngày cuối cùng của thế giới này. -HAY- ¶ Các con [thuộc linh] của ta, đây là giai đoạn cuối cùng của thời đại này.
2:18b	như các con đã nghe rằng [Hãy nhớ lại trong quá khứ] chúng tôi đã bảo các con rằng
2:18c	kẻ Chống Chúa Cứu Thế phải đến [trong những ngày cuối cùng của thế giới này] Kẻ Thù của Chúa Cứu Thế sẽ xuất hiện.
2:18d	và giờ đây nhiều kẻ Chống Chúa Cứu Thế đã đến, Vây [như chúng tôi đã bảo các con], giờ đây các con thấy nhiều kẻ thù của Chúa Cứu Thế đã xuất hiện.

phải đến: Đây có nghĩa là *kẻ Chống Chúa Cứu Thế* sẽ xuất hiện trên thế giới.

2:18d

giờ đây nhiều kẻ Chống Chúa Cứu Thế đã đến: Trong câu 18c sứ đồ Giảng nói đến một người đặc biệt là *kẻ Chống Chúa Cứu Thế*. Ở đây ông nói một cách tổng quát hơn bằng

cách nói rằng có nhiều người chống đối Đức Chúa Trời giống như *kẻ Chống Chúa Cứu Thế*. Vì lý do đó, BDC không viết hoa từ *kẻ* ở đây. BDY phân biệt rõ kẻ gian ác này với một nhóm người hành động giống như hần:

Các con đã nghe tên Phản Chúa Cứu Thế sẽ tới, và nhiều người ‘phản Chúa’ đã xuất hiện.

2:18d

(BDC) bởi đó, chúng ta biết rằng ấy là giờ cuối-cùng: BDC phản chiếu văn phạm Hy-lạp được dùng ở đây nên được trích dẫn. Sứ đồ Giăng dùng *bởi đó* để nói đến sự kiện nhiều *kẻ Chống Chúa Cứu Thế* đã xuất hiện. Để làm cho rõ và tự nhiên trong bản dịch của bạn, có thể bạn phải thêm thông tin này vào. Hãy xem CĐN thứ nhì. Hãy xem cách BDM chuyển ngữ mà không phải dùng *bởi đó* mà vẫn nói rõ được điều sứ đồ Giăng muốn nói.

2:19a

Câu 19 bắt đầu bằng: “Họ đã từ chúng ta ra đi...”, trong phần hiệu đính mới nhất BDM đã dùng câu này như một phần của câu 18. Hãy để ý đến PKTCCN và các bản dịch tiếng Việt khác theo hình thức cổ truyền của câu 19.

Họ đã từ chúng ta ra đi: Những người này mà sứ đồ Giăng vừa mới gọi là “kẻ Chống Chúa Cứu Thế” xuất phát từ các thuộc viên của hội thánh. Rồi họ không đồng ý với các tín hữu khác nên họ rời khỏi hội thánh. Điều này đã chứng tỏ rằng họ chưa bao giờ thật là các con dân của Chúa (2:19d).

2:19b

nhưng không thuộc về chúng ta: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây là “không từ chúng ta”. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng họ không phải là các tín nhân. Vì họ không phải là các tín nhân họ không có một quan hệ thật với các tín nhân ở đó.

2:19c

Vì nếu họ thuộc về chúng ta thì đã ở lại với chúng ta: Nếu họ thật là các tín nhân thì họ đã không có lý do gì để rời khỏi hội thánh.

2:19d

Nhưng họ đã ra đi để...: Sứ đồ Giăng không nói rằng những người này bỏ hội thánh mà đi với mục đích là để cho thấy họ không phải là con cái thật của Chúa. Nhưng ông nói rằng khi họ bỏ đi như vậy cho thấy rõ ràng rằng họ không phải là các con dân của Chúa.

2:20a

Về phần các con: Đây đối chiếu đọc giả với những người đã bỏ hội thánh mà đi.

được Đấng Thánh xúc dầu: Đây là một ẩn dụ so sánh việc Chúa Cứu Thế ban Đức Thánh Linh qua phong tục của người Do Thái xúc dầu cho những người đàn ông khi họ trở nên thầy tế lễ. Các thầy tế lễ được Đức Chúa Trời đánh dấu là họ phục vụ Ngài qua nghi lễ đổ dầu lên đầu, vậy nên những tín nhân này đã nhận Đức Thánh Linh từ Chúa Giê-su để làm dấu rằng Đức Chúa Trời đã chọn họ.

Đấng Thánh: Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng cụm từ này nói đến Chúa Giê-su.

2:20b

tất cả các con đều có sự hiểu biết: Từ Hy-lạp được dùng ở đây chỉ có nghĩa là “các con biết”. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng “các con có sự hiểu biết”. Đó là cách BDM chuyển ngữ từ ấy. Tuy nhiên, đối với nhiều ngôn ngữ, kể cả tiếng Việt, không nói rõ là sứ đồ Giăng muốn nói đến loại hiểu biết nào. Vì vậy nhiều bản dịch dùng “biết Chân lý” (BDY) vì đó là loại hiểu biết mà sứ đồ Giăng nói đến trong câu kế tiếp.

2:21a

(BDY) Vì thế: Sứ đồ Giăng đã nói rằng các đọc giả của ông có sự hiểu biết và ông chỉ cho thấy là ông tin cậy rằng họ có đức tin thật nơi Chúa Cứu Thế (như ở trong 2:12-14). BDY dùng sự nối kết rõ ràng ở đây.

Ta đã viết cho các con, không phải vì các con không biết chân lý: Sứ đồ Giăng đang bảo các đọc giả của ông đừng nghĩ rằng ông viết điều này vì lý do ông cho là họ không biết chân lý.

2:21b-c

nhưng vì các con biết chân lý và vì...: Có nhiều sự giải thích khác nhau về cách 2:21b và 2:21c quan hệ với nhau:

- (1) Có lẽ sứ đồ Giăng đang nói rằng các đọc giả của ông biết hai điều. Điều thứ nhất là biết chân lý, và điều thứ nhì là trong chân lý không hề có sự đối trá. (BDC)

- 2:18d** **cho nên chúng ta biết rằng đây là giờ cuối cùng.**
 Vì điều này chúng ta biết rằng đây thật là những ngày cuối cùng của thế giới này.
-HAY-
 [Sự xuất hiện này của các kẻ thù của Chúa Cứu Thế] cho chúng ta thấy rằng thật ngày tận thế thật đã đến gần.
- 2:19a** **Họ đã từ chúng ta ra đi,**
 [Những kẻ thù này của Chúa Cứu Thế] thường ở trong hội thánh của chúng ta, và bây giờ họ đã bỏ đi,
- 2:19b** **nhưng không thuộc về chúng ta.**
 nhưng họ không bao giờ [thật sự] thuộc về [nhóm của] chúng ta.
-HAY-
 nhưng họ không bao giờ thật sự là tín hữu.
- 2:19c** **Vì nếu họ thuộc về chúng ta thì đã ở lại với chúng ta.**
 Nếu họ [thật sự] thuộc về [nhóm của] chúng ta, họ đã ở lại với chúng ta,
-HAY-
 Nếu họ thật là các tín hữu của chúng ta, họ đã ở lại hội thánh của chúng ta,
- 2:19d** **Nhưng họ đã ra đi để chúng tỏ rằng không một người nào trong họ thuộc về chúng ta.**
 nhưng [họ đã ra đi] nên [mọi người] có thể thấy rằng không có ai trong họ thuộc về [nhóm của] chúng ta.
-HAY-
 nhưng họ đã ra đi bỏ chúng ta để cho thấy là không có ai trong họ là tín hữu của chúng ta.
- 2:20a** **Về phần các con được Đấng Thánh xúc dầu**
 Nhưng về phần các con, Đức Chúa Trời đã ban cho các con quyền năng của Đức Thánh Linh đến từ [Chúa Cứu Thế] Đấng Thánh,
-HAY-
 Nhưng các con đã được làm nên thánh bởi Đức Thánh Linh do Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng Thánh, sai đến giống như thầy tế lễ được làm nên thánh bằng nghi lễ xúc dầu
- 2:20b** **và tất cả các con đều có sự hiểu biết.**
 và tất cả các con biết các điều chân thật [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ].
- 2:21a** **Ta đã viết cho các con, không phải vì các con không biết chân lý**
 Vậy ta viết [thư này] cho các con, không phải vì [ta nghĩ] các con không hiểu sứ điệp thật [là gì]
- 2:21b** **nhưng vì các con biết chân lý**
 nhưng vì các con có biết sứ điệp thật

(2) Một số học giả nghĩ rằng ông chỉ nhắc đến một điều là họ biết (chân lý) và rồi ông cho họ biết một lý do nữa mà ông viết điều này, đó là không có sự dối trá nào trong chân lý. (BDM, BCG, BDY)

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1) vì cách này được chấp nhận một cách rộng rãi hơn.

chân lý: Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 1:6c. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

2:21c

từ chân lý mà ra: Không thể nào có được sự tin tưởng sai lầm (dối trá) trong chân lý của Đức Chúa Trời.

Đoạn văn 2:22-25

2:22-25 Chủ đề

Trên cơ bản của sự trấn an mà ông vừa mới nói đến ở trong 2:18-21, ở đây sứ đồ Giăng thúc giục các độc giả của ông từ khước tà giáo và sống theo chân lý của Đức Chúa Trời.

2:22a

Ai là kẻ dối trá?: Sứ đồ Giăng dùng câu hỏi này để nhấn mạnh điều ông đang nói. Ông nhấn mạnh là lời nói dối tệ nhất là nói Chúa Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế. Đây là điều mà những người bỏ hội thánh đi đang dạy dỗ. Trong bản dịch có thể cần phải đổi câu hỏi này thành một lời nói nhấn mạnh. Hãy xem CĐN.

Nếu không phải là kẻ chối rằng Đức Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế: BDM, BDC, và BCG giữ theo văn phạm rắc rối của bản Hy-lạp. Sứ đồ Giăng dùng văn phạm đặc biệt để nhấn mạnh điều ông đang nói. BDY chuyển ngữ điều sứ đồ Giăng nói theo văn phạm của tiếng Việt: “Đó là kẻ nói Giê-xu không phải là Chúa Cứu Thế”.

Chúa Cứu Thế: Ở đây *Chúa Cứu Thế* không phải chỉ là một tên nhưng là một tước hiệu hay sự mô tả của Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến từ thiên đàng để cứu và cai trị dân sự của Ngài.

2:22b

Đó là kẻ chống Chúa Cứu Thế: Sứ đồ Giăng đang nói rằng nếu một người phủ nhận rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Rỗi mà Đức Chúa Trời đã hứa ban, thì người ấy làm họ trở nên kẻ thù của Chúa Cứu Thế Giê-su giống như kẻ thù của Chúa Cứu Thế là kẻ sẽ đến vào lúc tận thế.

kẻ chối Đức Chúa Cha...: Nhóm từ này cho thấy cách để chúng ta biết người như vậy là kẻ thù của Chúa Cứu Thế. Khi người ấy phủ nhận Chúa Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế thì người ấy cũng phủ nhận rằng Chúa Giê-su không phải là con Đức Chúa Trời, và như vậy người ấy cũng từ khước Đức Chúa Cha nữa.

chối: Trong 22a sứ đồ Giăng đã dùng từ *chối* để diễn tả: “chối rằng Đức Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế”. Trong 2:22b (“kẻ chối Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Con”), nó có nghĩa là người ấy “từ chối chấp nhận Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con”. Từ này được dùng một lần nữa theo ý này ở trong câu kế tiếp.

2:23

Trong câu này sứ đồ Giăng nói rõ là quan hệ của chúng ta đối với Đức Chúa Trời tùy thuộc vào việc chúng ta tin nơi Chúa Giê-su. Ông nhấn mạnh bằng cách nói một cách tiêu cực rồi lại nói một cách tích cực.

2:23b

tuyên xưng Đức Chúa Con: Nhóm từ này trái ngược với nhóm từ “chối Đức Chúa Con”. Nó có nghĩa là “chấp nhận, nói một cách công khai rằng người ấy tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời”.

có Đức Chúa Cha: Đây là một cách khác mà sứ đồ Giăng dùng để nói đến mối quan hệ gần gũi của các con dân Chúa và sự hiệp một với Đức Chúa Cha. Cũng hãy xem lời giải nghĩa của 2:5c “ở trong Ngài”.

2:24a

hãy giữ: Lời chỉ dẫn này (2:24a) là điểm chính của 2:18-25. Sứ đồ Giăng đã cảnh cáo các độc giả của ông về tà giáo mà các người rời bỏ hội thánh dạy, nên ông bảo họ không

2:21c	<p>và vì không có sự dối trá nào từ chân lý mà ra. BDC: và hiểu rằng chẳng có sự dối-trá nào bởi lẽ thật mà ra. và bởi vì [các con hiểu rằng] không có sự giả mạo nào đến từ [sứ điệp thật]. -HAY- và bởi vì [các con biết rằng] không có tà giáo nào thuộc về những điều chân chính [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ].</p>
2:22a	<p>Ai là kẻ dối trá? Nếu không phải là kẻ chối rằng Đức Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế. BDY: Ai là kẻ nói dối trá? Đó là kẻ nói Giê-xu không phải là Chúa Cứu Thế. ¶ Kẻ nói dối tệ nhất trong những người nói dối là người phủ nhận Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế [Đức Chúa Trời sai đến].</p>
2:22b	<p>Đó là kẻ chống Chua Cứu Thế, kẻ chối Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Con. Khi một người như thế nói rằng Chúa Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế, người đó [cũng] từ khước Đức Chúa Cha cùng với Chúa Giê-su, Con của Đức Chúa Trời. [Vậy rõ ràng là] một người như thế [giống như] kẻ thù của Chúa Cứu Thế.</p>
2:23a	<p>Ai chối Đức Chúa Con thì cũng không có Đức Chúa Cha. [Điều này là rõ ràng bởi vì] nếu ai từ khước Con của Đức Chúa Trời, thì người đó không thể nào hiệp nhất với Đức Chúa Cha.</p>
2:23b	<p>Ai tuyên xưng Đức Chúa Con thì có Đức Chúa Cha. [Nhưng] ai chấp nhận Con của Đức Chúa Trời cũng chấp nhận Đức Chúa Cha nữa. -HAY- [Nhưng] nếu ai công khai nói rằng Chúa Giê-su là Con của Đức Chúa Trời, người ấy cũng hiệp một với Đức Chúa Cha.</p>
2:24a	<p>Về phần các con, hãy giữ những điều các con đã nghe từ lúc khởi đầu ở trong các con. [Vì vậy,] về phần các con, các con phải tiếp tục hành xử theo sứ điệp [thật] mà con đã nghe từ khi con bắt đầu [tin Chúa Cứu Thế]. -HAY- [Vì vậy] các con phải luôn luôn chú ý đến sự dạy dỗ [về Chúa Cứu Thế] mà các con đã biết từ lần đầu tiên [các con nghe về Phúc Âm].</p>

được quên hay thay đổi giáo lý chân chính họ đã tiếp nhận.

từ lúc khởi đầu: Như ở trong 2:7b đây nói đến lúc họ mới trở nên con dân Chúa. Ý nghĩa của *từ lúc khởi đầu* khác với ý nghĩa của cùng một nhóm từ được dùng ở trong 1:1 và 2:13c.

ở trong các con: Trong bản Hy-lạp nhóm từ này có cùng một ý nghĩa với nhóm từ “ở trong các bạn” trong 2:14g. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:14g.

2:24b

Nếu những điều các con đã nghe từ lúc khởi đầu ở trong mình: Trong bản Hy-lạp chỉ có “từ lúc khởi đầu ở trong mình”. BDM thêm vào *những điều các con đã nghe* để làm rõ ý hơn.

thì các con sẽ ở:

(BDC) thì các con cũng sẽ ở: BDM không chuyển ngữ *cũng* nên BDC được trích dẫn ở đây. Trong ngữ cảnh này, từ được dùng trong bản Hy-lạp có nghĩa là “Con, về phần con”. Sứ đồ Giăng đang đối chiếu các đọc giả của ông (những người “ở trong Đức Chúa Con”) với sự dạy dỗ (ở trong họ). Nó không có nghĩa là “các con cùng với những người khác”. BCG chuyển ngữ nhóm từ này bằng cách dùng từ “chính”: “thì chính anh em sẽ ở lại trong Chúa Con...”

ở trong Đức Chúa Con và trong Đức Chúa Cha: Giống như ở trong 2:5 đây là cách mà sứ đồ Giăng dùng để nói về quan hệ gần gũi của chúng ta và sự hiệp một với Đức Chúa Trời. Hãy xem lời giải nghĩa về “ở trong Ngài” ở trong 2:5c.

2:25

đây: Từ *đây* nói ngược trở lại về ý tưởng “ở trong Đức Chúa Con và trong Đức Chúa Cha”.

lời hứa mà Ngài đã hứa: BDM chuyển ngữ theo bản Hy-lạp nhưng có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “điều mà Ngài đã hứa”. Hãy xem BDY và BCG để thấy những cách khác để chuyển ngữ nhóm từ này một cách tự nhiên hơn.

Ngài: Đại từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *Ngài* nói đến Chúa Giê-su ở đây.

Đó là sự sống vĩnh phúc: Sứ đồ Giăng đang nói rằng nếu chúng ta cứ ở trong Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha, thì chúng ta sẽ có sự sống vĩnh phúc mà Chúa Giê-su đã hứa.

sự sống vĩnh phúc: Cũng giống như ở các chỗ khác trong Tân Ước nơi mà từ này được dùng nó mô tả đời sống mà chính Đức Chúa Trời có và ban cho chúng ta. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:2c.

Đoạn văn 2:26-27**2:26-27 Chủ đề**

Sứ đồ Giăng chấm dứt tiểu đoạn này bằng cách lặp lại lời kêu gọi mà các đọc giả của ông sống theo chân lý mà họ đã được dạy dỗ và giữ sự hiệp một với Chúa Cứu Thế.

2:26a

những điều này: Đây nói đến điều sứ đồ Giăng đã viết ở trong 2:18-25.

2:26b

lừa dối các con: Những người đã bỏ hội thánh đi đang cố gắng lừa dối các con dân Chúa với tà giáo về Phúc Âm.

2:27a

Về phần các con: Sứ đồ Giăng ở đây đang nhấn mạnh rằng các con dân Chúa, những người đã biết chân lý thì khác với các giáo sư giả mạo.

sự xúc dầu các con đã nhận nơi Ngài: Có lẽ đây nói đến việc Chúa Cứu Thế ban Đức Thánh Linh. Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 2:20a về “được Đấng Thánh xúc dầu”.

vẫn ở trong các con: Đức Thánh Linh vẫn ở trong các tín nhân.

2:27b

và...: 2:27b nói đến kết quả của lời tuyên bố trước đó, vậy nên có thể cần phải nối liền bằng “vì vậy” thay vì *và*. Hãy xem PKTCCN.

các con không cần ai dạy dỗ nữa: Sứ đồ Giăng dùng lối nói phóng đại để nhấn mạnh điều ông muốn nói. Chắc chắn ông đã nghĩ rằng các đọc giả của ông cần biết một số sự dạy dỗ vì thư này dạy những sự dạy dỗ. Ý ông muốn bảo họ rằng họ không cần một sự dạy dỗ nào khác hơn là sự dạy dỗ họ nhận được từ Đức Thánh Linh. Có thể đối với ngôn ngữ của bạn cách nói phóng đại của sứ đồ Giăng không truyền thông được một cách chính xác, bạn có thể nói: “các con không cần bất cứ giáo sư nào khác” để có thể làm rõ ý muốn nói. Hãy xem PKTCCN.

2:24b	Nếu những điều các con đã nghe từ lúc khởi đầu ở trong mình thì các con sẽ ở trong Đức Chúa Con và trong Đức Chúa Cha.
	Nếu con sống theo [sứ điệp thật] mà con đã nghe khi con bắt đầu [tin Chúa Cứu Thế], các con sẽ tiếp tục hiệp một với Con của Đức Chúa Trời và với Đức Chúa Cha.
	-HAY-
	[Bởi vì,] nếu con tiếp tục vâng theo sự dạy dỗ đó, con sẽ tiếp tục có một quan hệ gần gũi với Chúa Giê-su, Con của Đức Chúa Trời, và với Đức Chúa Trời, Cha Ngài.
2:25	Và đây là lời hứa mà Ngài đã hứa cùng chúng ta: Đó là sự sống vĩnh phúc. Đây là điều Đức Chúa Trời bảo chúng ta rằng Ngài sẽ làm: [Ngài sẽ khiến chúng ta] sống đời đời.
2:26a	Ta viết cho các con những điều này ¶ Ta viết [để cảnh cáo] các con
2:26b	nói về những kẻ lừa dối các con. về những người muốn lừa dối các con.
2:27a	Về phần các con, sự xúc dầu các con đã nhận nơi Ngài vẫn ở trong các con [Nhưng] về phần các con, Đức Thánh Linh mà các con đã nhận từ Chúa Cứu Thế, vẫn ở trong các con.
2:27b	và các con không cần ai dạy dỗ nữa. [Vì vậy] không cần ai dạy các con [điều gì mới].
2:27c	Nhưng sự xúc dầu dạy dỗ các con mọi sự Thay vào đó, chính Đức Thánh Linh là Đấng dạy các con mọi điều [các con cần biết]

dạy dỗ nữa: Sứ đồ Giăng đang nói đến một người dạy dỗ họ một điều mới mà trước giờ họ chưa hề nghe nói đến.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:27a-b: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải đổi ngược lại thứ tự của các mệnh đề ở trong 2:27a-b, thí dụ:

“Các con, về phần các con, các con không cần phải có ai dạy các con cả, vì Đức Thánh Linh mà các con đã nhận từ nơi Ngài ở trong các con.”

2:27c

sự xúc dầu: Đây là biểu tượng của việc tiếp nhận Đức Thánh Linh. Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 2:20a về “được Đấng Thánh xúc dầu”.

mọi sự: Ông đang nhấn mạnh rằng Đức Thánh Linh dạy họ về tất cả những điều chân chính họ cần biết mà đã được Đức Chúa Trời đã bày tỏ. Hãy xem PKTCCN của 2:27b-c.

2:27d

sự xúc dầu là thật: Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Có lẽ đây muốn nói rằng điều Đức Thánh Linh dạy dỗ là thật. (BCG)
- (2) Nó có thể có nghĩa là các đọc giả đã tiếp nhận Đức Thánh Linh.

BDM, BDC và BDY chuyển ngữ nhóm từ này theo từng từ một nên cả hai ý này đều không được bày tỏ rõ ràng. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Hãy xem CĐN.

không phải giả dối: Sứ đồ Giăng nhấn mạnh điều ông muốn nói bằng cách lặp lại, trước hết dùng nhóm từ này một cách tích cực rồi sau

đó dùng một cách tiêu cực. Đối với một số ngôn ngữ, lặp lại điều sứ đồ Giăng nói không cho thấy sự nhấn mạnh mà nghe lại không được tự nhiên. Trong trường hợp đó, bạn có thể dùng một cách khác để nhấn mạnh điều sứ đồ Giăng muốn nói. Hãy xem CĐN thứ ba.

2:27đ

sự xúc dầu ấy: Đây nói đến Đức Thánh Linh. Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 2:20a về “được Đấng Thánh xúc dầu”.

hãy ở trong Ngài: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:5c.

Ngài: Đây nói đến Chúa Cứu Thế.

Tiểu đoạn 2:28-4:6 Làm thế nào để khỏi bị hổ thẹn khi chúng ta gặp Chúa Cứu Thế

2:28-4:6 Chủ đề

Trong tiểu đoạn này (sau chủ đề chính ở trong 2:28-29), sứ đồ Giăng đang nói rằng để chúng ta không bị hổ thẹn khi gặp Chúa Cứu Thế chúng ta phải làm những điều sau đây:

- 3:1-10** Chúng ta phải sống công chính như Chúa Cứu Thế đã sống.
- 3:11-18** Chúng ta phải yêu mến và giúp đỡ các tín hữu.
- 3:19-24** Chúng ta phải vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời để tin tưởng nơi Con của Ngài và yêu mến lẫn nhau.
- 4:1-6** Chúng ta phải thử nghiệm một cách cẩn thận điều các giáo sư nói để chúng ta biết họ có nói theo sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh hay không.

Đoạn văn 2:28-29

2:28-29 Chủ đề

Những câu này cho thấy chủ đề chính của tiểu đoạn 2:28-4:6. Sứ đồ Giăng nói rằng để không bị hổ thẹn khi Chúa Cứu Thế trở lại chúng ta phải giữ sự hiệp một với Ngài và làm theo các điều công chính.

2:28a

Vậy: Sứ đồ Giăng lặp lại lời chỉ dẫn ông đã nói ở trong câu trước “hãy ở trong Ngài”, và rồi nêu lên một mục đích của việc làm như vậy.

giờ đây: Sứ đồ Giăng đang dùng nhóm từ này để nói đến tình trạng hiện tại.

các con bé nhỏ: Như ở trong câu 2:1a, sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để nói đến các đọc giả của ông một cách thương mến. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:1a.

Hãy ở trong Ngài: Đây là cách sứ đồ Giăng nói về việc giữ một quan hệ gần gũi với Chúa Cứu Thế. Nói một cách khác là “hãy tiếp tục hiệp một với Đức Chúa Trời”, “liên kết chặt chẽ với Chúa Cứu Thế” hay “thuộc về Chúa Cứu Thế”.

2:28b

lòng tin quyết: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “tự tin” hay “can đảm”. Sứ đồ Giăng đang nói rằng nếu chúng ta hiệp một với Chúa Cứu Thế chúng ta không phải sợ hãi khi Ngài trở lại.

- 2:27d** và sự xúc dầu là thật, không phải giả dối.
và điều Đức Thánh Linh dạy các con là hoàn toàn chân thật không có sự giả dối nào trong đó.
-HAY-
Đức Thánh Linh là chân thật, không phải giả dối.
-HAY-
có thể hoàn toàn tin cậy Đức Thánh Linh là chân thật.
- 2:27đ** Như sự xúc dầu ấy đã dạy các con, hãy ở trong Ngài.
Vì vậy ta nói với các con, hãy giữ sự hiệp một với [Chúa Cứu Thế] như Đức Thánh Linh đã bảo các con làm.

Tiểu đoạn 2:28–4:6 Làm thế nào để khỏi bị hổ thẹn khi chúng ta gặp Chúa Cứu Thế

- 2:28a** Vậy, giờ đây, hỏi các con bé nhỏ! Hãy ở trong Ngài,
¶ Vì vậy, các con [thuộc linh] yêu dấu, hãy tiếp tục ở trong sự hiệp một với Chúa Cứu Thế,
- 2:28b** để chúng ta có lòng tin quyết lúc Ngài hiện đến,
để chúng ta có thể tự tin vào lúc Ngài trở lại thế gian này,
- 2:28c** chứ không hổ thẹn trốn tránh Ngài khi Ngài quang lâm.
và để chúng ta không hổ thẹn khi gặp Ngài vào lúc Ngài đến.

Ngài hiện đến: Đây nói đến việc Chúa Cứu Thế từ thiên đàng trở lại thế gian trong tương lai.

2:28c

(BDY) các con đây lòng tin tưởng, không phải hổ thẹn: Một lần nữa, sứ đồ Giăng lập lại cùng một ý nghĩa hai lần để nhấn mạnh điều ông đang nói ở đây. Lần thứ nhất, ông nói một cách tích cực: “có lòng tin quyết” và lần thứ nhì một cách tiêu cực: *không phải hổ thẹn*. BDM để nhóm từ “lúc Ngài hiện đến” ở giữa hai nhóm từ này nhưng trong bản Hy-lạp hai nhóm từ này được để chung với nhau giống như ở trong BDY.

Sứ đồ Giăng muốn nói rằng ông và các đọc giả của ông có thể mong đợi gặp Chúa Giê-su nếu họ hành xử một cách công chính và ở trong sự hiệp một với Chúa Giê-su qua sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh.

hổ thẹn trốn tránh: BDM dùng nhóm từ này để cố gắng chuyển ngữ từng từ một từ Hy-lạp được dùng ở đây. Từ Hy-lạp này hàm ý hổ thẹn đến nỗi muốn trốn tránh. BDC dùng hai nhóm từ để diễn tả ý nghĩa của từ Hy-lạp này “không bị hổ-thẹn và quăng xa khỏi Ngài”. Đa số các bản dịch chỉ chuyển ngữ từ này là “hổ thẹn” hay “bị xấu hổ”.

khi Ngài quang lâm:

(BDY) lúc gặp Ngài: Đây có nghĩa là “khi Chúa Cứu Thế trở lại”. Nhưng ở đây sứ đồ Giăng dùng thuật ngữ được dùng để nói đến việc trở lại của các vua. BDM, BDC và BCG dùng thuật ngữ dùng cho hoàng gia nhưng không phải là từ ngữ hiện đại. Vì lý do đó, BDY dùng từ ngữ hiện đại mà mọi người có thể hiểu được.

2:29a

Nếu: Mặc dù từ Hy-lạp được dùng ở đây thường được chuyển ngữ là “nếu” nó nói đến lý do cho câu nói kế tiếp. Có thể tốt hơn nên chuyển ngữ là “vì” hay “bởi vì”. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:27b. Có thể chuyển ngữ câu này theo một cách khác: “Các con biết Ngài là công chính, vì vậy các con nên nhận thức rằng...” Hãy xem BDC và BDY.

Ngài: Đại từ Hy-lạp được dùng ở đây có thể giải thích theo hai cách:

- (1) Nó có thể nói đến Đức Chúa Trời. (BDY, BCG)
- (2) Có lẽ nó nói đến Chúa Cứu Thế. (BDM, BDC)

Cả hai cách giải thích đều được các học giả Kinh Thánh hỗ trợ một cách mạnh mẽ. Vì *Ngài* dùng ở phần sau của câu chắc chắn có nghĩa là Đức Chúa Trời, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1) ở đây.

công chính: Đây có nghĩa là *công chính* theo chuẩn của Đức Chúa Trời.

2:29b

và: Có thể chuyển ngữ từ Hy-lạp dùng ở đây một cách chính xác hơn là “thì”. Hãy xem CĐN và BDC.

những ai...: Trong tiêu đoạn này sứ đồ Giăng quan tâm đến sự quan trọng của việc các con dân Chúa làm theo điều đúng. Vậy nên, khi ông nói “ai” ở đây ông muốn nói: “tất cả các con dân Chúa”. Ông không nói rằng bất cứ người nào, ngay cả một người chưa tin Chúa, làm điều đúng là người được sinh ra bởi Đức Chúa Trời. Ông nói rằng khi chúng ta làm việc đúng điều này cho thấy chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời.

hành động công chính: Từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến tất cả mọi sự hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời.

được Ngài sinh ra: Từ Hy-lạp được dùng ở đây là một từ nói về một người đàn ông có con trai. Sứ đồ Giăng dùng ẩn dụ này để nói giống như là người đàn ông sinh ra đứa con, Đức Chúa Trời ban sự sống cho con cái của Ngài về phần thuộc linh. Có thể nói một cách khác là người đó là “con của Đức Chúa Trời”.

Ngài: Như đã nói ở trên, đại từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến Đức Chúa Trời.

Đoạn văn 3:1-3

3:1-3 Chủ đề

Sứ đồ Giăng đang nói rằng chúng ta nên sống một cách công chính bây giờ bởi vì khi Chúa Cứu Thế trở lại chúng ta sẽ được coi là công chính như Ngài.

3:1a

Các con hãy xem: Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để kêu gọi các độc giả chú ý vào điều ông đang nói: Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta thật nhiều. Có thể chuyển ngữ là “để ý” hay “chú ý”. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách mà một diễn giả dùng để kêu gọi mọi người chú ý lắng nghe điều ông muốn nói.

Đức Chúa Cha đã yêu thương chúng ta là dường nào: Phần trước của nửa câu này là một lời tán thán. Nó ngắt ngang sự dạy dỗ về việc làm điều đúng. Trong 2:29 sứ đồ Giăng vừa mới nhắc tới chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời, và ở đây ông tuyên bố rằng điều này cho thấy tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta là lớn đến như thế nào. Khi chuyển ngữ cần phải diễn tả rõ đây là một lời tán thán và nó tập trung vào sự lớn lao của tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Cha: Đây nói đến Đức Chúa Trời. Trong 3:1b từ “Đức Chúa Trời” có thể nghe không được tự nhiên hay làm người đọc bối rối vì đối với một số ngôn ngữ không thể dùng hai cách khác nhau để nói đến cùng một người trong cùng một câu. Trong trường hợp đó, có thể tốt hơn là nói: “Đức Chúa Trời, Cha chúng ta”. Hãy xem PKTCCN.

3:1b

đến nỗi chúng ta được gọi: Đây cho thấy kết quả của tình yêu thương lớn lao của Đức Chúa Trời, không phải về mục đích Ngài yêu thương chúng ta. Hãy xem PKTCCN.

được gọi: Trong bản dịch có thể cần phải đổi lại thành một động từ chủ động: “Đức Chúa Trời đã kêu gọi chúng ta con cái của Ngài”. Khi sứ đồ Giăng nói rằng chúng ta đã được gọi là “con cái của Đức Chúa Trời”, ông

2:29a	Nếu các con biết Ngài là công chính Vì các con biết rằng Đức Chúa Trời luôn luôn làm điều công chính,
2:29b	và các con biết rằng những ai hành động công chính là người được Ngài sinh ra. thì các con [cũng] biết rằng ai tiếp tục làm theo điều công chính [theo chuẩn của Đức Chúa Trời] thì là con cái của Ngài. -HAY- các con biết rằng hễ ai tiếp tục làm theo điều đúng/công chính, Đức Chúa Trời khiến cho người ấy được sống [về phần thuộc linh].
3:1a	Các con hãy xem, Đức Chúa Cha đã yêu thương chúng ta là dường nào, ¶ [Hãy chú ý,] Đức Chúa Trời Cha của chúng ta đã yêu thương chúng ta thật là nhiều, -HAY- ¶ Chúng ta kinh ngạc vì Cha của chúng ta [Đức Chúa Trời] yêu mến chúng ta quá nhiều
3:1b	đến nỗi chúng ta được gọi là con cái Đức Chúa Trời, đến nỗi Ngài đã nói rằng chúng ta là con cái của Ngài. -HAY- kết quả là Đức Chúa Trời đã đặt chúng ta làm con cái [thuộc linh] của Ngài.
3:1c	và thật vậy, chúng ta là con cái Ngài. Thật vậy chúng ta đã trở nên con cái của Đức Chúa Trời. -HAY- Chúng ta thật sự là con cái [thuộc linh] của Ngài.
3:1d	Lý do thế gian không nhận biết chúng ta vì họ không biết Ngài. Nhưng những người không tin Chúa không hiểu [rằng] chúng ta [là con của Đức Chúa Trời] là vì họ không hiểu Đức Chúa Trời [Cha chúng ta].

đang dùng cách nói tượng hình để nói rằng Đức Chúa Trời coi chúng ta là con cái của Ngài. Có thể chuyển ngữ theo ý nghĩa nghe tự nhiên và rõ ràng hơn. Hãy xem CDN thứ nhì.

3:1c

và thật vậy, chúng ta là con cái Ngài: Sứ đồ Giăng nhấn mạnh việc chúng ta là con cái Đức Chúa Trời tuyệt diệu là chừng nào bằng cách lặp lại điều đó trong nhóm từ này.

3:1d

thế gian: Nhóm từ này được dùng ở đây với một ý nghĩa hơi khác với ý được dùng ở trong 2:15. Ở đây nó có nghĩa là những người chưa tin Chúa, những người đó muốn các vật của

thế gian này thay vì theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

không nhận biết chúng ta: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng người thế gian không nhận biết hay chấp nhận rằng chúng ta đã trở nên con cái của Đức Chúa Trời.

vì họ không biết Ngài: Từ Hy-lạp *biết* được dùng ở đây với ý nghĩa là biết một người nào đó một cách cá nhân giống như bạn biết người trong gia đình hay bạn hữu. Đây khác hơn với việc biết người đó là ai, hay biết về một người nào. Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 2:7a. Trong 2:7a, BDM dùng “anh chị em” thay vì “con”.

3:2a

Các con yêu dấu!: Giống như ở trong 2:7, nhóm từ này cho thấy thái độ đầy thương mến của sứ đồ Giăng đối với các đọc giả của ông.

3:2b

Chúng ta sẽ như thế nào: Sứ đồ Giăng không nói rằng chúng ta sẽ thôi không là con cái của Đức Chúa Trời và trở nên một cái gì khác. Ông mong rằng bởi vì chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời chúng ta sẽ được thay đổi, mặc dù sứ đồ Giăng không biết rõ chúng ta sẽ được thay đổi như thế nào. Có lẽ cần phải có một lời chú thích ở cuối trang trong bản dịch của bạn để nói rõ điều này.

3:2c

Chúng ta biết: Sứ đồ Giăng đang nói rằng mặc dù chúng ta không biết một cách đầy đủ chúng ta sẽ như thế nào, dù vậy chúng ta biết chắc một điều: chúng ta sẽ trở nên giống như Chúa Cứu Thế.

khi Ngài hiện đến: Như ở trong 2:28, nhóm từ này nói đến Chúa Cứu Thế từ thiên đàng trở lại thế gian vào một lúc nào đó trong tương lai.

3:2d

Chúng ta sẽ thấy Ngài...: Có lẽ điều này cho chúng ta biết lý do chúng ta trở nên giống như Chúa Cứu Thế. Theo sứ đồ Phao-lô dạy ở trong 2 Cô-rinh-tô 3:18, chúng ta càng nhận biết Chúa Cứu Thế, nhiều chừng nào thì Đức Thánh Linh có thể thay đổi chúng ta giống như Ngài chừng ấy.

như Ngài vẫn hiện hữu: Đây nhấn mạnh rằng chúng ta sẽ thấy Chúa Cứu Thế không phải một cách mập mờ hay chỉ một phần, nhưng chúng ta sẽ biết Ngài một cách rõ ràng và trọn vẹn.

3:3a

ai có hy vọng này nơi Ngài: Đây nói đến việc mong trở nên giống như Chúa Cứu Thế như đã được nhắc đến ở trong câu trước.

hy vọng: Trong Tân Ước cụm từ này có nghĩa là “sốt sắng trông mong một điều gì đó mà bạn biết chắc là sẽ xảy ra”.

3:3b

sống trong sạch: Sứ đồ Giăng đang nói một cách tượng hình. Ông dùng cụm từ *trong sạch* để nói đến sự vô tội. Thì của động từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy việc giữ cho một người không phạm tội là một diễn tiến liên tục. BDM chuyển ngữ ý này bằng cách dùng từ *sống*. Nó cũng có thể chuyển ngữ là “hành xử”.

Ngài: Đây nói đến Chúa Cứu Thế.

Đoạn văn 3:4-6

3:4-6 Chủ đề

Những câu này cho thấy rằng một người không thể ở trong sự hiệp một với Chúa Cứu Thế trong khi tiếp tục phạm tội.

3:4a

phạm tội: Thì của động từ được dùng cho thấy là sứ đồ Giăng muốn nói đến sự tiếp tục phạm tội hay có thói quen phạm tội.

vi phạm Kinh Luật: Từ Hy-lạp được dùng ở đây là cùng một từ được dùng cho “vi phạm Kinh Luật” trong phần thứ hai của câu. (Hãy xem lời giải nghĩa kế tiếp.) Có lẽ nó có nghĩa là “tù khước thẩm quyền của luật pháp của Đức Chúa Trời, phản loạn chống nghịch lại Đức Chúa Trời”.

3:4b

vi phạm Kinh Luật: Từ Hy-lạp được dùng ở đây là một từ mạnh mẽ. Nó cho thấy sự phản loạn chống nghịch lại Đức Chúa Trời ghê gớm đến nỗi mà không ai muốn bị tố cáo là làm như vậy. Nên cố gắng truyền thông ý này khi bạn chuyển ngữ nhóm từ này.

3:5a

Ngài: Đây nói đến Chúa Cứu Thế.

Ngài đã đến: Nhóm từ này nói đến khi Chúa Cứu Thế đến thế gian lần đầu tiên.

để xoá bỏ tội lỗi: Nhóm từ này có cùng một ý nghĩa với Giăng 1:29: “Đây là Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng xoá tội lỗi cho nhân loại!” Nó nói rằng Chúa Giê-su đã đến để chết

3:2a	Các con yêu dấu! Giờ đây chúng ta là con cái Đức Chúa Trời. Vậy, các bạn yêu dấu của tôi, mặc dù chúng ta là con cái [thuộc linh] của Đức Chúa Trời,
3:2b	Còn chúng ta sẽ như thế nào thì chưa được bày tỏ. chúng ta chưa biết trong tương lai chúng ta sẽ là người như thế nào. -HAY- [Đức Chúa Trời] chưa bày tỏ cho chúng ta thấy Ngài định thay đổi chúng ta như thế nào.
3:2c	Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ được giống như Ngài, [Tuy nhiên] chúng ta biết rằng khi [Chúa Cứu Thế] trở lại chúng ta sẽ giống như Ngài,
3:2d	vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vẫn hiện hữu. bởi vì chúng ta sẽ nhận thức Ngài như Ngài vẫn hiện hữu.
3:3a	Vậy, ai có hy vọng này nơi Ngài Vì vậy, nếu ai mong đợi rằng mình sẽ trở nên giống như [Chúa Cứu Thế]
3:3b	thì phải sống trong sạch, cũng như Ngài vốn là Đấng thanh sạch. thì người ấy phải sống một cách công chính, giống như [Chúa Cứu Thế] là công chính.
3:4a	Ai phạm tội là người vi phạm Kinh Luật ¶ Ai tiếp tục phạm tội là người phản loạn chống nghịch với Kinh Luật [của Đức Chúa Trời]. -HAY- ¶ Nhưng nếu ai tiếp tục phạm tội người ấy cũng từ khước Kinh Luật của Đức Chúa Trời,
3:4b	vì tội lỗi là vi phạm Kinh Luật. Đó chính là tội lỗi, tội lỗi là phản loạn chống nghịch lại với Kinh Luật [của Đức Chúa Trời]. -HAY- vì tội lỗi là từ khước Kinh Luật [của Đức Chúa Trời].
3:5a	Và các con biết, Ngài đã đến để xóa bỏ tội lỗi Các con biết rõ rằng mục đích Chúa Cứu Thế Giê-su đến thế gian là để cất [khỏi chúng ta sự trừng phạt về] các tội lỗi chúng ta phạm
3:5b	và trong Ngài không có tội lỗi. và [các con cũng biết rằng chính] Ngài không thể phạm tội.

cho chúng ta hầu cho tội lỗi của chúng ta được tha thứ.

3:5b

trong Ngài không có tội lỗi: BDM chuyển ngữ từng từ một của thành ngữ mà sứ đồ

Giăng dùng ở đây. Sứ đồ Giăng muốn nói là “Ngài/Chúa Giê-su không thể phạm tội”.

3:6

Câu này là kết luận mà sứ đồ Giăng rút ra từ các điểm mà ông đã nêu lên ở trong 3:4-5. Có thể cần phải bày tỏ sự nối kết này một cách rõ ràng bằng cách dùng “vậy, vì vậy” (BDY). Hãy xem PKTCCN.

3:6a

ở trong Ngài: Giống như ở trong 2:5 đây là cách của sứ đồ Giăng dùng để nói về quan hệ gần gũi với Đức Chúa Trời. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:5c.

không phạm tội: Thì của động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “không nên tiếp tục phạm tội” hay “không nên có thói quen phạm tội”. Sứ đồ Giăng không nói rằng các con dân Chúa là toàn hảo và không bao giờ phạm tội. Ông nói đến một người vẫn phạm tội hay có tính hay phạm tội.

3:6b

phạm tội: Đây có cùng một ý nghĩa như là “tiếp tục phạm tội” trong 3:6a.

3:6c

thấy: Đây không nói đến “nhìn” theo nghĩa đen. Họ chưa phân biệt được Chúa Cứu Thế là ai.

biết Ngài: Từ Hy-lạp *biết* được dùng ở đây có nghĩa là biết một người một cách cá nhân như bạn biết một người trong gia đình hay bạn hữu. Đây khác với việc biết một người là ai, hay biết về một người nào đó. Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 2:3, 4, 13, 14; 3:1.

Đoạn văn 3:7-10

3:7-10 Chủ đề

Sứ đồ Giăng giải thích rằng cách hành xử của chúng ta cho thấy chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời hay Sa-tan.

3:7a

các con bé nhỏ: Cùng một nhóm từ được dùng ở trong 2:1a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

lừa dối các con: Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “dụ dỗ bằng cách ảnh hưởng sự suy nghĩ, tình cảm, và sau cùng hết là cách hành xử”. Trong trường hợp này cách hành xử là tội lỗi. Nói một cách khác sứ đồ Giăng đang cảnh cáo họ đừng cho phép bất cứ ai thay đổi cách họ suy nghĩ về mọi việc để dẫn họ đến chỗ phạm tội.

3:7b

công chính: Đây có nghĩa là tiêu chuẩn về công chính của Đức Chúa Trời.

Ai hành động công chính là người công chính: Sứ đồ Giăng không đồng ý với các giáo sư giả mạo là người tuyên bố rằng bất cứ ai đều có thể trở nên công chính chỉ bởi cách chấp nhận sự dạy dỗ của họ. Họ tuyên bố rằng nếu một người tiếp tục sống một đời sống gian ác cũng không sao. Vì vậy khi chuyển ngữ cần giữ sự nhấn mạnh rằng người làm điều công chính là người công chính.

3:7c

như chính Ngài là Đấng công chính: Khi một người được Đức Chúa Trời coi là công chính, có nghĩa là người ấy có một sự quan hệ đúng với Đức Chúa Trời, giống như Chúa Giê-su. Đây là một cách chuyển ngữ theo ý nghĩa. Hãy xem CĐN.

Ngài: Có nhiều quan niệm khác nhau về từ này muốn nói đến ai ở đây. Đối với nhiều ngôn ngữ có thể dùng một từ để chỉ hoặc là Đức Chúa Trời hay Chúa Cứu Thế. Nếu bạn phải nói chính xác, tốt nhất nên chuyển ngữ là Chúa Cứu Thế.

3:8a

Ai phạm tội: Đây cũng giống như “Ai phạm tội” trong 3:4. Thì của động từ được dùng ở đây cho thấy rằng đây nói đến việc tiếp tục hay có thói quen phạm tội.

là người của quý vương: Đây có nghĩa là người như vậy có đặc tính giống như quý

3:6a	Ai ở trong Ngài thì không phạm tội, [Vì vậy] nếu ai ở trong sự hiệp nhất với Chúa Cứu Thế, người đó không tiếp tục phạm tội.
3:6b	còn ai phạm tội Nhưng nếu ai tiếp tục phạm tội,
3:6c	thì đã không thấy Ngài mà cũng không biết Ngài. thì người ấy đã không nhận thức được Chúa Cứu Thế là ai mà cũng không biết Ngài. -HAY- rõ ràng là người ấy không hiểu Chúa Cứu Thế là ai, và người ấy không có quan hệ với Chúa Cứu Thế.
3:7a	Hỡi các con bé nhỏ! Chớ để ai lừa dối các con. ¶ [Vì vậy,] hỡi các con yêu dấu, đừng để ai quyến rũ con [phạm tội].
3:7b	Ai hành động công chính là người công chính, Nếu ai tiếp tục làm điều đúng, người ấy là người công chính, -HAY- Nếu ai có một quan hệ đúng với Đức Chúa Trời,
3:7c	như chính Ngài là Đấng công chính. giống như Chúa Cứu Thế là công chính. -HAY- giống như là Chúa Cứu Thế có.
3:8a	Ai phạm tội là người của quỷ vương, Nhưng nếu ai tiếp tục phạm tội, người ấy giống như quỷ vương. -HAY- Nhưng hễ ai tiếp tục phạm tội, người ấy có tính giống như Sa-tan,
3:8b	vì quỷ vương phạm tội từ lúc ban đầu. [Điều này là rõ ràng] bởi vì [một người như vậy thì giống như] Sa-tan, [kẻ] đã phạm tội từ trước khi [sáng thế]. -HAY- vì quỷ vương đã luôn luôn phạm tội từ khi [sáng thế].

vương. Đôi khi điều này được chuyển ngữ là “là con của quỷ vương”.

quỷ vương: Từ bạn dùng ở đây phải là từ mà các đồng hương của bạn dùng để nói đến Sa-tan, kẻ cầm đầu các quỷ.

3:8b

vì: Sứ đồ Giăng đang nói rằng bất cứ người nào cứ tiếp tục phạm tội thì đó là vì họ có

cùng một tính như quỷ vương, và không phải tính của Chúa Cứu Thế Giê-su.

phạm tội: Thì của động từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy rằng quỷ vương đã phạm tội từ lúc ban đầu của buổi sáng thế và tiếp tục phạm tội từ đó cho đến bây giờ.

từ lúc ban đầu: Như ở trong 1:1 và 2:13 đây nói đến lúc thế giới mới được sáng tạo.

3:8c

Lý do Con của Đức Chúa Trời đã đến là để phá huỷ các công việc của quỷ vương: Công việc của quỷ vương là cám dỗ người ta phạm tội và điều khiển đời sống của họ để họ tiếp tục phạm tội. Chúa Cứu Thế đến để giải phóng người ta khỏi sự điều khiển của quỷ vương và chống lại sự cố gắng cám dỗ người ta của quỷ vương.

Câu này là một lời bình luận về các hoạt động đầy tội lỗi của quỷ vương mà vừa mới được nhắc đến. Nó cắt quăng sự dạy dỗ của sứ đồ Giăng về hai loại người, tội lỗi và công chính, và sự dạy dỗ này lại tiếp tục ở trong hai câu kế tiếp.

đã đến: Hãy xem lời giải nghĩa của “Ngài đã đến” ở trong 3:5.

3:9a

được Đức Chúa Trời sinh ra: Như ở trong 2:29b, đây có nghĩa là làm con của Đức Chúa Trời.

không phạm tội: Hãy xem lời giải nghĩa của “không phạm tội” ở 3:6a. Ở đây có cùng một ý nghĩa.

3:9b

vì bản chất của Ngài:
(BDC) vì hột giống của Đức Chúa Trời: BDC đã chuyển ngữ từng từ một ẩn dụ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây. Nhóm từ này (3:9b) là một ý nghĩ tổng quát nói đến một điều về bản chất và sự sống của Đức Chúa Trời là điều ở trong con cái của Ngài. BDM đã chuyển ngữ theo ý nghĩa. Hãy xem những cách chuyển ngữ khác có thể dùng được ở trong CDN.

3:9c

Người ấy không thể phạm tội vì đã được Đức Chúa Trời sinh ra: Phần thứ nhì của câu (3:9c) nhắc lại cùng một điểm được nói đến ở phần đầu của câu với từ ngữ mạnh hơn. Có thể cần phải làm cho sự nối kết được thấy rõ ràng ở trong bản dịch. Hãy xem PKTCCN.

3:10a

Đây là điều: Nhóm từ này nói đến điều sứ đồ Giăng viết ở trong 3:10b-c.

con cái quỷ vương: Đây cũng có nghĩa giống như nhóm từ “là người của quỷ vương” trong 3:8a.

3:10b

người nào không hành động công chính: Phần này của câu cho thấy cách mà người ta có thể thấy ai “là con cái Đức Chúa Trời và ai là con cái quỷ vương”. Đó là khi một người hành xử một cách mà Đức Chúa Trời cho là không công chính.

không thuộc về Đức Chúa Trời: Đây tương tự như là không phải là “con cái Đức Chúa Trời”.

3:10c

kẻ không yêu thương anh chị em mình cũng vậy: Văn phạm Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy là việc không yêu thương các tín hữu là một trong những cách hành xử bất chính mà một người có thể có. Đó là lý do CDN dùng từ “đặc biệt”. Các bản dịch tiếng Việt giải thích nhóm từ này như là một cách thứ nhì mà người ta có thể nhận biết là một người không thuộc về Đức Chúa Trời. Đây là một cách giải thích thông thường và dùng cách nào cũng thích hợp cả.

- 3:8c** **Lý do Con của Đức Chúa Trời đã đến là để phá huỷ các công việc của quỷ vương.**
 [Chúa Cứu Thế Giê-su,] Con Đức Chúa Trời, đã đến thế gian để đổi ngược lại mọi việc Sa-tan đã làm.
-HAY-
 Con Đức Chúa Trời trở nên một con người với mục đích phá huỷ việc quỷ vương làm.
- 3:9a** **Ai được Đức Chúa Trời sinh ra thì không phạm tội,**
 Không có người nào đã trở nên con cái của Đức Chúa Trời nên tiếp tục phạm tội,
- 3:9b** **vì bản chất của Ngài ở trong người ấy.**
 vì bản chất của Đức Chúa Trời ở trong đời sống/linh hồn của người ấy.
-HAY-
 vì các con cái của Đức Chúa Trời tiếp tục bày tỏ các đặc tính của Cha [thiên nhiên] của họ.
-HAY-
 bởi vì người ấy tiếp tục hành xử theo như sự sống và đức tính của Đức Chúa Trời đã nảy nở trong người ấy giống như một hạt giống sản xuất sự sống theo loại cây của nó.
- 3:9c** **Người ấy không thể phạm tội vì đã được Đức Chúa Trời sinh ra.**
 Người ấy không thể nào [tiếp tục] phạm tội bởi vì người ấy là con của Đức Chúa Trời.
-HAY-
 Tức là, người ấy không thể phạm tội bởi vì Đức Chúa Trời đã khiến người ấy sống [về phần thuộc linh].
- 3:10a** **Đây là điều bày tỏ ai là con cái Đức Chúa Trời và ai là con cái quỷ vương:**
 Vậy, điều cho chúng ta thấy [rõ ràng] ai là con cái của Đức Chúa Trời và ai là con cái của quỷ vương là:
-HAY-
 Những người là con cái [thuộc linh] của Đức Chúa Trời được phân biệt [một cách rõ ràng] với những người là con cái của quỷ vương qua thử nghiệm sau đây:
-HAY-
 Những người có đặc tính của Đức Chúa Trời được phân biệt với những người có đặc tính của quỷ vương qua điều này:
- 3:10b** **người nào không hành động công chính thì không thuộc về Đức Chúa Trời,**
 người nào không làm điều công chính [theo chuẩn của Đức Chúa Trời] không phải là con cái của Đức Chúa Trời [nhưng là con cái của Sa-tan],
-HAY-
 những người không làm theo điều đúng, không có đặc tính của Đức Chúa Trời,
- 3:10c** **kẻ không yêu thương anh chị em mình cũng vậy.**
 [đặc biệt] là người không yêu thương con dân của Chúa thì không phải là con cái của Đức Chúa Trời.

Đoạn văn 3:11-12

3:11-12 Chủ đề

Những câu này nối liền điều sứ đồ Giăng vừa mới nói về cách hành xử công chính với điều ông sắp nói trong 3:13-18 về sự quan trọng của việc yêu thương nhau.

3:11a

Vi: Mặc dù sứ đồ Giăng chuyển qua một đề tài mới, tình yêu thương của con dân Chúa, câu này được nối kết chặt chẽ với câu trước. Trong bản Hy-lạp câu 11 bắt đầu bằng một từ có thể chuyển ngữ là “Bởi vì/Vì”. Từ này cho biết lý do tại sao chúng ta biết rằng một người không yêu thương bạn hữu của mình thì không thể là con Đức Chúa Trời. Khi chuyển ngữ câu này cần phải xem có cần phải có một liên từ để làm cho sự nối kết với câu 10 được rõ ràng (BDC dùng “và”, BCG dùng “quả thể”) hay là làm thành một đoạn văn mới (3:11-12) mà không đòi hỏi phải có liên từ (như BDM, BDY). Chúng tôi đề nghị bạn nên bắt đầu một đoạn văn mới ở đây, hãy xem BDM, BDC.

lời loan báo mà các con đã nghe từ lúc khởi đầu: Điều răn phải yêu mến lẫn nhau là điểm chính mà các tín nhân mới đã được dạy dỗ.

3:12

Sứ đồ Giăng minh họa điều răn phải yêu anh em mình bằng cách dùng thí dụ về Ca-in (trong Sáng Thế 4). Ca-in không yêu thương em của ông và điều ông làm là gian ác. Hãy đọc Sáng Thế 4:1-16 trước khi chuyển ngữ câu này.

3:12b

thuộc về quý dữ: Hãy xem lời giải nghĩa của 3:8a “người của quý vương”. Ở đây có cùng một ý nghĩa.

quý dữ: Sứ đồ Giăng dùng *quý dữ* như là một cách khác để nói đến Sa-tan. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 2:13d; 2:14h. Bạn có thể chuyển ngữ cùng một cách ở đây. BDM chuyển ngữ nó là “kẻ ác” trong những câu này.

3:12c

em: Đây nói đến A-bên, em của Ca-in.

3:12d

tại sao...?: Đây là một câu hỏi tu từ được dùng để nhấn mạnh sự kiện lý do Ca-in phạm tội giết người là vì ông tiếp tục làm những điều ác. Điều này cho thấy ông thuộc về Satan. Đối với các ngôn ngữ không dùng câu hỏi tu từ theo cách này có thể cần phải dùng một câu nói và diễn tả sự nhấn mạnh của sứ đồ Giăng bằng một cách khác. Hãy xem CĐN.

3:12đ

Vì hành động của người: Đây có lẽ nói về toàn thể cách sống của Ca-in, không phải chỉ nói về sự kiện ông dâng tế lễ bằng ngũ cốc thay vì dùng sinh vật cho Đức Chúa Trời.

người: Đây nói đến Ca-in.

Đoạn văn 3:13-15

3:13-15 Chủ đề

Sứ đồ Giăng giải nghĩa rằng khi các con dân Chúa yêu mến lẫn nhau việc này cho thấy là các con dân Chúa thì khác hơn với người chưa tin Chúa.

3:13

Câu này nói đến bài học họ nên học ở 3:11-12, tức là người thế gian sẽ luôn luôn ghét dân sự của Đức Chúa Trời, giống như Ca-in ghét A-bên. Trong khi chuyển ngữ có thể bạn cần phải dùng liên từ (giống như “vậy” trong BDY) để chỉ rõ sự nối kết này.

3:13a

Thưa anh chị em: Trong suốt thư này sứ đồ Giăng gọi các đọc giả của ông là “các con của ta”, hay “các bạn hữu của ta”. Đối với một số ngôn ngữ dùng “các con yêu dấu” và “anh chị em” sẽ làm người ta nghĩ giống như là ông nói với hai nhóm người khác nhau. Trong trường hợp đó, bạn nên chuyển ngữ theo ý nghĩa ở đây: “các bạn hữu của tôi”, hay “các tín hữu của tôi”.

- 3:11a** **Vì đây là lời loan báo mà các con đã nghe từ lúc khởi đầu:**
¶ Kể từ lúc các con bắt đầu [theo Chúa Cứu Thế] các con đã nghe sứ điệp của Đức Chúa Trời:
-HAY-
Sứ điệp các con đã nghe khi các con mới [tin Chúa Cứu Thế] là
- 3:11b** **Chúng ta hãy yêu thương nhau.**
chúng ta phải yêu thương nhau.
- 3:12a** **Đừng như Ca-in**
Vậy chúng ta không nên giống như Ca-in.
-HAY-
Chúng ta không [nên] [thù ghét anh em tín hữu] như Ca-in,
- 3:12b** **là kẻ thuộc về quỷ dữ**
Hắn thuộc về Sa-tan, kẻ gian ác,
-HAY-
người thuộc về kẻ gian ác, [đã thù ghét em của mình].
- 3:12c** **và đã giết em mình.**
và vì thế nó đã giết ngay cả em của mình.
- 3:12d** **Tại sao người lại giết em mình?**
[Các con thấy đó] lý do tại sao Ca-in đã giết em của mình là:
-HAY-
[Ta nhắc cho các con nhớ là lý do] vì sao người lại giết em của mình:
- 3:12d** **Vì hành động của người là gian ác, còn hành động của em người là công chính.**
các việc mà Ca-in đã làm là tội lỗi, nhưng em của người làm điều đúng [và vì vậy Ca-in ghét em của mình].
- 3:13a** **Thưa anh chị em, đừng ngạc nhiên**
¶ Vì vậy, các tín hữu thân mến, anh chị em không nên ngạc nhiên
-HAY-
[Hơn thế nữa,] anh chị em không thể ngạc nhiên, các anh chị em [tín hữu của tôi]
- 3:13b** **nếu thế gian ghét anh chị em.**
rằng [người của] thế gian [này] ghét anh chị em [giống như Ca-in đã ghét em của mình].
-HAY-
khi những người không tin Chúa ghét các con.

3:13b

nếu thế gian ghét anh chị em: Sứ đồ Giăng chắc chắn rằng thế gian ghét các con dân Chúa. Đây không phải chỉ là một sự khả dĩ.

Vậy tốt hơn nên chuyển ngữ là “khi thế gian ghét anh chị em”.

thế gian: Như ở trong 3:1d, đây nói đến những người không tin Chúa. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:1d.

3:14a

Chúng ta...: Ở đây nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa các con dân Chúa và những người không tin Chúa. Sự khác biệt này được nhìn thấy ở trong cách các con dân Chúa yêu mến lẫn nhau, là điều chứng tỏ rằng họ sẽ sống đời đời trên thiên đàng. Trong bản Hy-lạp đại từ “chúng ta” được dùng trong thể nhấn mạnh để làm cho sự đối chiếu ở trên được rõ ràng. Hãy xem CDN thứ nhất.

Chúng ta vượt qua cõi chết, đến sự sống: Bởi vì chúng ta là các con dân Chúa, chúng ta không còn sống dưới quyền lực của sự chết và Sa-tan. Thay vào đó chúng ta có sự sống đời đời từ Đức Chúa Trời. Chúng ta giống như người đã chết, nhưng bây giờ lại sống lại.

3:14b

vì chúng ta yêu thương: Đây không nói đến lý do tại sao chúng ta vượt qua sự chết đến sự sống. Đây nói đến lý do tại sao chúng ta biết điều này là thật. Để tránh làm đọc giả bối rối nhiều bản dịch lập lại nhóm từ “Chúng ta biết điều này bởi vì” ở đây. Hãy xem CDN.

3:14c

Ai không thương yêu: Trong bản Hy-lạp động từ *thương yêu* không có bổ ngữ nhưng sứ đồ Giăng rõ ràng là vẫn nói đến việc thương yêu các tín hữu khác. Vậy nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có bổ ngữ cho động từ bạn có thể nói rõ ra.

3:15a

anh chị em mình: Ở đây cụm từ này được dùng với ý hơi khác với ý dùng ở trong 3:14b. Trong 3:15a nó có nghĩa là “bạn hữu của người ấy” hay “người khác”.

là kẻ sát nhân: Sứ đồ Giăng đang dạy các đọc giả của ông là Đức Chúa Trời coi sự thù ghét như là giết người.

3:15b

anh chị em biết rằng: Nhóm từ này nhấn mạnh điểm chính của 3:15b được giải nghĩa ở trong lời giải nghĩa sau đây.

có sự sống vĩnh phúc trong nó: Sứ đồ Giăng không nói rằng các kẻ sát nhân không thể có sự sống đời đời. Thay vào đó ông nói rằng một người giết người chắc chắn là chưa kinh nghiệm được sự sống đời đời mà Đức Chúa Trời ban cho. Hay nói một cách khác, người ấy chưa được Đức Chúa Trời cứu rỗi.

Đoạn văn 3:16-18

3:16-18 Chủ đề

Ở đây sứ đồ Giăng nhấn mạnh đến chủ đề về sự yêu thương mà ông đã giới thiệu ở trong 3:11. Ông đang cho thấy rằng tình yêu thương được bày tỏ trong việc giúp đỡ người khác.

3:16a

Đây là điều giúp chúng ta biết: Sứ đồ Giăng dùng cùng một nhóm từ Hy-lạp ở trong 2:3a (“Nhờ điều này chúng ta biết rằng”) và 2:5c (“nhờ đó chúng ta biết mình”). BDM chuyển ngữ mỗi chỗ một cách khác nhau nhưng bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ nhóm từ này ở trong mỗi chỗ khác nhau giống như CDN làm. Sứ đồ Giăng cũng dùng nhóm từ này ở trong 3:24c; 4:2a, 6d, 13; 5:2a.

Nhóm từ này nói đến phần thứ nhì của câu. Sứ đồ Giăng đang nói rằng Chúa Giê-su đã cho chúng ta thấy là yêu thương một người có nghĩa là chúng ta nên ngay cả muốn chết cho người ấy.

hy sinh mạng sống mình:

(BDC) bỏ sự sống: BDC dùng ẩn dụ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây. Ông dùng cùng một động từ có nghĩa là cởi bỏ quần áo. Đề tài của ẩn dụ này là Chúa Cứu Thế sẵn lòng coi mạng sống của Ngài giống như một cái áo, cái quần mà một người có thể cởi ra và để qua một bên. Đối với những ngôn ngữ không có ẩn dụ thích hợp để thay thế cho ẩn dụ này, người ta có thể chỉ nói rằng Chúa Cứu Thế sẵn lòng chết cho chúng ta. BDM chuyển ngữ theo ý nghĩa của ẩn dụ.

3:14a	<p>Chúng ta biết rằng: Chúng ta vượt qua cõi chết, đến sự sống [Còn về phần chúng ta,] chúng ta biết rằng chúng ta đã được giải phóng khỏi quyền lực của sự chết và bây giờ chúng ta có sự sống [vĩnh phúc]. -HAY- Chúng ta biết rằng thật chúng ta đã được thay đổi từ những người chết [về phần thuộc linh,] thành những người sống [về phần thuộc linh].</p>
3:14b	<p>vì chúng ta yêu thương anh chị em mình. [Chúng ta biết điều này] bởi vì chúng ta yêu thương anh chị em tín hữu của chúng ta.</p>
3:14c	<p>Ai không thương yêu vẫn ở trong cõi chết. Bất cứ ai không yêu thương [anh chị em tín hữu của mình] thì vẫn còn ở dưới quyền lực của sự chết. -HAY- Nếu ai không yêu thương [anh chị em tín hữu của mình] người ấy vẫn còn chết [về phần thuộc linh].</p>
3:15a	<p>Ai ghét anh chị em mình là kẻ sát nhân [Theo cách suy nghĩ của Đức Chúa Trời] hễ ai ghét người khác thì cũng giống như là kẻ sát nhân</p>
3:15b	<p>và anh chị em biết rằng không kẻ sát nhân nào có sự sống vĩnh phúc trong nó. và anh chị em biết rằng một kẻ sát nhân không được [Đức Chúa Trời] khiến cho được sống đời đời [về phần thuộc linh].</p>
3:16a	<p>Đây là điều giúp chúng ta biết tình yêu thương là gì: Ấy là Ngài đã hy sinh mạng sống mình vì chúng ta. Điều khiến cho chúng ta biết [làm thế nào để thật sự] yêu thương [các tín hữu] là: Chúa Giê-su đã tình nguyện chết vì lợi ích của chúng ta. -HAY- ¶ Chúng ta biết yêu thương những người khác như thế nào qua việc Chúa Giê-su bằng lòng chịu chết vì cơ chúng ta.</p>
3:16b	<p>Vậy chúng ta cũng nên hy sinh mạng sống mình vì anh chị em. Chúng ta cũng phải sẵn lòng ngay cả chết vì cơ [anh chị em tín hữu] của chúng ta. -HAY- Vì vậy chúng ta cũng nên tình nguyện bỏ ra [cho họ bất cứ điều gì chúng ta có] mà anh em [tín hữu] của chúng ta cần, [ngay cả] bằng lòng chịu chết vì họ.</p>

3:16b

Vậy...: Nhóm từ 3:16b là điều chúng ta nên kết luận từ 3:16a: Chúa Giê-su vui lòng chết cho chúng ta, vậy nên chúng ta cũng nên vui lòng làm như vậy cho người khác.

chúng ta cũng nên hy sinh mạng sống mình:

Sứ đồ Giăng không nói rằng chúng ta nên đi tìm cách để bị giết. Ông nhắc nhở chúng ta rằng nếu có khi nào chúng ta có thể cứu mạng sống của anh chị em mình bằng chính cái chết

của mình thì chúng ta không nên từ chối chết. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:16a.

3:17a

Nếu ai....: Sứ đồ Giăng cho, như một lời cảnh cáo, thí dụ về một con dân Chúa là người không thật sự yêu mến tín hữu của mình.

có của cải thế gian: Đây muốn nói đến những vật cần phải có để sinh sống.

3:17c

không giúp đỡ người đó: Từ Hy-lạp dùng ở đây nói đến cả hai thái độ của một người và hành động của người đó. Người ấy không bị ảnh hưởng hay chú ý gì đến các nan đề của anh chị em mình và không làm gì để giúp đỡ cho họ.

3:17d

thì làm sao tình yêu thương của Đức Chúa Trời ở trong người ấy được?: Câu hỏi tu từ được dùng ở đây để nhấn mạnh đến sự kiện là một người như vậy thì không thể nào yêu mến Đức Chúa Trời, ngay cả khi người đó tuyên bố là họ yêu mến Chúa. Có thể diễn tả ý này bằng một lời nói. Hãy xem CĐN.

yêu thương của Đức Chúa Trời ở trong người ấy: Nhóm từ này có nghĩa là *người ấy* yêu mến Đức Chúa Trời. Hãy xem CĐN.

3:18

Vì câu này cho thấy điểm chính của sứ đồ Giăng muốn nói trong 3:16-17, có thể cần phải nói rõ ý này ra trong bản dịch. Hãy xem PKTCCN.

3:18a

các con bé nhỏ: Cùng một nhóm từ được dùng ở trong 2:1a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

chúng ta đừng thương yêu chỉ bằng lời nói và nơi đâu môi chót lưỡi...: Trong bản dịch cần phải tránh hàm ý ở đây rằng chúng ta không bao giờ nên nói với ai là chúng ta yêu người ấy. Ở đây, sứ đồ Giăng cảnh cáo rằng không phải chúng ta chỉ nên nói là chúng ta yêu mến người khác, chúng ta cũng phải làm việc để giúp đỡ họ.

thương yêu: Sứ đồ Giăng đang nói đến việc yêu thương anh chị em của chúng ta hay yêu thương lẫn nhau, và có thể đặc biệt nói đến điều này trong bản dịch nếu cần phải có một bổ ngữ cho động từ *thương yêu*.

bằng lời nói và nơi đâu môi chót lưỡi:

(BDC) bằng lời nói và lưỡi: BDC chuyển ngữ từng từ một nhóm từ mà sứ đồ Giăng dùng ở đây. Sứ đồ Giăng dùng hai từ đồng nghĩa để nhấn mạnh điều ông đang nói. Ông dùng *lưỡi* để biểu tượng cho lời nói. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn dùng hai từ đồng nghĩa không truyền thông được sự nhấn mạnh bạn có thể dùng một từ và dùng một cách khác để nhấn mạnh. CĐN theo cách này. BDM và BDY dùng một thành ngữ Việt Nam để chuyển ngữ nhóm từ này.

3:18b

hành động và chân thật: Sứ đồ Giăng dùng hai từ giống như ông đã dùng ở trong 3:18a. Trong trường hợp này hai từ này diễn tả tình yêu thương bằng hành động của chúng ta và thật lòng yêu thương. Nói một cách khác, đó là qua sự giúp đỡ chúng ta cho thấy rằng chúng ta yêu thương thật lòng, không phải chỉ nói về tình yêu thương.

Đoạn văn 3:19-20

3:19-20 Chủ đề

Nếu chúng ta yêu thương nhau chúng ta sẽ không hổ thẹn khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

3:19a

Nhờ đó: Đây nói ngược trở lại đến điều sứ đồ Giăng đã nói trong câu trước về việc thật lòng yêu thương nhau. Để làm rõ ý trong khi chuyển ngữ có thể cần phải nói lại điều đó ở đây. Hãy xem PKTCCN.

chúng ta biết: Trong bản Hy-lạp dùng thì tương lai, có lẽ là vì sứ đồ Giăng đang nói rằng chúng ta sẽ biết là chúng ta thuộc về chân lý nếu chúng ta thực hành điều nói ở trong 3:18.

- 3:17a** **Nếu ai có của cải thế gian**
Nhưng nếu ai có đầy đủ mọi thứ người ấy cần để sinh sống
- 3:17b** **thấy anh chị em mình đang túng thiếu nhưng chật dạ,**
và người ấy biết rằng một [tín hữu] khác không có đủ để sống,
-HAY-
phát hiện một con dân Chúa khác không có [điều cần phải có để sinh sống],
- 3:17c** **không giúp đỡ người đó**
và nếu người ấy vẫn từ chối giúp đỡ người đó,
-HAY-
và từ chối bày tỏ lòng thương xót [bằng cách cung cấp điều anh chị em ấy cần],
- 3:17d** **thì làm sao tình yêu thương của Đức Chúa Trời ở trong người ấy được?**
thì rõ ràng là người ấy không yêu thương Đức Chúa Trời [như người ấy tuyên bố].
- 3:18a** **Hỡi các con bé nhỏ, chúng ta đừng thương yêu chỉ bằng lời nói và nơi đầu môi chót lưỡi,**
¶ Các con [thuộc linh] yêu mến, chúng ta không nên chỉ nói rằng chúng ta yêu thương nhau,
-HAY-
Các con [thuộc linh] của tôi, đừng chỉ nói về yêu thương [các anh chị em tín hữu của chúng ta],
- 3:18b** **nhưng hãy yêu thương bằng hành động và chân thật.**
nhưng hãy yêu thương họ một cách thành thật bằng cách giúp đỡ họ.
- 3:19a** **Nhờ đó chúng ta biết**
¶ [Nếu chúng ta thật sự yêu thương nhau như vậy,] chúng ta sẽ biết chắc
-HAY-
Qua việc [thật sự yêu thương các anh chị em tín hữu] của mình, chúng ta có thể chắc chắn
- 3:19b** **rằng chúng ta thuộc về chân lý**
rằng chúng ta thuộc về [Đức Chúa Trời, Đấng bày tỏ cho người ta] điều [phải và] chân thật.
-HAY-
rằng chúng ta đang sống theo sứ điệp thật.

3:19b

chúng ta thuộc về chân lý: Trong cách viết của sứ đồ Giăng thường *chân lý* có nghĩa là “mọi sự phù hợp với đặc tính của Đức Chúa Trời”. Đây là vì Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn thật của điều chân thật và công chính. Vậy

nên khi ông nói *chúng ta thuộc về chân lý*, điều này có nghĩa là chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời và chúng ta đang sống theo ý muốn của Ngài. Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở 1:6c. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

3:19c

chúng ta được an tâm: Ẩn dụ này nói đến việc chúng ta có sự bình an, tự tin, không còn lo lắng nữa.

trước mặt Ngài: Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để nói đến khi chúng ta cầu nguyện.

3:20a

lòng chúng ta lên án chúng ta: Sứ đồ Giăng đang nói về việc chúng ta đặc biệt cảnh giác về tội lỗi của chúng ta và có mặc cảm tội lỗi. Ông không nói đến những lúc mà Đức Thánh Linh nhắc nhở chúng ta về các tội lỗi mà chúng ta cần phải ăn năn.

3:20b

Vì...: Đây cho biết lý do tại sao yêu thương nhau sẽ cho chúng ta sự bình an ngay cả khi chúng ta lo lắng về tội lỗi của chúng ta, tức là, Đức Chúa Trời biết mọi sự về chúng ta nên chúng ta có thể chắc chắn rằng Ngài biết về tình yêu thương của chúng ta.

vĩ đại hơn: Từ Hy-lạp được dùng ở đây không nói rõ Đức Chúa Trời vĩ đại hơn “lòng chúng ta” về phương diện nào nhưng phần cuối của câu này cho thấy rõ là sứ đồ Giăng đang nói về kiến thức lớn hơn của Đức Chúa Trời.

lòng chúng ta: Đây nói đến các tư tưởng của chúng ta, vậy ý nghĩa cơ bản ở đây là “Đức Chúa Trời biết nhiều hơn là chúng ta biết”.

3:20c

Ngài biết mọi sự: Đức Chúa Trời biết tất cả mọi sự về chúng ta.

Đoạn văn 3:21-24

3:21-24 Chủ đề

Ở đây sứ đồ Giăng lập lại chủ đề chính của tiểu đoạn này, ông nói rằng chúng ta phải tuân theo các mạng lệnh của Đức Chúa Trời tin nơi Chúa Giê-su và yêu thương nhau.

Các học giả Kinh Thánh nhìn tiểu đoạn này theo hai cách chính:

(1) Một tiểu đoạn riêng biệt với cấu trúc thông thường của thể thơ Hy-lạp. BDM và BDY

để tiểu đoạn này trong một đoạn văn riêng nhưng không viết theo thể thơ.

(2) Như một lời tuyên bố đối chiếu với các câu 3:19-20 và là một phần của cùng một tiểu đoạn. Trong các câu 19-20 sứ đồ Giăng mô tả khi lòng chúng ta lên án chúng ta. Câu 21 mô tả tình trạng khi tấm lòng chúng ta không lên án chúng ta. BDC theo cấu trúc này. Trong trường hợp này có thể dùng một nhóm từ để nối kết chúng lại với nhau: “vậy, các bạn của tôi...” Cách nào cũng chấp nhận được cả.

3:21a

Các con yêu dấu: Trong bản Hy-lạp cùng một từ này được dùng ở trong 2:7a và 3:2a. Bạn có thể chuyển ngữ cùng một cách ở đây. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:7a.

lòng mình không lên án mình: Hãy xem lời giải nghĩa của 3:20a.

3:21b

chúng ta được vững tâm trước mặt Đức Chúa Trời: Đây là hậu quả đầu tiên của việc “lòng mình không lên án mình”. Đây đặc biệt nói đến việc sợ hãi không dám nói chuyện với Đức Chúa Trời. Cũng có thể giải thích nhóm từ này một cách tổng quát hơn nghĩa là chúng ta tự tin rằng chúng ta có một quan hệ tốt với Đức Chúa Trời.

3:22a

nhận được: Đây là hậu quả thứ nhì, và quan trọng hơn, về việc không bị lên án là các tội nhân khi chúng ta cầu nguyện với Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta điều chúng ta cầu xin.

3:22b

vì chúng ta tuân giữ các điều răn của Ngài: Làm điều Đức Chúa Trời ra lệnh cho chúng ta làm là cách chúng ta đáp ứng với tình yêu thương của Ngài không phải bởi vì chúng ta sợ hãi hay vì chúng ta muốn xin Ngài một điều gì. Thì của động từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy rằng chúng ta tiếp tục tuân theo các điều răn của Đức Chúa Trời.

3:19c	và chúng ta được an tâm trước mặt Ngài [Nếu chúng ta thật sự yêu thương nhau] chúng ta sẽ không lo lắng khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, -HAY- [Kết quả là,] lương tâm của chúng ta sẽ được yên ổn [khi chúng ta đối diện với Đức Chúa Trời],
3:20a	khi lòng chúng ta lên án chúng ta. ngay cả nếu tư tưởng/lương tâm của chúng ta nói rằng chúng ta là người có tội. -HAY- bởi vì [mặc dù] lương tâm của chúng ta có thể lên án chúng ta.
3:20b	Vì Đức Chúa Trời vĩ đại hơn lòng chúng ta [Chúng ta sẽ yên lòng] bởi vì chúng ta hiểu rằng Đức Chúa Trời biết nhiều về tư tưởng/lương tâm của chúng ta hơn là chúng ta biết, -HAY- Đức Chúa Trời lớn hơn lương tâm của chúng ta
3:20c	và Ngài biết mọi sự. và Ngài biết mọi sự [về chúng ta].
3:21a	Các con yêu dấu! Nếu lòng mình không lên án mình ¶ Các bạn yêu dấu của tôi, khi lương tâm chúng ta không lên án chúng ta
3:21b	thì chúng ta được vững tâm trước mặt Đức Chúa Trời. chúng ta không sợ hãi khi chúng ta cầu nguyện với Đức Chúa Trời. -HAY- chúng ta tự tin khi đối diện với Đức Chúa Trời.
3:22a	Và bất cứ điều gì chúng ta cầu xin thì nhận được điều ấy Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta mọi điều chúng ta cầu xin Ngài,
3:22b	vì chúng ta tuân giữ các điều răn của Ngài bởi vì chúng ta đang làm điều Ngài đã bảo chúng ta làm
3:22c	và làm điều đẹp lòng Ngài. và chúng ta sống một cách đẹp lòng Ngài.
3:23a	Đây là điều răn của Ngài: Các việc chính mà Đức Chúa Trời đã bảo chúng ta làm là

3:23a

điều răn của Ngài: Sứ đồ Giăng dùng *điều răn* trong thể số ít cho thấy rằng điều răn ở trong 23b là điều răn tóm tắt tất cả các điều răn của Đức Chúa Trời. Đối với một số ngôn

ngữ có lẽ không thể dùng *điều răn* ở thể số ít để nói đến hai động từ “tin” và “yêu thương”. Trong trường hợp đó sẽ cần phải nói: “Đây là những việc quan trọng nhất mà Ngài bảo chúng ta làm.”

3:23b

đanh Con Ngài: Đây nói đến thẩm quyền của Chúa Giê-su và đặc tính của Ngài và mọi việc về Ngài như là Con của Đức Chúa Trời.

3:23d

điều răn Ngài đã truyền cho chúng ta: Có lẽ Ngài nói đến “Chúa Cứu Thế”, vì Chúa Cứu Thế là người ban cho chúng ta điều răn về việc phải yêu thương nhau ở trong Giăng 13:34.

3:24a

ai: Đây có nghĩa là “bất cứ ai là người”. Nó bao gồm sứ đồ Giăng và các đọc giả của ông.

các điều răn Ngài: Đây nói đến các điều răn của Đức Chúa Trời. Nhưng vì người được nhắc đến sau cùng trong câu trước là Chúa Cứu Thế, có thể cần phải nói rõ ra là “Đức Chúa Trời” ở đây. Hãy xem BDY.

3:24b

ở trong Ngài và Ngài trong người ấy: Như ở trong 2:5c nhóm từ này nói đến việc có một quan hệ gắn gũi với Đức Chúa Trời. Đối với một số ngôn ngữ có thể dùng cùng một thành ngữ để chỉ cả hai điều này nghe không được tự nhiên, vậy nên có thể cần phải nói như sau: “họ luôn luôn hiệp một với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở trong lòng của họ”. Cùng một nhóm từ được dùng ở trong 4:15. Cùng một nhóm từ được dùng ở trong 4:13 nhưng được chuyển ngữ là “chúng ta” thay vì *người ấy*.

ở trong Ngài: Hãy xem lời giải nghĩa về 2:5c. Nói một cách khác là: “hiệp nhất với Đức Chúa Trời”, “kết hợp chặt chẽ với Đức Chúa Trời” hay “thuộc về Đức Chúa Trời”.

Ngài trong người ấy: Một cách diễn tả khác là: “Đức Chúa Trời ở với người ấy”.

3:24c

Sở dĩ chúng ta biết: Cùng một nhóm từ này được sứ đồ Giăng dùng ở trong 2:3a, 5c; 3:16a, 24c; 4:2a, 6d, 13; 5:2a. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:16a để biết thêm chi tiết. BDM chuyển ngữ một cách khác nhau trong mỗi chỗ nhóm từ này được dùng nhưng bạn có thể dùng cùng từ ngữ để chuyển ngữ nó như CĐN làm.

Ngài ở trong chúng ta: Đây cũng tương tự như 3:24b: “Ngài ở trong người ấy”. Cùng một nhóm từ cũng được dùng ở trong 4:12b và 4:13. Nói một cách khác là: “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”. Thì của động từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy là Đức Chúa Trời tiếp tục ở với chúng ta.

3:24d

nhờ Đức Thánh Linh: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng Đức Thánh Linh trong chúng ta chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời đang sống trong chúng ta.

Đoạn văn 4:1-3

4:1-3 Chủ đề

Sứ đồ Giăng cảnh cáo các đọc giả của ông rằng họ phải xem xét kỹ lưỡng bất cứ ai tuyên bố là họ nhận được sứ điệp từ Đức Thánh Linh.

4:1a

Các con yêu dấu: Đây là cùng một nhóm từ bắt đầu các câu 2:7a; 3:2a, 21a. Bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:7a.

mọi thần linh: Ở đây sứ đồ Giăng đang bảo các đọc giả của ông đừng nhận những lời nói của bất cứ ai tuyên bố là Đức Thánh Linh ban sứ điệp cho họ mà không tra xét kỹ lưỡng. Sứ đồ Giăng cảnh cáo rằng có một số người làm như vậy là các tiên tri giả mạo và sứ điệp của họ đến từ tà linh, là các kẻ thù của Chúa Cứu Thế. Vì vậy cụm từ *thần linh* ở đây có thể nói đến cả Đức Thánh Linh lẫn tà linh. Nhưng có thể làm cho rõ ràng hơn trong bản dịch bằng cách nói rõ ra là nó nói đến những người tuyên bố là họ nói các sứ điệp nhận từ Đức Chúa Trời, thí dụ:

đừng tin tất cả những người tuyên bố rằng họ có Đức Thánh Linh

-HAY-

đừng luôn luôn tin điều các con nghe bởi vì có người nói rằng đó là sứ điệp từ Đức Chúa Trời

3:23b	Chúng ta phải tin vào danh Con Ngài tức là Chúa Cứu Thế Giê-su chúng ta phải tin rằng Chúa Cứu Thế Giê-su là Con của Ngài,
3:23c	và phải yêu tương nhau và chúng ta phải yêu thương nhau
3:23d	như điều răn Ngài đã truyền cho chúng ta. như là [Chúa Giê-su] đã dạy chúng ta làm.
3:24a	Vậy, ai tuân giữ các điều răn Ngài Bất cứ ai làm điều Đức Chúa Trời ra lệnh [cho người ấy làm],
3:24b	thì ở trong Ngài và Ngài trong người ấy. người ấy là người [tiếp tục] hiệp một với Đức Chúa Trời và Ngài [tiếp tục] ở với người đó.
3:24c	Sở dĩ chúng ta biết Ngài ở trong chúng ta Điều khiến chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời chia sẻ sự sống của Ngài với chúng ta là: -HAY- Chúng ta chắc chắn rằng Đức Chúa Trời [tiếp tục] ở với chúng ta
3:24d	là nhờ Đức Thánh Linh mà Ngài đã ban cho chúng ta. nhờ Đức Thánh Linh, Đấng mà [Đức Chúa Trời] đã khiến ở trong chúng ta.
4:1a	Các con yêu dấu, đừng tin tưởng mọi thần linh, ¶ Các bạn thân mến của tôi, đừng tin bất cứ người nào [chỉ] nói rằng họ có Đức [Thánh] Linh của Đức Chúa Trời [ở trong họ]. -HAY- ¶ Các bạn thân mến đừng tin cậy mọi người dạy về Đức Chúa Trời.
4:1b	nhưng phải thử các thần linh [Thay vào đó,] các con nên xem xét cẩn thận [điều] người như vậy [nói], -HAY- nhưng hãy thử sự dạy dỗ [mà các con nghe]

4:1b

phải thử các thần linh: Một lần nữa đây lại nói đến thử nghiệm các sứ điệp hay các sự dạy dỗ mà người ta tuyên bố là đến từ Đức Chúa Trời. Trong khi chuyển ngữ đừng làm người

đọc hiểu lầm là sứ đồ Giảng bảo các con dân Chúa phải đi tìm kiếm các sứ điệp hay các sứ giả không đến từ Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

4:1c

từ Đức Chúa Trời: Nếu thần linh đến từ Đức Chúa Trời, nó có nghĩa là đến từ Đức Thánh Linh, vì ngoài Đức Thánh Linh không có “thần linh” nào khác đến từ Đức Chúa Trời.

4:1d

vì có nhiều tiên tri giả...: Mệnh đề này cho biết lý do mà sứ đồ Giăng ra chỉ thị là phải thử nghiệm những người tuyên bố là họ nói cho Đức Chúa Trời. Đối với một số ngôn ngữ có thể nghe tự nhiên hơn nếu để lý do trước. Thí dụ:

“Ở đâu cũng có nhiều người nói dối tuyên bố rằng lời họ nói đến từ Đức Chúa Trời. Vậy nên đừng tin tất cả mọi người nói rằng họ có Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Thay vào đó các con phải thử nghiệm mọi lời họ nói để các con có thể biết rằng người đó có thật sự có Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời hay không.”

đã xuất hiện: Đây nói đến có nhiều người đi đến các nơi khác nhau.

trên thế gian: Ở đây *thế gian* được dùng để nói “tất cả mọi nơi”.

4:2a

Nhờ điều này: Đây là cùng một nhóm từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng đã dùng ở trong 2:3a, 5c; 3:16a, 24c; 4:6d, 13; 5:2a. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:16a để biết thêm chi tiết. BDM chuyển ngữ mỗi chỗ nhóm từ này được dùng một cách khác nhau nhưng bạn có thể dùng cùng một từ ngữ ở mỗi chỗ giống như CĐN đã làm.

Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để nói đến phần còn lại của câu và câu kế tiếp. Ông cho

biết cách chúng ta có thể thử nghiệm lời của những người này nói.

thần linh của Đức Chúa Trời: Đây là một tên khác của Đức Thánh Linh.

4:2b

Thần nào: Hãy xem lời giải nghĩa của 4:1a.

ra đời: Đây nói đến khi Chúa Giê-su đến thế gian.

bằng thân xác: Nhóm từ này được dùng để diễn tả “như một con người”.

4:3a

không tuyên xưng Đức Giê-su: Ý ở đây muốn nói: “không công nhận rằng Chúa Cứu Thế Giê-su đã đến như một con người”.

4:3b

thần của kẻ chống Chúa Cứu Thế: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng người như vậy giảng và dạy bởi quyền năng của kẻ chống Chúa Cứu Thế hay bởi tà linh do kẻ chống Chúa Cứu Thế sai đến.

kẻ chống Chúa Cứu Thế: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:18c.

4:3c

các con đã nghe: Giống như ở trong 2:18b, sứ đồ Giăng nhắc họ nhớ rằng họ đã được dạy dỗ. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ ai bảo họ điều này. Trong trường hợp đó bạn có thể nói: “Chúng tôi (sứ đồ Giăng và các sứ đồ khác) đã bảo các con.”

4:3d

thế gian: Đây nói đến người ở khắp mọi nơi.

- 4:1c** **xem có phải phát xuất từ Đức Chúa Trời hay không,**
 để các con sẽ biết là người ấy có thật sự có thần linh của Đức Chúa Trời [ở trong họ] hay không.
-HAY-
 để phát hiện điều người đó dạy có đến từ Đức Chúa Trời hay không,
- 4:1d** **vì có nhiều tiên tri giả đã xuất hiện trên thế gian.**
 [Các con cần phải làm điều này] bởi vì ở đâu cũng có nhiều người nói dối là những người tuyên bố [một cách giả mạo] rằng họ đang dạy các sứ điệp họ nhận được từ nơi Đức Chúa Trời.
-HAY-
 vì có nhiều giáo sư giả mạo [là những người dạy sứ điệp giả] đã đi khắp nơi để dạy dỗ.
- 4:2a** **Nhờ điều này các con biết được thần linh của Đức Chúa Trời:**
 Đây là cách thử để biết xem một người có Đức Thánh Linh hay không,
-HAY-
 Đây là cách để nhận ra sự dạy dỗ đến từ Đức Chúa Trời:
- 4:2b** **Thần nào tuyên xưng Đức Giê-su là Chúa Cứu Thế ra đời bằng thân xác thì thần ấy đến từ Đức Chúa Trời.**
 bất cứ ai dạy dỗ mà công nhận rằng Chúa Giê-su đến [từ Đức Chúa Trời] dưới hình dạng của một con người thì người ấy đang dạy sứ điệp đến từ Đức Chúa Trời.
-HAY-
 Nếu một người nào nói rằng Chúa Giê-su được sinh ra như một con người, thì người ấy đã nhận được sự dạy dỗ từ Đức Thánh Linh.
- 4:3a** **Còn thần linh nào không tuyên xưng Đức Giê-su như thế thì không đến từ Đức Chúa Trời,**
 Nhưng bất cứ giáo sư nào không công nhận [điều này về] Chúa Giê-su thì sứ điệp họ dạy không đến từ Đức Chúa Trời.
-HAY-
 Nếu có một người nào nói rằng Chúa Giê-su không được sinh ra như một con người, [các con có thể chắc chắn rằng] người ấy không nhận sứ điệp [mà họ đang dạy] từ Đức Thánh Linh.
- 4:3b** **đó là thần của kẻ chống Chúa Cứu Thế**
 Người đó có thần linh/quyền năng của Kẻ Thù của Chúa Cứu Thế [ở trong người khiến cho người ấy nói những điều đó].
-HAY-
 Người như vậy suy nghĩ giống như là Kẻ Thù của Chúa Cứu Thế.
- 4:3c** **mà các con đã nghe sẽ đến**
 Các con đã nghe rằng [Kẻ Thù của Chúa Cứu Thế] này sẽ đến [ở giữa nhân loại]
- 4:3d** **và hiện nay đang ở trong thế gian rồi.**
 và ngay cả hiện nay Ngài đang ở giữa nhân loại.

Đoạn văn 4:4-6

4:4-6 Chủ đề

Vì sứ đồ Giăng vừa mới cảnh cáo các đợc giả của ông, trong những câu này ông trấn an họ rằng họ có Đức Thánh Linh ở trong họ, vậy nên họ sẽ biết ai là người thật sự nói sứ điệp của Đức Thánh Linh.

4:4a

các con bé nhỏ: Đây là cùng một nhóm từ mà sứ đồ Giăng đã dùng trong 2:1a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

thuộc về Đức Chúa Trời: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây là cùng một nhóm từ được dùng ở trong 3:10 “con cái Đức Chúa Trời”.

4:4b

đã chiến thắng chúng nó: Đây không nói đến sự xung đột về phần thể chất. Sứ đồ Giăng đang nói về các con dân Chúa không bị dụ dỗ khi những người này cố gắng thuyết phục họ chấp nhận tà giáo mà họ dạy.

chúng nó: Đây nói đến các tiên tri giả mạo. Trong suốt sách Giăng, chúng ta thấy rõ họ là cùng một nhóm người được nhắc đến ở trong 2:18-19 là “kẻ thù của Chúa Cứu Thế”. Lần chót họ được nhắc tới là ở trong 4:1, nhiều bản dịch dùng một nhóm từ danh từ “các tiên tri giả mạo” để nói đến họ ở đây.

4:4c

Đứng ở trong các con: Có hai cách để giải thích nhóm từ này nói đến ai:

- (1) Có lẽ nó nói đến Đức Thánh Linh, vì trong đoạn văn này đang tập trung về Đức Thánh Linh.
- (2) Một số học giả cho là nó nói đến Chúa Cứu Thế hay Đức Chúa Trời.

Nếu bạn không thể chuyển ngữ một cách tổng quát như bản tiếng Việt, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1). Hãy xem CĐN.

4:4d

vĩ đại hơn: Đây có nghĩa là mạnh hơn và có uy quyền hơn.

kẻ ở trong thế gian: Có lẽ nhóm từ này nói đến thần linh và quyền lực của “kẻ chống Chúa Cứu Thế” như đã được nhắc đến ở trong 4:3. Hãy xem lời giải nghĩa của 4:3b.

thế gian: Cụm từ này được dùng ở đây để nói đến “những người không biết Đức Chúa Trời trên khắp thế giới”.

4:5a

Họ: Cần phải nói rõ trong bản dịch là đây nói đến các tiên tri giả mạo.

thuộc về thế gian: Các tiên tri giả mạo không theo Đức Chúa Trời, họ đi theo các cách gian ác của xã hội loài người là những người chống đối Đức Chúa Trời.

4:5b

nên nói những điều từ thế gian: Các giáo sư giả mạo dạy các điều mà xã hội của con người gian ác tin. Họ là những người chống đối Đức Chúa Trời.

4:5c

và thế gian nghe theo họ: Đây là kết quả thứ nhì của sự kiện các tiên tri giả mạo là những người “đến từ thế gian”: các người không tin Đức Chúa Trời chấp nhận điều các tiên tri giả mạo dạy. (Kết quả thứ nhất ở trong 4:5b.)

nghe theo: Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là lắng nghe điều các giáo sư giả mạo nói nhưng cũng hàm ý là họ đã chấp nhận hay tin điều các tiên tri giả mạo dạy dỗ.

thế gian: Ở đây thế gian có ý nghĩa hơi khác với ý được dùng ở trong phần đầu của câu này. Nó có nghĩa giống như ở trong 4:4d, “người của thế gian những người không biết Đức Chúa Trời”.

4:6a

Chúng ta: Trong bản Hy-lạp cùng một từ được dùng cho cả “chúng ta” và “chúng tôi”, vậy nên không rõ sứ đồ Giăng đang nói đến ai. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng giống như tiếng Việt, chúng tôi đề nghị bạn dùng “chúng tôi” bởi vì sứ đồ Giăng đang đối chiếu các giáo sư giả mạo với các sứ đồ. Nhưng bạn cũng có thể theo truyền thống của các bản tiếng Việt và dùng “chúng ta”.

4:4a	Hỡi các con bé nhỏ! Các con thuộc về Đức Chúa Trời ¶ Những các con [thuộc linh] yêu dấu, các con thuộc về Đức Chúa Trời,
4:4b	và đã chiến thắng chúng nó, và các con đã thắng [tất cả] [các giáo sư giả mạo] này.
4:4c	vì Đấng ở trong các con Các con đã có thể làm điều này bởi vì quyền năng của [Đức Thánh Linh], Đấng đang ở trong các con, -HAY- bởi vì Đức Chúa Trời là Đấng thêm sức cho các con
4:4d	vĩ đại hơn kẻ ở trong thế gian. thì mạnh hơn quyền lực của [Sa-tan,] là kẻ đang cai trị xã hội loài người. -HAY- thì lớn hơn quyền năng của quỷ vương là kẻ thêm sức cho những người không biết Đức Chúa Trời.
4:5a	Họ thuộc về thế gian Những người đó làm theo xã hội loài người -HAY- [Còn về phần các giáo sư giả mạo,] họ là những người không biết Đức Chúa Trời
4:5b	nên nói những điều từ thế gian nên họ dạy những điều làm theo xã hội loài người, -HAY- vì lý do đó họ dạy theo xã hội không biết Đức Chúa Trời,
4:5c	và thế gian nghe theo họ. và [vì vậy] xã hội chấp nhận sự dạy dỗ của họ. -HAY- và những người không có Chúa nghe họ [và chấp nhận điều họ nói].
4:6a	Chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời. Còn về phần chúng tôi [các sứ đồ], [vì] chúng tôi là con cái của Đức Chúa Trời
4:6b	Ai nhận biết Đức Chúa Trời thì nghe chúng ta, nên ai biết Đức Chúa Trời thì chấp nhận điều chúng tôi dạy dỗ.

thuộc về Đức Chúa Trời: Hãy xem lời giải nghĩa của 4:4a.

4:6b

Ai nhận biết Đức Chúa Trời: Từ Hy-lạp biết ở đây được dùng với ý biết một người nào một cách cá nhân như bạn biết người thân trong gia đình và bạn hữu. Đây khác với việc biết

một người là ai, hay biết về một người nào. Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 2:3, 4, 13, 14; 3:1, 6.

nghe chúng ta: Như ở trong 4:5, từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là không phải chỉ nghe thôi nhưng mà chấp nhận điều được nói.

4:6d

Nhờ điều này: Đây là cùng một nhóm từ Hy-lạp được sử dụng ở trong 2:3a, 5c; 3:16a, 24c; 4:2a, 13; 5:2a. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:16a để biết thêm chi tiết. BDM chuyển ngữ từ này ở mỗi chỗ nó được dùng một cách khác nhau nhưng bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ nó tại mỗi chỗ giống như CĐN đã làm.

Nhóm từ này nói đến điều sử đồ Giăng vừa mới nói. Ông đang giải nghĩa rằng nếu muốn

biết sự dạy dỗ của một người có đến từ Đức Thánh Linh hay không bạn có thể xét xem là người đó có theo sự dạy dỗ của các sử đồ hay không.

thần chân lý: Đây có nghĩa là Đức Thánh Linh, Đấng bày tỏ chân lý về Đức Chúa Trời.

thần linh sai lầm: Đây có nghĩa là tà linh hay thần linh của kẻ chống Chúa Cứu Thế, là thần linh lừa gạt người ta.

Tiểu đoạn 4:7-5:12 Lý do các tín nhân nên yêu thương lẫn nhau

4:7-5:12 Chủ đề

Trong tiểu đoạn này sử đồ Giăng nêu ra hai lý do tại sao chúng ta nên yêu thương nhau:

- 4:7-12** Đức Chúa Trời đã cho chúng ta thấy tình yêu thương thật là gì bằng cách sai Con Ngài chết cho chúng ta.
- 4:13-21** Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta nhiều quá đến nỗi chúng ta có bổn phận phải yêu thương những người khác.

Ở phần cuối của tiểu đoạn, trong **5:1-12**, ông cho chúng ta thấy việc tin Chúa Giê-su đã khiến cho chúng ta có thể yêu thương và vâng lời Đức Chúa Trời như thế nào.

Đoạn văn 4:7-10

4:7-10 Chủ đề

Trong những câu này sử đồ Giăng thúc giục chúng ta yêu thương nhau bởi vì Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy Ngài đã yêu thương chúng ta nhiều như thế nào bằng cách sai Con Ngài đến để chết cho chúng ta.

4:7a

Các con yêu dấu: Đây là cùng một nhóm từ bắt đầu các câu 2:7a, 3:2a, 21a; 4:1a. Bạn có thể chuyển ngữ giống như vậy ở đây. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:7a.

Chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau: Thì của động từ Hy-lạp dùng ở đây cho thấy là việc tiếp tục yêu thương nhau là một điều răn.

4:7b

vì tình yêu thương xuất phát từ Đức Chúa Trời: Hãy xem lời giải thích của 2:16đ “không đến từ”. Ý nghĩa cơ bản của ẩn dụ được dùng ở đây là Đức Chúa Trời là nguồn

của tình yêu thương và Ngài là Đấng khiến cho các con dân Chúa yêu thương lẫn nhau.

4:7c

Ai thương yêu: Sử đồ Giăng đang nói đến những con dân Chúa yêu thương nhau. Ông không muốn nói rằng bất cứ người chưa tin Chúa nào yêu một người nào đó thì họ là con cái của Đức Chúa Trời. Trong khi chuyển ngữ có thể cần phải nói như sau để làm cho rõ ý: “Bất cứ ai trong các con thương yêu.”

Ở đây không có bổ ngữ cho động từ yêu thương, nhưng qua suốt tiểu đoạn này sử đồ Giăng đang nói về việc yêu thương lẫn nhau. Vậy nên đối với những ngôn ngữ cần phải có bổ ngữ cho động từ “yêu thương”, bạn có thể nói là “người yêu thương người khác” hay “yêu thương lẫn nhau”. Điều này cũng áp dụng cho 4:8a.

đã được Đức Chúa Trời sinh ra: Sử đồ Giăng dùng nhóm từ này để diễn tả Đức Chúa Trời khiến cho các tín nhân sống đời đời.

- 4:6c** **ai không thuộc về Đức Chúa Trời thì không nghe chúng ta.**
Nhưng ai không phải là con cái của Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận điều chúng tôi dạy dỗ.
- 4:6d** **Nhờ điều này chúng ta nhận biết thần chân lý và thần linh sai lầm.**
Đó là cách chúng ta có thể biết được người ấy có quyền năng của Đức Thánh Linh, là Đấng chân thật, hay là người ấy dạy dỗ nhờ quyền lực [của Sa-tan,] là kẻ lừa dối người ta.
-HAY-
Đây là cách chúng ta nhận thức những sự dạy dỗ chân thật và những sự dạy dỗ dối gạt [người ta].

Tiểu đoạn 4:7-5:12 Lý do các tín nhân nên yêu thương lẫn nhau

- 4:7a** **Các con yêu dấu! Chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau,**
Các người yêu dấu của tôi, [tất cả] chúng ta nên tiếp tục yêu thương lẫn nhau
- 4:7b** **vì tình yêu thương xuất phát từ Đức Chúa Trời.**
bởi vì chính Đức Chúa Trời là Đấng khiến cho chúng ta yêu thương [lẫn nhau].
- 4:7c** **Ai thương yêu thì đã được Đức Chúa Trời sinh ra và nhận biết Đức Chúa Trời.**
Vậy nên khi bất cứ ai [trong các con] yêu thương [người khác], thì rõ ràng người ấy là con Đức Chúa Trời và là người biết Đức Chúa Trời.
-HAY-
Nếu ai yêu thương [các tín hữu] người ấy đã được Đức Chúa Trời khiến cho sống [về phần thuộc linh] và người ấy có quan hệ với Đức Chúa Trời.
- 4:8a** **Ai không yêu thương thì không biết Đức Chúa Trời**
Ai không yêu thương [người khác] thì không biết Đức Chúa Trời.
-HAY-
Bất cứ ai không yêu thương [các tín hữu khác], người ấy không có quan hệ với Đức Chúa Trời bởi vì bản tính của Đức Chúa Trời là yêu thương [loài người].
- 4:8b** **vì Đức Chua Trời là tình yêu thương.**
[Chúng ta biết điều này] bởi vì trong mọi việc Đức Chúa Trời làm, Ngài luôn luôn yêu thương [người ta].

nhận biết Đức Chúa Trời: Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 2:3, 4, 13, 14; 3:1, 6; 4:6. Nó có nghĩa là biết một người một cách cá nhân giống như là bạn biết người thân trong gia đình và bạn hữu. Đây khác với biết một người là ai, hay biết về một người.

4:8b

vi: Mệnh đề theo sau (Đức Chúa Trời là tình yêu thương) cho biết lý do tại sao chúng ta biết những người như vậy không biết Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời là tình yêu thương: Sứ đồ Giăng nói rằng bản chất của Đức Chúa Trời là

yêu thương con người, và tất cả mọi việc Ngài làm đều dựa trên tình yêu thương của Ngài đối với con người. Vậy bất cứ ai vâng lời và yêu thương Đức Chúa Trời sẽ chắc chắn yêu thương những con người mà Chúa yêu thương. Hễ ai không yêu mến người khác, người đó không có quan hệ với Đức Chúa Trời.

4:9a

Đáy: Từ *Đáy* nói đến 4:9b tiếp theo sau, việc Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến thế gian.

Đức Chúa Trời biểu lộ tình yêu thương của Ngài giữa vòng chúng ta: BDM đã chuyển ngữ từng từ một mệnh đề Hy-lạp được dùng ở đây. Có hai cách để giải thích ý nghĩa của mệnh đề Hy-lạp:

- (1) Một số học giả nghĩ nó chỉ về người Đức Chúa Trời yêu thương. Vậy nên mệnh đề này có nghĩa là “Đức Chúa Trời cho thấy là Ngài yêu thương chúng ta”. (BDC, BCG)
- (2) Có lẽ nó cho thấy ai là người được Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu thương của Ngài, vậy nên mệnh đề này có nghĩa là “Thượng Đế biểu lộ tình yêu thương của Ngài”. (BDY)

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

4:9b

Con Một: Có lẽ sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để nhấn mạnh Chúa Giê-su là “độc đáo, Đáng duy nhất hiện hữu”. BDY không chuyển ngữ từ này.

4:9c

nhờ Con ấy chúng ta được sống: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng Chúa Cứu Thế đã khiến cho chúng ta sống một cách thật sự, Ngài đã ban cho chúng ta sự sống vĩnh phúc.

4:10a

Tình yêu thương ở trong điều này: Nhóm từ này được chuyển ngữ từng từ một theo nhóm từ Hy-lạp nhưng trong tiếng Việt ý nghĩa không rõ ràng. Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này giới thiệu và nhấn mạnh điều ông sắp nói. Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “tình yêu thương là như thế này:...” hay “Đây là ý nghĩa của việc một người yêu thương một người

khác...” Câu này cũng có thể được rõ nghĩa hơn nếu được sắp đặt lại như sau

Tình yêu thương thật không phải là điều chúng ta bày tỏ qua sự yêu thương Đức Chúa Trời, nhưng mà là điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ khi Ngài yêu thương chúng ta...

Tình yêu thương: Đối với một số ngôn ngữ không thể nói về tình yêu thương mà không chỉ rõ là yêu ai hay yêu cái gì. Trong trường hợp đó, có thể chuyển ngữ là “cách đúng/thành thật để một người yêu thương những người khác”.

4:10c

và sai: Tình yêu thương của Đức Chúa Trời và việc Ngài sai Con Ngài đến không phải là hai sự kiện riêng biệt. Sai Con Ngài đến là phương tiện mà Chúa dùng để bày tỏ tình yêu thương của Ngài qua hành động. Có thể cần phải làm cho quan hệ này được thấy rõ ở trong bản dịch. Hãy xem PKTCCN.

sinh tế hy sinh: Đây là điều được nói đến ở trong 2:2a. (Hãy xem lời giải nghĩa của câu đó.) Điểm chính được tập trung ở đây là qua việc sai Chúa Giê-su đến để chết cho chúng ta, Đức Chúa Trời cung cấp một cách để tha thứ tội lỗi của chúng ta.

Đoạn văn 4:11-12

4:11-12 Chủ đề

Ở đây sứ đồ Giăng thúc giục các tín nhân yêu thương lẫn nhau để Đức Chúa Trời có thể thật sự sống trong họ và khiến cho tình yêu thương của Ngài có thể đến với người khác qua chúng ta.

4:11a

Nếu: Trong ngữ cảnh này từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là một điều được biết là có thật, vậy nên đối với nhiều ngôn ngữ có thể dùng một liên từ như là “vì” thì thích hợp hơn. Hãy xem PKTCCN.

Các con yêu dấu: Đây cũng là một nhóm từ bắt đầu các câu 2:7a; 3:2a, 21a; 4:1a, 7a. Bạn có thể chuyển ngữ nó bằng cùng một từ ngữ ở đây. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:7a.

- 4:9a** Đây là cách Đức Chúa Trời biểu lộ tình yêu thương của Ngài giữa vòng chúng ta:
 Cách mà Đức Chúa Trời đã dùng để cho chúng ta thấy rõ là Ngài yêu thương [người ta] là:
 -HAY-
 Đây là cách Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy là Ngài yêu thương chúng ta:
- 4:9b** Đức Chúa Trời đã sai Con Một của Ngài đến thế gian
 Ngài đã khiến Con Một của Ngài đến thế gian
 -HAY-
 Ngài đã sai Con Một của Ngài đến sống với loài người
- 4:9c** để nhờ Con ấy chúng ta được sống.
 để khiến cho chúng ta được sống [đời đời] vì Ngài [đã chết và Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng ta].
- 4:10a** Tình yêu thương ở trong điều này: Không phải chúng ta đã yêu thương Đức Chúa Trời,
 Tình yêu thương là như thế này: Không phải là cách chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời,
 -HAY-
 Tình yêu thương thật không phải là [điều chúng ta làm khi] chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời,
- 4:10b** nhưng Ngài đã yêu thương chúng ta
 [nhưng] đó là [cách] mà Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta
- 4:10c** và sai Con Ngài làm sinh tế hy sinh chuộc tội lỗi chúng ta.
 bằng cách sai Con Ngài đến chết cho chúng ta để [Đức Chúa Trời] sẽ tha thứ tội lỗi cho chúng ta [bởi vì Con Ngài đã chịu sự trừng phạt của chúng ta].
 -HAY-
 tình nguyện hy sinh [mạng sống của Ngài] để [Đức Chúa Trời tha thứ] tội lỗi của chúng ta.
 -HAY-
 bằng cách sai Con Ngài đến làm tế lễ [mà Đức Chúa Trời đòi hỏi] để trả cho tội lỗi của chúng ta.
- 4:11a** Các con yêu dấu! Nếu Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta như thế,
 ¶ Các con yêu dấu của tôi, vì Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta [như thế],
 -HAY-
 Các con cái yêu dấu của tôi, nếu đó là cách Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta
- 4:11b** thì chúng ta cũng nên yêu thương nhau.
 thì chúng ta cũng nên yêu thương lẫn nhau.

4:12a

Chưa ai thấy Đức Chúa Trời bao giờ: Không rõ mệnh đề này quan hệ với ngữ cảnh như thế nào. Có lẽ sứ đồ Giăng đang nói rằng chúng ta nghĩ là chúng ta phải quan sát kỹ một người thì mới biết hay bắt chước thái độ hay tính tình của người ấy được. Nhưng Đức Chúa Trời khiến các tín nhân hành xử giống như đặc tính của Ngài, Ngài hướng dẫn họ về cách họ hành xử và tôn kính Ngài. Khi một người thấy cách một con dân Chúa yêu thương những người khác, họ có thể thấy được Đức Chúa Trời là như thế nào. Đây là một cách khác để giải thích điều sứ đồ Giăng đang nói ở đây: “mặc dù chưa bao giờ có ai thấy được Đức Chúa Trời, những người khác sẽ thấy được đặc tính của Ngài khi chúng ta yêu thương các anh chị em tín hữu”.

4:12b

nếu chúng ta yêu thương: Đây có nghĩa là “bất cứ khi nào chúng ta yêu thương...”

Đức Chúa Trời ở trong chúng ta: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:5c “trong Ngài” và 3:24b “và Ngài trong họ”.

4:12c

tình yêu của Ngài trong chúng ta được toàn hảo: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng khi Đức Chúa Trời ở trong chúng ta và chúng ta yêu thương những người khác, thì tình yêu thương của Đức Chúa Trời đã có ảnh hưởng như Ngài dự định. Sứ đồ Giăng dùng cùng một nhóm từ ở trong 4:17a.

toàn hảo: Từ Hy-lạp được dùng ở đây cũng được dùng ở trong 2:5b. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

Đoạn văn 4:13-16

4:13-16 Chủ đề

Các câu này tập trung vào một chủ đề từ 4:12: Đức Chúa Trời ở trong chúng ta và chúng ta ở trong Ngài. Sứ đồ Giăng nêu lên ba điều chúng ta cần biết là thật:

- 4:13** Chúng ta có Đức Thánh Linh.
4:14-15 Chúng ta tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.

4:16 Đời sống của chúng ta đầy tình yêu thương.

4:13

Nhờ điều này chúng ta biết mình: Đây cùng là một nhóm từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng đã dùng ở trong 2:3a, 5c; 3:16a, 24c; 4:2a, 6d; 5:2a. Hãy xem lời giải nghĩa của 3:16a để biết thêm chi tiết. BDM chuyển ngữ nhóm từ này một cách khác nhau ở mỗi chỗ nó được dùng nhưng bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ nó ở mỗi chỗ giống như CĐN đã làm.

Nhóm từ này chỉ ngược về phía trước, nói đến Đức Thánh Linh quà của Đức Chúa Trời.

ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta: Nhóm từ này cũng được tìm thấy ở trong 3:24b nhưng dùng “người ấy” thay vì *chúng ta*. Bạn có thể theo cách đã chuyển ngữ nó ở trong 3:24 mà dùng ở đây. Đối với một số ngôn ngữ có thể dùng cùng một thành ngữ cho cả hai như bản Hy-lạp nghe không được tự nhiên, vậy nếu cần có thể nói như sau “họ luôn luôn hiệp một với Đức Chúa Trời và Ngài ở trong lòng họ”.

ở trong Ngài: Như ở trong 2:5c, 3:24b, và 4:12b đây nói đến có một quan hệ gắn gũi với Đức Chúa Trời. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:5c. Có thể nói một cách khác là: “hiệp một với Đức Chúa Trời”, “kết hợp chặt chẽ với Đức Chúa Trời” hay “thuộc về Đức Chúa Trời”.

Ngài ở trong người ấy: Có thể diễn tả một cách khác là: “Đức Chúa Trời ở với người ấy”.

Ngài: Đây nói đến Đức Chúa Trời, và vì câu này bắt đầu một đoạn văn mới có thể cần phải để Đức Chúa Trời ở đây.

đã ban cho chúng ta Thánh Linh của Ngài: Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã ban Đức Thánh Linh cho chúng ta.

4:14

chúng tôi đã thấy: Có hai cách để giải thích từ *chúng tôi*:

- (1) Nó có nghĩa là “chúng tôi các sứ đồ” (cách biệt với những người mà sứ đồ Giăng đang viết thư này cho). Sứ đồ Giăng

4:12a	Chưa ai thấy Đức Chúa Trời bao giờ. Không có ai được thấy Đức Chúa Trời,
4:12b	Nhưng nếu chúng ta yêu thương nhau thì Đức Chúa Trời ở trong chúng ta nhưng nếu/khi chúng ta yêu thương nhau thì chúng ta hiệp một với Đức Chúa Trời,
4:12c	và tình yêu của Ngài trong chúng ta được toàn hảo. và tình yêu thương của Ngài đang làm công việc mà Chúa định làm trong chúng ta. -HAY- và Ngài yêu thương người ta qua chúng ta theo như ý Ngài đã muốn.
4:13	Nhờ điều này chúng ta biết mình ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta vì Ngài đã ban cho chúng ta Thánh Linh của Ngài. Đây là cách chúng ta biết chúng ta sống trong Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời hiệp một với chúng ta: Ngài đã ban Đức Thánh Linh cho chúng ta. -HAY- Chúng ta chắc chắn rằng chúng ta hiệp một với Đức Chúa Trời và Ngài tiếp tục ở trong chúng ta bởi vì Ngài đã ban cho chúng ta Đức Thánh Linh.
4:14	Vậy chúng tôi đã thấy và làm chứng rằng Đức Chúa Cha đã sai Con Ngài làm Đấng Cứu Thế của thế gian. Chúng tôi [các sứ đồ] đã thấy Đức Chúa Cha đã sai Con Ngài đến thế gian để cứu mọi người [khỏi sự trừng phạt vì tội lỗi của họ], và chúng tôi xác định với mọi người điều này là thật. -HAY- Chúng tôi đã thấy và chúng tôi làm chứng [cho những người khác] rằng Đức Chúa Cha đã sai Con Ngài đến thế gian để cứu [nhân loại] [khỏi phải chịu hậu quả của tội lỗi].

đang nói về cùng một điều ông đã nói ở trong 1:1. (BDM, BDY, BCG)

- (2) Một số người nghĩ là nó bao gồm cả các đọc giả của thư này, nó có nghĩa là “chúng tôi các sứ đồ và các con là các tín nhân đã biết điều này là thật...đó là Cha đã sai...” (BDC)

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1) vì nó thích hợp với ngữ cảnh nhất.

đã thấy: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng ông và các sứ đồ khác đã thấy Chúa Giê-su qua chức vụ của Ngài trên đất và họ biết qua kinh

nghiệm rằng Ngài là Con của Đức Chúa Trời Đấng đã đến để cứu thế gian.

làm chứng: Như ở trong 1:2, đây có nghĩa là nói về hay xác nhận sự thật về điều mình đã thấy.

làm Đấng Cứu Thế: Từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến Chúa Cứu Thế như là Đấng cứu người ta khỏi sự trừng phạt về tội lỗi của họ.

thế gian: Ở đây cụm từ *thế gian* nói đến tất cả nhân loại.

4:15

Ai tuyên xưng: Sứ đồ Giăng dùng cùng một nhóm từ ở trong 2:23b. Bạn có thể chuyển ngữ nó cùng một cách ở đây. Sứ đồ Giăng đã dùng từ này để diễn tả “chấp nhận, nói một cách công khai rằng người ấy tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời”.

thì Đức Chúa Trời ở trong người ấy và người ấy ở trong Đức Chúa Trời: Nhóm từ này được sứ đồ Giăng dùng ở trong 3:24b. Bạn có thể chuyển ngữ cùng một cách ở đây.

4:16

Có những cách khác nhau để hiểu câu này quan hệ như thế nào với các câu đi trước và câu đi sau nó:

- (1) Có lẽ cả câu này là phần thứ ba của tiểu đoạn 4:13-16. (Hãy xem lời giải nghĩa của 4:13-16, Chủ đề.) Vì vậy nó nên được nối kết với các câu đi trước nó bằng một liên từ như là “Và/Cũng”, hay không dùng liên từ nào hết. Một đoạn văn mới được bắt đầu sau câu này. (BDM, BDC, BCG)
- (2) Một số học giả nghĩ rằng phần đầu tiên của câu này là tóm tắt của 4:13-15, và một đoạn văn mới được bắt đầu với nhóm từ “Đức Chúa Trời là tình yêu thương”.

Trong trường hợp này nên bắt đầu câu với một nhóm từ như “(Và) vậy nên”. (BDY)

4:16a

Chúng ta: Đây có nghĩa là “chúng tôi (các sứ đồ) và các con (những tín nhân)”, và tương phản với “chúng tôi” ở 4:14.

nhận biết: Động từ Hy-lạp ở đây có nghĩa là biết một điều gì đó qua kinh nghiệm.

tin tưởng: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng không phải chúng ta chỉ biết rằng Đức Chúa Trời thật sự yêu thương chúng ta, mà là cách sống của chúng ta được dựa trên việc nhận thức rằng Ngài yêu thương chúng ta. Chúng ta làm những việc mà nếu Đức Chúa Trời không yêu thương chúng ta thì chúng ta không làm được.

tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta: Đây có thể chuyển ngữ là “Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta”. (Hãy xem PKTCCN.) Nó nói đến tất cả những việc Ngài

đã làm cho chúng ta bởi vì Ngài đã yêu thương chúng ta.

4:16b

Đức Chúa Trời là tình yêu thương: Hãy xem lời giải nghĩa của 4:8b. Ở đây cũng có một ý nghĩa như vậy.

4:16c

ai ở trong tình yêu thương...: Đây là kết quả của câu nói trước đó. Có thể dùng một liên từ như “Và”, để nối hai phần của câu lại với nhau hay sắp đặt lại cấu trúc của hai câu nói lại làm thành một câu. Hãy xem PKTCCN.

ở trong tình yêu thương: Đối với một số ngôn ngữ có thể nghe không được tự nhiên nếu nói một người ở trong một điều trừu tượng như là tình yêu thương bởi vì nó không phải là một chỗ ở. Đối với những ngôn ngữ như vậy, nên coi nhóm từ này như là một ẩn dụ, và chuyển ngữ theo ý nghĩa cơ bản như PKTCCN.

tình yêu thương: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng một động từ ở đây và phải dùng một bổ ngữ cho tình yêu thương của người ấy. Vì sứ đồ Giăng chỉ nói đến tình yêu thương một cách tổng quát, có thể tốt nhất nên chuyển ngữ là “yêu thương người khác và Đức Chúa Trời”, hay giống như ở trong PKTCCN.

Đoạn văn 4:17-18

4:17-18 Chủ đề

Các câu này tập trung vào một chủ đề khác ở trong 4:12, đó là tình yêu thương của Đức Chúa Trời được toàn vẹn qua chúng ta.

4:17a

Nhờ đó...: Đa số học giả nghĩ là nó nói đến điều sứ đồ Giăng nói trong 17b “chúng ta được vững tâm”.

tình yêu thương giữa chúng ta được toàn vẹn: Cùng một nhóm từ được dùng ở trong 4:12c mặc dù BDM chuyển ngữ *toàn vẹn* là “toàn hảo” ở trong câu đó.

4:15	<p>Ai tuyên xưng Đức Giê-su là Con Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời ở trong người ấy và người ấy ở trong Đức Chúa Trời. [Vì vậy] nếu ai công nhận rằng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời thì người ấy [tiếp tục] hiệp một với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời [tiếp tục] ở với người ấy.</p> <p>-HAY- Đức Chúa Trời hiệp một với bất cứ ai công khai xưng nhận rằng [người ấy tin] Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời, và [chúng ta biết rằng] người đó hiệp một với Đức Chúa Trời.</p>
4:16a	<p>Chúng ta đã nhận biết và tin tưởng tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Còn chúng ta đã biết [qua kinh nghiệm] và đã tin rằng Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta [và kết quả là] chúng ta yêu thương những người khác.</p>
4:16b	<p>Đức Chúa Trời là tình yêu thương, [Vì] bản tính của Đức Chúa Trời là yêu thương [nhân loại]</p>
4:16c	<p>ai ở trong tình yêu thương nếu một người tiếp tục yêu thương [các tín hữu]</p>
4:16d	<p>ở Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở trong người ấy. thì người ấy hiệp một với Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời hiệp một với người ấy.</p>
4:17a	<p>Nhờ đó tình yêu thương giữa chúng ta được toàn vẹn ¶ [Chúng ta sẽ biết rằng] tình yêu thương [của Đức Chúa Trời] đã làm trọn mọi việc Đức Chúa Trời định cho nó làm qua chúng ta</p>
4:17b	<p>để chúng ta được vững tâm trong ngày phán xét, để chúng ta có thể tự tin [bởi vì chúng ta có một quan hệ đúng với Đức Chúa Trời] trong ngày Đức Chúa Trời xét đoán tất cả mọi người</p> <p>-HAY- để chúng ta không sợ Đức Chúa Trời khi đến lúc Đức Chúa Trời xét đoán tất cả mọi người</p>

4:17b

đề: Có các sự giải thích khác nhau về cách nối kết mệnh đề thứ nhất và thứ nhì của câu này với nhau:

- (1) Có lẽ mệnh đề đầu tiên, “tình yêu thương (của Đức Chúa Trời) giữa chúng ta được toàn vẹn” được giải nghĩa bởi mệnh đề thứ nhì “để chúng ta được vững tâm trong ngày phán xét”. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng khi chúng ta để cho Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta và để Ngài yêu thương những người khác qua chúng ta

như Ngài muốn, thì chúng ta sẽ không sợ Đức Chúa Trời, ngay cả trong ngày đoán xét.

- (2) Một số học giả nghĩ rằng mệnh đề thứ nhì cho biết mục đích của mệnh đề thứ nhất.
- (3) Một số học giả nghĩ rằng mệnh đề thứ nhì nói đến kết quả của mệnh đề thứ nhất.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1), giống như PKTCCN làm.

ngày phán xét: Đây nói đến ngày mà tất cả mọi người sẽ bị Đức Chúa Trời đoán xét.

4:17c

vì: Đây cho biết lý do tại sao chúng ta sẽ có sự tự tin trong ngày đoán xét.

chúng ta cũng như vậy: Sứ đồ Giăng đang nói đến sự việc các tín nhân giống Chúa Cứu Thế, nhưng ông không định nghĩa rõ ràng ở đây là họ giống Chúa như thế nào. Các học giả giải thích nó bằng mấy cách khác nhau, nhưng trong ngữ cảnh này có vẻ như hàm ý là sứ đồ Giăng đang nói rằng các con dân Chúa có cùng một quan hệ với Đức Chúa Trời giống như Chúa Cứu Thế có.

trong thế gian này: Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này ở đây để nói đến đời sống của chúng ta trên đất tương phản với đời sống ở trên thiên đàng là nơi Chúa Cứu Thế và Đức Chúa Trời sống.

Ngài: Đây nói đến Chúa Cứu Thế.

4:18a

Không có sự sợ hãi: Phần còn lại của câu cho thấy rõ là ông đang nói về việc sợ hãi Đức Chúa Trời, vậy nên đối với các ngôn ngữ mà động từ “sợ hãi” đòi hỏi phải có một bổ ngữ, có thể để bổ ngữ là “Đức Chúa Trời” ở đây.

trong tình yêu thương: Có thể nói một cách khác bằng cách dùng một động từ là: “khi Đức Chúa Trời yêu thương ai/chúng ta”.

4:18b

trái lại: Từ Hy-lạp được dùng ở đây thường được chuyển ngữ là “nhưng” nhưng trong ngữ cảnh từ này cho thấy rằng 18b bổ sung cho 18a. Nên chuyển ngữ là “thật ra” thì tốt hơn. Đối với một số ngôn ngữ có thể không chuyển ngữ từ này nghe tự nhiên hơn vì không có sự tương phản ở đây (BDY).

tình yêu toàn vẹn loại bỏ sợ hãi: Mệnh đề này lập lại ý nghĩa của câu trước, dùng ẩn dụ về một người trực xuất kẻ thù ra khỏi một chỗ nào đó. Hãy xem PKTCCN để thấy cách sắp đặt lại cấu trúc của câu này mà không cần dùng ẩn dụ.

4:18c

sợ hãi có hình phạt: Có lẽ nhóm từ này muốn nói: “lý do tại sao người ta sợ hãi Đức Chúa

Trời là vì họ biết/nghĩ rằng Ngài sẽ trừng phạt họ trong ngày đoán xét”.

4:18d

ai sợ hãi: Bổ ngữ được hàm ý cho động từ dùng ở đây là Đức Chúa Trời.

không được toàn vẹn trong tình yêu thương: Đây là thể phủ định của cùng một nhóm từ “tình yêu thương giữa chúng ta được toàn vẹn” ở trong 4:17a và 4:12c. Hãy xem lời giải nghĩa của 4:12c.

Đoạn văn 4:19-21

4:19-21 Chủ đề

Đây là tóm tắt lời kêu gọi của sứ đồ Giăng về việc chúng ta nên yêu thương các anh chị em tín hữu bởi vì Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta rất nhiều.

4:19

Chúng ta yêu thương: Trong bản Hy-lạp động từ này không có bổ ngữ. Tuy nhiên sứ đồ Giăng đang nói về việc chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời và những người khác. Nếu ngôn ngữ của bạn đối với động từ “yêu thương” phải có bổ ngữ thì hãy xem PKTCCN.

trước: Từ này được dùng ở đây với ý nghĩa “trước đó/trước đây”. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta trước khi chúng ta yêu thương Ngài hay yêu thương những người khác.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 4:19: Vì Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta trước, đối với một số ngôn ngữ có thể đòi hỏi phải để mệnh đề này trước “Chúng ta yêu thương vì Đức Chúa Trời”. Hãy xem CĐN thứ nhì.

4:20a

Nếu ai nói: Đây không phải là câu trích dẫn điều một người nào nói. Nó là thí dụ cho điều một người có thể nói. Vì vậy khi chuyển ngữ cần phải xét xem nên dùng cách nói trực tiếp hay cách nói gián tiếp. Hãy xem PKTCCN.

- 4:17c** **vì Ngài thế nào thì chúng ta cũng như vậy trong thế gian này.**
 bởi vì giống như Chúa Cứu Thế [hiệp một với Đức Chúa Trời ở trên thiên đàng], chúng ta cũng [hiệp một với Đức Chúa Trời ở trên thiên đàng] [trong khi chúng ta còn ở] trong thế gian này.
-HAY-
 bởi vì giống như Ngài đang sống với Đức Chúa Trời [trên thiên đàng] chúng ta cũng [đang sống với Đức Chúa Trời] ở trên đất này.
- 4:18a** **Không có sự sợ hãi trong tình yêu thương,**
 Hễ ai [biết rằng Đức Chúa Trời] yêu thương [mình] sẽ không sợ hãi [Đức Chúa Trời].
-HAY-
 Một người không thể sợ [Đức Chúa Trời], nếu người ấy [biết rằng Đức Chúa Trời] yêu thương [mình].
- 4:18b** **trái lại tình yêu toàn vẹn loại bỏ sợ hãi,**
 Thật ra, khi một người được [Đức Chúa Trời] yêu thương một cách toàn vẹn, người ấy không thể sợ [Đức Chúa Trời]
-HAY-
 Sự kiện Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta một cách toàn vẹn khiến chúng ta không thể nào sợ [Đức Chúa Trời]
- 4:18c** **vì sợ hãi có hình phạt**
 bởi vì sợ hãi quan hệ với sự trừng phạt.
-HAY-
 vì người ta sợ Đức Chúa Trời vì họ biết/ngĩ Ngài sẽ trừng phạt họ.
- 4:18d** **và ai sợ hãi thì không được toàn vẹn trong tình yêu thương.**
 [Vậy] nếu ai sợ hãi [Đức Chúa Trời], thì người ấy không thể yêu thương [Đức Chúa Trời và người khác] một cách toàn vẹn như Đức Chúa Trời đã dự định.
- 4:19** **Chúng ta yêu thương vì Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta trước.**
 ¶ Chúng ta [có khả năng] yêu thương [Đức Chúa Trời và người khác] bởi vì Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta [từ ngày xưa] trước khi chúng ta yêu thương [Ngài].
-HAY-
 Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta trước, rồi chúng ta mới [có khả năng] để yêu thương [Đức Chúa Trời và anh chị em tín hữu của chúng ta].
- 4:20a** **Nếu ai nói: Tôi yêu kính Đức Chúa Trời**
 Nếu ai nói rằng người ấy yêu thương Đức Chúa Trời,
-HAY-
 [Vì vậy] nếu ai nói: “Tôi yêu Đức Chúa Trời”,

4:20b

ghét anh chị em mình: Như ở trong 2:9b nhóm từ này có nghĩa là đối xử không tốt với các tín hữu, không có tình yêu thương đối với họ. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:9b.

4:20d

Vì: Liên từ này cho thấy phần còn lại của câu giải nghĩa làm thế nào chúng ta biết được người như vậy là kẻ nói dối.

anh chị em mình là người thấy được: Đây không nói đến một người anh chị em nào đặc biệt, sứ đồ Giăng chỉ đưa ra một thí dụ tổng quát, nói rằng các anh chị em tín hữu là những người chúng ta luôn luôn nhìn thấy trong khi chúng ta không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời được.

thì không thể yêu kính Đức Chúa Trời: Sứ đồ Giăng đang nói rằng nếu chúng ta không yêu thương anh chị em mình thì chúng ta không thể nào thật sự tuyên bố là chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời.

4:21a

Và: Câu này nói rằng một lý do khác mà chúng ta phải yêu thương các anh chị em tín hữu là Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho chúng ta phải làm điều đó. Đối với tiếng Việt bắt đầu một câu bằng “và” không được tự nhiên nên BDC, BDY và BCG không chuyển ngữ nó.

(BDC) Chúng ta đã nhận nơi Ngài điều-răn này: BDC theo bản Hy-lạp nên được trích dẫn ở đây. Trong bản Hy-lạp *Ngài* có thể nói đến Đức Chúa Trời hay Chúa Giê-su. Nếu bạn phải nói rõ ra là ai bạn nên nói là Đức Chúa Trời ban điều răn này.

Đoạn văn 5:1-5

5:1-5 Chủ đề

Những câu này cho thấy rằng tin Chúa Giê-su khiến cho chúng ta có thể yêu thương và tuân theo các điều răn của Đức Chúa Trời và đó cũng là cơ bản cho quan hệ chúng ta có với các tín nhân khác.

5:1

Mặc dầu câu này thuộc về một đoạn văn mới nhưng nó vẫn nối tiếp ý của đoạn văn cuối cùng của chương 4. Ở trong đoạn văn đó sứ đồ Giăng nói về việc yêu thương các tín nhân khác. Ở đây ông nói rõ những anh chị em của mình thật là những người thật sự tin Chúa Giê-su.

5:1a

Chúa Cứu Thế: Như ở trong 2:22a *Chúa Cứu Thế* không phải chỉ là một tên gọi thôi. Nó là tước hiệu hay sự mô tả về Đấng mà Đức Chúa Trời sai đến từ thiên đàng để cứu và cai trị dân sự của Ngài.

5:1b

sanh bởi: Như ở trong 3:9a đây có nghĩa là trở nên con cái của Đức Chúa Trời.

5:1c-d

bất cứ người nào yêu kính Cha thì cũng yêu thương Con nữa: Điểm mà sứ đồ Giăng muốn nêu lên ở đây là tất cả những ai thật sự yêu thương Đức Chúa Trời thì cũng yêu thương các con cái của Ngài. Có thể giải nghĩa văn phạm được dùng ở đây trong bản Hy-lạp theo hai cách khác nhau: Sứ đồ Giăng đang nói tổng quát về cha và con cái, HAY sứ đồ Giăng đặc biệt nói về Đức Chúa Cha và các tín nhân như đã được nói ở trong 5:1a họ là con cái của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên một số học giả nghĩ rằng sứ đồ Giăng nêu lên điểm này một cách gián tiếp và một số học giả khác nghĩ rằng ông đang nói đến một cách trực tiếp:

- (1) Có lẽ sứ đồ Giăng nêu lên điểm ông muốn nói một cách gián tiếp bằng cách nói đến một sự thật mà tất cả mọi người đều biết là hễ người ta yêu thương ai thì cũng yêu thương con cái của người ấy nữa.
- (2) Có lẽ sứ đồ Giăng đang nói một cách trực tiếp rằng những người yêu thương Đức Chúa Trời cũng yêu thương con cái của Ngài. (BDC, BDY)
- (3) Đức Chúa Trời là cha và Chúa Giê-su là con. Có vẻ như đây là cách BDM giải thích. Đây không phải là quan niệm của các học giả nổi tiếng và chúng tôi đề nghị bạn không nên theo cách giải thích này.

4:20b	mà lại ghét anh chị em mình, trong khi đó lại đối xử tệ với một tín hữu,
4:20c	thì người ấy là kẻ nói dối; thì người đó là kẻ nói dối,
4:20d	Vì ai không yêu thương anh chị em mình là người thấy được, thì không thể được yêu kính Đức Chúa Trời là Đấng không thấy được. bởi vì không thể nào một người có thể yêu thương Đức Chúa Trời, Đấng họ chưa bao giờ thấy, nếu người ấy không yêu thương anh chị em tín hữu, là người mà người ấy [luôn luôn] thấy. -HAY- Người ấy không yêu thương anh chị em mình là người họ thấy mặt thì làm thế nào người ấy có thể yêu thương Đức Chúa Trời là Đấng họ không thấy mặt?
4:21a	Và chúng ta có điều răn này: (BDC) Chúng ta đã nhận nói Ngài điều-răn này: Đây cũng là điều [Đức Chúa Trời] đã bảo chúng ta phải làm:
4:21b	Ai yêu kính Đức Chúa Trời thì cũng phải thương yêu anh chị em mình. Ai yêu thương Đức Chúa Trời thì cũng phải yêu thương các tín nhân khác.
5:1a	Nếu ai tin Đức Giê-su là Chúa Cứu Thế ¶ Hễ ai tin rằng Chúa Giê-su là Cứu Chúa [được Đức Chúa Trời sai xuống thế gian]
5:1b	thì sanh bởi Đức Chúa Trời, thì người ấy là con Đức Chúa Trời. -HAY- thì người ấy thuộc về Đức Chúa Trời.
5:1c	và bất cứ người nào yêu kính Cha [Chúng ta biết rằng] nếu chúng ta yêu mến người cha,
5:1d	thì cũng yêu thương Con nữa. thì chúng ta cũng sẽ yêu mến con cái của người ấy nữa.
5:2a	Đây là cách chúng ta biết chúng ta yêu thương con dân Đức Chúa Trời: Đây là điều khiến chúng ta biết rằng chúng ta yêu thương con dân Đức Chúa Trời: -HAY- Đây là cách chúng ta có thể biết chắc là chúng ta thật sự yêu thương con cái Đức Chúa Trời:

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1), giống như CĐN đã làm.

5:2a

Đây là cách chúng ta biết: Đây là cùng một nhóm từ mà sứ đồ Giăng đã dùng ở trong 2:3a, 5c; 3:16a, 24c; 4:2a, 6d, 13. Hãy xem lời giải

nghĩa của 3:16a để biết thêm chi tiết. BDM chuyển ngữ nhóm từ trên một cách khác nhau ở mỗi chỗ nó được dùng nhưng bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ nó ở mỗi chỗ giống như CDN đã làm.

Có hai quan niệm về từ *Đáy* nói đến cái gì:

- (1) Có lẽ nó nhấn mạnh đến phần thứ nhì của câu.
- (2) Một số học giả nghĩ rằng nó nói ngược trở lại ý ở trong 5:1 đó là hề khi nào chúng ta yêu thương ai thì chúng ta cũng yêu thương con cái của người đó.

Chúng tôi đề nghị bạn chuyển ngữ một cách tổng quát hay theo cách giải thích (1).

5:3a-b

(BDC) Vi: Trong bản Hy-lạp có một liên từ ở đây cho thấy rằng lời tuyên bố này (5:3a-b) giải nghĩa tại sao vâng lời Đức Chúa Trời lại đi đôi với việc yêu thương Đức Chúa Trời. BDM và BDY không chuyển ngữ từ này. BCG chuyển ngữ là “quả thật”.

Đáy là cách yêu thương Đức Chúa Trời: **Vâng theo điều răn của Ngài:** Sứ đồ Giăng muốn nói rằng yêu thương Đức Chúa Trời một cách thật sự luôn luôn bao gồm việc tuân theo các điều răn của Ngài. Không thể nào yêu thương Đức Chúa Trời mà cùng một lúc lại không vâng lời Ngài.

5:3c

không nặng nề: Ý sứ đồ Giăng muốn nói là các điều răn của Đức Chúa Trời không quá khó để cho chúng ta vâng theo. Trong câu kế tiếp ông cho biết lý do tại sao không khó cho chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời.

5:4a

sinh ra từ Đức Chúa Trời: Hãy xem lời giải nghĩa của 5:1b.

chiến thắng được thế gian: Với ẩn dụ này sứ đồ Giăng muốn nói là các con dân Chúa có thể thành công trong việc chống lại sự cám dỗ làm theo đời này. Không có gì có thể bắt buộc chúng ta không vâng lời Đức Chúa Trời. Ông không nói rằng chúng ta đã đánh bại người thế gian trong tất cả mọi sự xung đột.

thế gian: Trong câu này *thế gian* có nghĩa là đường lối gian ác của con người và mọi sự chống đối lại với Đức Chúa Trời.

5:4b

sự chiến thắng đã chiến thắng thế gian: Sứ đồ Giăng dùng lối viết văn Hy-lạp để diễn tả: “điều đã khiến cho chúng ta có thể chiến thắng.”

chính là đức tin của chúng ta: Ở đây sứ đồ Giăng đang nhấn mạnh rằng đó là qua việc tiếp tục tin cậy Đức Chúa Trời mà chúng ta có thể chiến thắng thế gian.

đức tin: Câu kế tiếp nói rõ là ở đây *đức tin* nói đến việc tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.

5:5

Ai đã chiến thắng thế gian?: Sứ đồ Giăng dùng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh lời tuyên bố rằng không ai có thể chiến thắng được thế gian ngoại trừ những người tin rằng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời. CDN chuyển ngữ câu này mà không dùng câu hỏi.

Đoạn văn 5:6-9

5:6-9 Chủ đề

Trong 5:5 sứ đồ Giăng đã nói về việc tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời. Trong 5:6-9 ông giải thích chi tiết về điều chúng ta nên tin về Chúa Giê-su.

5:6a

Đáy: Từ *Đáy* nói đến “Chúa Cứu Thế Giê-su”. Trong khi chuyển ngữ có thể để tên ở đầu câu (hãy xem CDN) để thấy rõ ý hơn, hay dùng một cách nào khác cho thấy rằng ở đây tập trung về “Chúa Cứu Thế Giê-su”.

Đáng đến: Sứ đồ Giăng không đối chiếu Chúa Giê-su với một người nào khác. Ông đang nhấn mạnh hai điểm quan trọng về chức vụ của Chúa Giê-su tại thế gian là điều mà những người tin Ngài (hãy xem 5:5) phải chấp nhận.

bởi nước và huyết: Có nhiều quan niệm khác nhau về việc ông Giăng đang nói đến các

5:2b	Bằng cách yêu kính Đức Chúa Trời và thi hành điều răn của Ngài. nếu/khi chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời và làm điều Ngài bảo chúng ta làm. -HAY- [chúng ta yêu thương con cái Đức Chúa Trời] khi chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời và vâng theo điều răn của Ngài.
5:3a	Đây là cách yêu thương Đức Chúa Trời: [Tôi nói như vậy là vì] nếu chúng ta thật sự yêu thương Đức Chúa Trời,
5:3b	Vâng theo điều răn của Ngài chúng ta chắc chắn sẽ làm điều Ngài bảo chúng ta làm.
5:3c	và những điều răn ấy không nặng nề, Việc vâng lời Ngài không khó đối với chúng ta,
5:4a	vì người nào sinh ra từ Đức Chúa Trời chiến thắng được thế gian. bởi vì mỗi con cái của Đức Chúa Trời từ khước đường lối gian ác của loài người.
5:4b	Đây là sự chiến thắng đã chiến thắng thế gian, chính là đức tin của chúng ta. Chúng ta chiến thắng [các đường lối gian ác của] xã hội loài người vì chúng ta tin cậy [Chúa Cứu Thế].
5:5	Ai đã chiến thắng thế gian? Chỉ những ai tin Đức Giê-su là Con của Đức Chúa Trời. Ai có thể đánh bại [đường lối gian ác của] xã hội loài người? Không có ai làm được ngoại trừ những người tin rằng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời. -HAY- Chỉ có người tin Chúa Cứu Thế Giê-su là Con Đức Chúa Trời có thể chiến thắng [sự gian ác trong] thế gian.
5:6a	Đây là Đấng đến bởi nước và huyết, ¶ Chúa Cứu Thế Giê-su là Đấng đã đến với nước [khi Ngài chịu phép báp-tem] và huyết [khi Ngài chịu chết]. -HAY- ¶ Chúa Cứu Thế Giê-su là Đấng đã đến [từ trời], được [Đức Chúa Trời] ủy thác cho nhiệm vụ [được làm báp-tem] bằng nước, [để chết] bằng [cách đổ] huyết [của Ngài ra].

điểm nào ở trong chức vụ của Chúa Giê-su khi dùng các cách nói tượng hình này:

- (1) Có lẽ ông nhấn mạnh rằng Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng đến từ trời, đã được làm phép báp tem bằng nước để đồng nhất với con người và đã đổ huyết của Ngài khi Chúa chết để cứu chúng ta. Trong khi chuyển ngữ có thể cần phải nói rõ rằng *nước* là cách nói tượng hình về phép báp-

tem của Chúa Giê-su, và *huyết* là cách nói tượng hình về sự chết của Ngài. BDY đã thay thế từ *nước* và *huyết* với các nhóm từ diễn tả ý nghĩa được hàm ý:

...chịu lễ báp-tem, và khi Ngài chịu chết trên cây thập tự...

Hãy xem CĐN để thấy một thí dụ khác.

- (2) Một số học giả khác nghĩ Giăng nói đến sự kiện Chúa Giê-su ban cho chúng ta lễ báp-tem (*nước*) và lễ tiệc thánh (*huyết*) để nhắc nhở chúng ta về điều Ngài đã làm cho chúng ta.
- (3) Một số học giả nghĩ rằng đây nói đến *nước* và *huyết* chảy ra từ thân thể của Chúa Giê-su khi Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá (Giăng 19:34), chứng tỏ rằng Ngài thật sự đã chết.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

5:6b-c

Chúa Cứu Thế Giê-su, Ngài không đến chỉ bởi nước mà thôi, nhưng nước và huyết: Ở đây sứ đồ Giăng đang phủ nhận sự dạy dỗ của nhiều giáo sư giả mạo là những người tuyên bố rằng Chúa Giê-su là một con người và trở thành Con Đức Chúa Trời khi chịu phép báp-tem và sau khi Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá thì không còn là Con Đức Chúa Trời nữa. Đó là lý do tại sao sứ đồ Giăng nhấn mạnh ở đây rằng Chúa Cứu Thế Giê-su, là Con Đức Chúa Trời, không những chỉ khi chịu phép báp-tem nhưng khi chịu chết nữa.

5:7

Các người chuyển ngữ đã dùng nhiều hơn là một bản Hy-lạp để chuyển ngữ các bản dịch của họ. Tại chỗ này, các bản Hy-lạp khác nhau này ngắt câu 7-8 một cách khác nhau. BDM theo BDC và chúng tôi dùng cách ấy ở đây. BDY và BCG dùng bản Hy-lạp khác nên họ theo cách ngắt câu của bản ấy ở đây. Cả hai cách ngắt câu đều có thể dùng được. Nhưng có thể dùng cách mà các bản tiếng Việt được dùng trong địa bàn của bạn theo để cho cách ngắt câu này được chấp nhận dễ dàng hơn và ít làm cho người đọc bối rối hơn.

5:7a

làm chứng: Sứ đồ Giăng không nói rõ ở đây là Đức Thánh Linh làm chứng về điều gì. Tuy nhiên, qua các câu kế tiếp cho thấy rõ là ông đang nói đến chân lý về Chúa Cứu Thế Giê-su, Con Đức Chúa Trời.

5:7b

là chân lý: Về ý nghĩa của *chân lý* trong ngữ cảnh này hãy xem lời giải nghĩa của 3:19b “chúng ta thuộc về chân lý”. Ở đây sứ đồ Giăng muốn nói rằng Đức Thánh Linh là Đấng cho chúng ta thấy bản chất của Đức Chúa Trời và các công việc của Ngài.

5:8a

ba nhân chứng: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng có ba điều chứng tỏ chân lý về Chúa Giê-su.

5:8b-c

Đức Thánh linh, nước, và huyết: Ý nghĩa của *nước* và *huyết* cũng giống như ở trong 5:6 và nên chuyển ngữ chúng cùng một cách ở đây.

5:8đ

cả ba đều đồng ý: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng cả ba điều này cùng chứng tỏ một điều về Chúa Giê-su, tức là, Ngài là Con Đức Chúa Trời.

5:9a

chúng ta chấp nhận lời chứng của người: Sứ đồ Giăng đang dùng nhóm từ này như một thí dụ tổng quát để chứng minh điểm ông muốn nói. Ông nói rằng thường thường người ta chấp nhận điều người khác nói lại về những điều họ đã thấy, vì vậy người ta nên chấp nhận điều Đức Chúa Trời nói về Con của Ngài.

5:9b

quan trọng hơn: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “lớn hơn” nhưng sứ đồ Giăng không nói lời làm chứng của Đức Chúa Trời lớn hơn về phương diện nào. Thông thường từ Hy-lạp này được chuyển ngữ là “quan trọng” hay “đáng tin cậy”.

5:9c

vì...: Sứ đồ Giăng cho biết hai lý do tại sao lời chứng của Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn: thứ nhất, đó là lời chứng của Đức Chúa Trời chứ không phải là lời chứng của một người và thứ nhì, nó nói về chính Con của Đức Chúa Trời, không phải về một điều gì khác.

- 5:6b** **Chúa Cứu Thế Giê-su, Ngài không đến chỉ bởi nước mà thôi,**
[Ngài] không phải chỉ [đến để được làm phép báp tem] bằng nước.
- 5:6c** **nhưng nước và huyết.**
[Không,] Ngài cũng đã chết và huyết Ngài bị đổ ra.
-HAY-
Nhưng [Ngài đã được ủy thác cho nhiệm vụ đến thế gian để] [được làm phép báp-tem] bằng nước và [để chết] bằng [cách đổ] huyết [của Ngài ra vì chúng ta].
- 5:7a** **Và Đức Thánh Linh làm chứng,**
Đức Thánh Linh làm chứng [một cách chân thật về Chúa Cứu Thế Giê-su]
- 5:7b** **vì Đức Thánh Linh là chân lý.**
bởi vì Đức Thánh Linh [chỉ nói điều] chân thật.
- 5:8a** **Có ba nhân chứng:**
Vậy có ba [dấu hiệu/cách] để chứng minh [sự thật về Chúa Giê-su] .
- 5:8b** **Đức Thánh linh,**
[Chúng ta biết sự thật về Chúa Giê-su bởi vì] Đức Thánh Linh [phán với chúng ta],
- 5:8c** **nước**
nước [mà Giăng đã dùng làm phép báp-tem cho Chúa Giê-su],
- 5:8d** **và huyết;**
và huyết [mà Chúa Giê-su đã đổ ra khi Ngài chết].
- 5:8đ** **và cả ba đều đồng ý.**
Cả ba [dấu hiệu/cách] này cùng chứng nhận [và thiết lập] một [sự kiện].
-HAY-
Cả ba nhân chứng này cùng nói lên một điều.
- 5:9a** **Nếu chúng ta chấp nhận lời chứng của người**
Khi người ta làm chứng [trong toà án], chúng ta tin họ.
- 5:9b** **thì lời chứng của Đức Chúa Trời còn quan trọng hơn;**
[Vậy chúng ta nên chấp nhận những điều mà Đức Chúa Trời cho chúng ta thấy, bởi vì] bất cứ điều gì Đức Chúa Trời phán với chúng ta thì đáng tin cậy hơn [là điều người ta nói với chúng ta].
- 5:9c** **vì đây là lời chứng của Đức Chúa Trời**
Lời chứng này quan trọng/đáng tin cậy hơn bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời [chứ không phải chỉ là một con người],
- 5:9d** **làm chứng cho Con Ngài.**
và [bởi vì] Ngài đang nói với chúng ta về chính Con của Ngài.

Đoạn văn 5:10-12

5:10-12 Chủ đề

Ở đây sứ đồ Giăng cho thấy là việc tin Chúa Giê-su khiến cho chúng ta có thể tự tin rằng chúng ta có sự sống vĩnh phúc.

5:10a

lời chúng này: Đây nói đến lời chúng được nhắc tới ở trong các câu trước (5:6-9) là những lời mà Đức Thánh Linh đã dùng để bảo đảm với chúng ta là Chúa Cứu Thế Giê-su là Con Đức Chúa Trời.

trong lòng: Đây là một thành ngữ để nói đến việc một người hoàn toàn chấp nhận lời chúng và để cho nó ảnh hưởng trên mình một cách sâu xa. Người đó không có chút nghi ngờ gì là những điều này không có thật.

5:10b

Ai không tin Đức Chúa Trời: Mặc dù câu này nói đến Đức Chúa Trời thay vì Chúa Cứu Thế Giê-su, nó được dùng như là một sự tương phản trực tiếp với câu trước (5:10a). Trong khi chuyển ngữ có thể cần phải dùng một liên từ như là “nhưng” để giới thiệu nó.

khiến Ngài thành kẻ nói dối: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng từ chối không tin Đức Chúa Trời thì cũng như là nói rằng Đức Chúa Trời là kẻ nói dối.

5:10c

vì...: Đây cho thấy lý do tại sao sứ đồ Giăng nói rằng từ chối không tin Đức Chúa Trời thì cũng như là nói rằng Đức Chúa Trời là kẻ nói dối.

5:11a

đây là: Trong bản dịch tiếng Việt nhóm từ này được chuyển ngữ từng từ một. Trong ngữ cảnh này, nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến ảnh hưởng của lời chúng, không phải nội dung của nó. Nó cho thấy lời chúng được tác động như thế nào qua các tín nhân. Hãy xem PKTCCN. Bạn cũng có thể diễn tả là: ‘điều mà lời chúng dẫn tới là Đức Chúa Trời...’, ‘lời chúng có nghĩa/hàm ý rằng Đức Chúa Trời...’

5:11b

sự sống này ở trong Con Ngài: Điều này không chỉ có nghĩa là Chúa Cứu Thế có sự sống vĩnh phúc. Sứ đồ Giăng nói rằng chúng ta chỉ có được sự sống vĩnh phúc qua Chúa Cứu Thế. Đức Chúa Trời ban sự sống vĩnh phúc cho chúng ta bằng cách ban cho chúng ta Con của Ngài.

5:12a

có Đức Chúa Con: Đây là một cách khác mà sứ đồ Giăng dùng để chỉ về quan hệ cá nhân gần gũi của chúng ta và sự hiệp một với Chúa Cứu Thế. Nó có cùng một nghĩa với nhóm từ “trong Chúa Cứu Thế”. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:5 “trong Ngài”.

sự sống: Sứ đồ Giăng đang nói đến “sự sống vĩnh phúc”. Trong khi chuyển ngữ có thể nói như sau “sự sống này” thì rõ ràng hơn.

5:12b

ai không có: Trong câu này sứ đồ Giăng nhấn mạnh đến điều ông vừa mới nói ở trong 5:12a bằng cách lặp lại nó bằng thể phủ định. Có thể cần phải có một từ như là “nhưng” để nối hai câu lại với nhau.

- 5:10a** **Ai tin Con Đức Chúa Trời thì có lời chứng này trong lòng.**
¶ [Vậy] nếu ai tin [Chúa Giê-su là] Con Đức Chúa Trời, người ấy biết chắc chắn rằng những điều [mà Đức Chúa Trời đã cho người ấy thấy] là thật.
- 5:10b** **Ai không tin Đức Chúa Trời thì khiến Ngài thành kẻ nói dối,**
[Nhưng nếu] ai không tin điều Đức Chúa Trời đã phán thì người ấy cho rằng Đức Chúa Trời là kẻ nói dối,
- 5:10c** **vì không tin lời chứng của Đức Chúa Trời về Con Ngài.**
vì người ấy đã từ khước điều Đức Chúa Trời đã phán về Con của Đức Chúa Trời.
- 5:11a** **Và đây là lời chứng đó: Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta sự sống vĩnh phúc**
Lời chứng này muốn nói/hàm ý rằng Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta sự sống vĩnh phúc.
-HAY-
[Chúng ta biết rằng điều] Đức Chúa Trời đã nói với chúng ta [là thật bởi vì] Ngài đã khiến cho chúng ta [bắt đầu] sống với Ngài đời đời.
- 5:11b** **và sự sống này ở trong Con Ngài.**
Đó là qua Con Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nhận được sự sống này.
-HAY-
Đức Chúa Trời khiến cho chúng ta sống với Ngài [đời đời] bằng cách cho Con Ngài hiệp một với chúng ta.
- 5:12a** **Ai có Đức Chúa Con có sự sống;**
Vậy bất cứ ai hiệp một với Con Đức Chúa Trời thì người ấy có sự sống [vĩnh phúc này],
-HAY-
Vậy nếu ai đã chấp nhận Con Đức Chúa Trời, người ấy [bắt đầu] sống [với Đức Chúa Trời] đời đời.
- 5:12b** **ai không có Con của Đức Chúa Trời thì không có sự sống.**
Nhưng ai không hiệp một với Con Đức Chúa Trời không có sự sống [vĩnh phúc này].
-HAY-
Nhưng nếu ai không chấp nhận Con Đức Chúa Trời thì người đó không sống [với Đức Chúa Trời].

Tiểu đoạn 5:13-21 Sứ đồ Giăng trấn an các tín nhân

5:13-21 Chủ đề

Sứ đồ Giăng chấm dứt thư của ông bằng cách trấn an các đọc giả của ông là họ có sự sống vĩnh phúc và họ thật sự biết Đức Chúa Trời.

Đoạn văn 5:13-17

5:13-17 Chủ đề

Sứ đồ Giăng nhắc nhở các đọc giả của ông rằng bởi vì họ có sự sống vĩnh phúc, họ có thể có tự tin khi cầu xin Đức Chúa Trời bất cứ điều gì, thí dụ như cầu nguyện cho các tín hữu khi họ phạm tội.

5:13

Câu này tóm tắt lại mục đích của sứ đồ Giăng khi viết thư này. Trong thư ấy ông tập trung trong hai điều: thứ nhất, các đọc giả của ông phải tin Chúa Giê-su, và thứ nhì, họ không nên nghi ngờ về việc họ có sự sống vĩnh phúc.

5:13a

những điều này: Sứ đồ Giăng đang nhắc đến tất cả những điều ông đã viết trong thư này.

tin danh: Như ở trong 3:23b đây có nghĩa là tin cậy Chúa Giê-su có thẩm quyền và bản tính như là Con Đức Chúa Trời.

5:13b

biết: Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là không phải chỉ biết nhưng mà là biết chắc chắn về một điều gì đó.

5:14

Trong câu này và những câu kế tiếp sứ đồ Giăng nêu lên một kết quả của việc chúng ta có sự sống vĩnh phúc, tức là, chúng ta có thể biết chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ trả lời sự cầu nguyện của chúng ta. Bạn có thể cần phải làm cho người đọc thấy rõ sự nối kết với câu trước trong bản dịch của bạn. Hãy xem PKTCCN.

5:14a

Đây là sự bảo đảm chúng ta có để đến gần Đức Chúa Trời: Nhóm từ này tượng trưng cho cùng một nhóm từ Hy-lạp “chúng ta được vững tâm trước mặt Đức Chúa Trời” trong 3:21b. Nó có nghĩa là chúng ta không sợ hãi hay hổ thẹn khi xin Đức Chúa Trời cho mọi điều.

xin bất cứ điều gì: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây hàm ý Đức Chúa Trời làm một điều gì chứ không phải xin Đức Chúa Trời cho một điều gì.

5:14c

theo ý muốn Ngài: Đây có nghĩa là điều chúng ta muốn cũng là điều Đức Chúa Trời muốn, bởi vì chúng ta hiệp một với Ngài qua Chúa Giê-su và vậy nên hành động và tư tưởng của chúng ta phải giống như hành động và tư tưởng của Ngài.

sẽ nghe chúng ta: Từ Hy-lạp được dùng ở đây hàm ý rằng Đức Chúa Trời vừa nghe lời yêu cầu của chúng ta và cũng ban cho chúng ta điều chúng ta cầu xin nữa.

5:15a-b

Và: Bản Hy-lạp dùng từ này ở đây để cho thấy rằng vấn đề được thảo luận vẫn tiếp tục. Đối với tiếng Việt, bắt đầu một câu bằng từ “Và” không được tự nhiên nên các bản tiếng Việt khác (BDC, BCG, BDY) không chuyển ngữ nó. Bạn có thể chuyển ngữ nó là “vì vậy” như CĐN.

nếu chúng ta biết: Từ Hy-lạp được dùng ở đây thường được chuyển ngữ là *nếu*, nhưng trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “vì”. Hãy xem CĐN.

Đức Chúa Trời nghe... chúng ta xin: Đây lặp lại điều sứ đồ Giăng đã nói ở trong câu trước. Khi ông nói: “bất cứ điều gì chúng ta xin”, ông giả định rằng điều này sẽ “theo ý

Tiểu đoạn 5:13–21 Sứ đồ Giảng trấn an các tín nhân

- 5:13a** Tôi viết những điều này cho anh chị em là những người tin danh Con của Đức Chúa Trời
¶ Tôi đã viết mọi sự [trong thư này] cho anh chị em là những người tin [Chúa Giê-su có] thẩm quyền [với tư cách là] Con Đức Chúa Trời
- 5:13b** để anh chị em biết anh chị em có sự sống vĩnh phúc.
để anh chị em có thể chắc chắn rằng anh chị em có sự sống vĩnh phúc.
-HAY-
để anh chị em không thể nghi ngờ việc anh chị em sống [với Đức Chúa Trời] đời đời.
- 5:14a** Đây là sự bảo đảm chúng ta có để đến gần Đức Chúa Trời:
[Vậy nên] chúng ta không sợ hãi khi chúng ta cầu nguyện với Đức Chúa Trời,
- 5:14b** Ấy là nếu chúng ta xin bất cứ điều gì
[bởi vì chúng ta biết rằng] bất cứ khi nào chúng ta xin Ngài điều gì
- 5:14c** theo ý muốn Ngài thì Ngài sẽ nghe chúng ta.
theo ý Ngài thì Ngài sẽ làm [điều đó] cho chúng ta.
-HAY-
Ngài không bao giờ từ chối chúng ta nếu chúng ta suy nghĩ giống như Ngài.
- 5:15a** Và nếu chúng ta biết Đức Chúa Trời nghe chúng ta,
Vì vậy, vì chúng ta biết rằng Ngài nghe chúng ta [khi chúng ta xin Ngài một điều gì]
- 5:15b** bất cứ điều gì chúng ta xin,
[chúng ta cũng biết rằng] khi nào chúng ta xin Ngài điều [mà Ngài muốn chúng ta xin Ngài],
- 5:15c** chúng ta biết rằng chúng ta có được điều chúng ta đã xin Ngài.
[thì] Ngài [đã] làm điều chúng ta xin Ngài [rồi].
- 5:16a** Nếu có ai thấy anh chị em mình phạm một tội
Vậy, nếu/khi bất cứ ai trong các con biết một tín hữu đang phạm tội,

muốn của Đức Chúa Trời” như ông đã nhắc đến.

5:15c

chúng ta có được: Thì của động từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp cho thấy là các lời yêu cầu của chúng ta đã được ban cho ngay lúc chúng ta xin. Khi chúng ta cầu xin một điều

gì thì cũng giống như là chúng ta đã có điều ấy rồi.

5:16a

có ai: Sứ đồ Giảng đang chỉ dẫn cho các đọc giả của ông nên có thể trong khi chuyển ngữ bạn có thể nói: “bất cứ ai trong các con” thì rõ ràng hơn.

anh chị em mình: Có hai quan niệm về từ này được dùng với ý nào ở đây:

- (1) Nó có nghĩa là một tín hữu.
- (2) Một số học giả nghĩ là nó có nghĩa là một người bạn chưa tin Chúa.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

5:16b

một tội không đưa đến sự chết: Có mấy sự giải thích khác nhau về ý nghĩa của nhóm từ này:

- (1) Nó nói đến tội cố ý từ khước Chúa Cứu Thế và ghét dân sự của Ngài. Những người nào phạm tội này là người không có sự sống vĩnh phúc và chết về phần thuộc linh. Đây là điều sứ đồ Giăng nói rõ ở trong 5:12 và trong 3:14.
- (2) Một số học giả nghĩ rằng nó nói đến tội phạm thượng với Đức Thánh Linh. Hãy xem Ma-thi-ơ 12:31-32.
- (3) Một số học giả khác nghĩ rằng nó nói đến các con dân Chúa đã từ bỏ đức tin của mình. Hãy xem Hê-bơ-rơ 6:4-6.

Cách giải thích (1) theo ngữ cảnh của lá thư nên chúng tôi đề nghị bạn nên dùng nó.

đưa đến sự chết: Theo các sự giải thích được nhắc đến ở lời giải nghĩa ở trên, nhóm từ này nói đến sự chết về phần thuộc linh, không phải sự chết về thể xác. Tức là muốn nói, phạm các tội này khiến cho một người bị phân cách đời đời khỏi Đức Chúa Trời và khỏi đời sống vĩnh phúc mà Đức Chúa Trời ban cho qua Chúa Cứu Thế. Sứ đồ Giăng không nói đến những phù phép của thầy phù thủy làm cho người khác chết.

5:16c

câu nguyện: Động từ này được dùng ở đây theo ý là câu xin Đức Chúa Trời một điều gì. Trong trường hợp này nó có nghĩa là xin Đức Chúa Trời cứu anh chị em mình là người phạm tội.

5:16d

ban cho người sự sống: Sứ đồ Giăng đang nói về một người chưa đến nỗi chết về phần thuộc linh. Nói một cách khác, người này đã

là một tín nhân nên có sự sống vĩnh phúc. Nhưng nếu người này cứ tiếp tục phạm tội, mặc dù người ấy có sự sống vĩnh phúc, thì người ấy cần phải ăn năn và phục hồi lại sự quan hệ của người đó với Đức Chúa Trời. Nếu người đó không làm như vậy, tội lỗi có thể dẫn đến sự bỏ đạo theo tà giáo. Có thể chuyển ngữ một cách khác là: “Đức Chúa Trời sẽ phục hồi đời sống của người ấy”.

5:16đ

Sứ đồ Giăng thêm câu này vào để làm cho nó hoàn toàn rõ ràng là điều ông nói chỉ áp dụng cho những người phạm tội không đưa đến sự chết.

Tôi nói đến: Nhóm từ *Tôi nói đến* là một cách cho thấy sứ đồ Giăng lập lại điều ông đã nói bằng một cách khác để nhấn mạnh điều ông muốn nói. Hãy xem các bản dịch tiếng Việt để thấy các cách chuyển ngữ khác nhau của nhóm từ này.

tội không đưa đến sự chết: Như ở trong 16b, chúng tôi giải thích nhóm từ mà sứ đồ Giăng dùng để nói: “bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời”. Chúng ta có thể dùng chính lời của sứ đồ Giăng để giải thích điều ông muốn nói: “tội khiến cho người ta bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời”. Sứ đồ Giăng nói đến các tội nặng như ở trong 1:8 (tự lừa dối mình), trong 1:10 và 5:10 (làm cho Đức Chúa Trời thành kẻ nói dối), và trong 2:4 và 4:20 (nói dối). Trong 3:10-15 ông nói các con cái của quỷ vương cũng như những kẻ sát nhân (kẻ sát nhân là người ghét anh em của mình) không có sự sống vĩnh phúc. Ông nhận diện kẻ chống Chúa Cứu Thế và thần linh của thế gian bằng cách họ từ chối xưng nhận rằng Chúa Cứu Thế Giê-su đã đến trong xác thịt của một con người (2:22; 4:3). Cuối cùng ông nói rằng người không có quan hệ với Con không có sự sống (5:12). Từ những câu này và các câu khác, chúng ta thấy rằng tội đưa đến sự phân cách đời đời khỏi Đức Chúa Trời là việc từ chối không tin rằng Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế đến từ Đức Chúa Trời.

5:16b	không đưa đến sự chết, và tội đó không khiến cho [người đó] chết [về phần thuộc linh], -HAY- và nếu tội đó không phải là loại tội làm cho người phạm tội bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời,
5:16c	thì người ấy cầu nguyện thì người ấy nên xin Đức Chúa Trời [cứu người đã phạm tội].
5:16d	và Đức Chúa Trời sẽ ban cho người sự sống. Đức Chúa Trời [chắc chắn] sẽ khiến cho người đó sống [về phần thuộc linh].
5:16đ	Tôi nói đến những người mà tội không đưa đến sự chết, Tôi đang nói về những người phạm tội mà tội không khiến [cho một người] chết [về phần thuộc linh]. -HAY- nếu người đó làm một việc mà việc này không khiến cho người phải bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời.
5:16e	cũng có tội đưa đến sự chết. Nhưng đối với những người đang phạm những tội mà tội ấy khiến cho họ chết [về phần thuộc linh] thì lại khác. -HAY- Thật ra, có một số tội làm cho người ta bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời.
5:16g	Tôi không nói anh chị em phải cầu nguyện về tội đó. Tôi không nói là anh chị em phải xin Đức Chúa Trời [cứu người đang phạm loại tội] đó.

5:16e

cũng có tội...: Có các quan niệm khác nhau về ý nghĩa của văn phạm được dùng trong nhóm từ trong bản Hy-lạp ở đây. Có lẽ nó có nghĩa là “Có một thứ tội...” hay “Có một số tội...”

5:16g

Tôi không nói anh chị em phải cầu nguyện về tội đó: Rất dễ để hiểu lầm câu này. Ý sứ

đồ Giảng muốn nói ở đây là ông sẽ không chỉ thị cho các đọc giả của ông là họ phải cầu nguyện cho những người phạm tội đưa đến sự chết. Nói một cách khác, ông cho phép họ cầu nguyện cho những người như vậy (bởi vì chúng ta không biết được Đức Chúa Trời sẽ cứu họ hay không), nhưng ông không ra lệnh cho các tín nhân cầu nguyện cho những người đó, vì họ đã cố ý từ khước mọi sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời.

5:17

Trong câu trước sứ đồ Giăng đã nhắc đến hai loại tội, những tội đưa đến sự chết và những tội không đưa đến sự chết. Câu này cho thấy là ông không nói là các tội không đưa đến sự chết thì không quan trọng. Tất cả mọi tội đều nghiêm trọng trước mặt của Đức Chúa Trời.

5:17a

Mọi sự bất chính đều là tội: Trong bản Hy-lạp, các từ *sự bất chính* và *tội* thường được dùng để nói về cùng một thứ, nhưng ở đây các từ này được dùng với ý nghĩa khác nhau. Trong câu này *sự bất chính* nói đến bất cứ một hành động nào chống lại với ý muốn của Đức Chúa Trời hay ở dưới chuẩn Ngài đặt ra. *Tội* ở đây nói đến một việc làm tổn thương Đức Chúa Trời và làm hư hay phá hỏng sự quan hệ mà một người có với Ngài.

5:17b

tội không dẫn đến sự chết: Một lần nữa, nhóm từ mà sứ đồ Giăng dùng ở đây nói đến sự chết về phần thuộc linh, tức là, bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời.

5:18-21

5:18-21 Chủ đề

Cuối cùng sứ đồ Giăng nhắc nhở các độc giả rằng Đức Chúa Trời bảo vệ họ khỏi sự cảm dỗ phạm tội và họ thật sự biết Đức Chúa Trời, vậy họ nên từ khước mọi tà giáo.

5:18a

ai sanh ra bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội: Mệnh đề Hy-lạp này giống gần như là ở trong 3:9: “Ai được Đức Chúa Trời sinh ra thì không phạm tội”. Thì của động từ dùng ở đây nói đến việc một người “tiếp tục phạm tội” hay “có thói quen phạm tội”. Nó có nghĩa là không một con cái nào của Đức Chúa Trời nên tiếp tục hay có thói quen phạm tội.

5:18b

(BDY) vi: Phần còn lại của câu cho thấy lý do tại sao các con dân Chúa không tiếp tục phạm tội. Sự nối kết này có thể được thấy rõ ràng hơn nếu dùng một liên từ như là “vì” giống như BDY và CDN đã làm.

người sanh ra bởi Đức Chúa Trời: Sứ đồ Giăng dùng cách chơi chữ dựa trên cùng một nhóm từ tương tự như ở trong 18a. Ở đó, nhóm từ nói đến các tín nhân. Ở đây, trong 18b, thì của động từ dùng ở đây nói đến một người đặc biệt đã được sanh ra bởi Đức Chúa Trời, tức là Con Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su. BDY làm cho ý nghĩa này được rõ ràng bằng cách chuyển ngữ nhóm từ này là “Chúa Cứu Thế, Con Ngài”. BCG chuyển ngữ là: “Đấng Thiên Chúa”.

giữ mình: Đây là chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp. BDY chuyển ngữ theo ý nghĩa: “bảo vệ họ”.

5:18c

và...: Có thể coi mệnh đề ở trong 5:18c là kết quả của việc Con Đức Chúa Trời bảo vệ các con dân Chúa. Vậy nên có thể trong khi chuyển ngữ dùng một liên từ như “vậy nên” thì rõ ràng hơn.

ma quỷ: Từ Hy-lạp được dùng ở đây cũng được dùng ở trong 2:13d. Nó là một cách khác để nói đến Sa-tan. BDM chuyển ngữ là “kẻ ác” ở đó.

đụng: Từ Hy-lạp được dùng ở đây hàm ý đụng đến một người nào với ý định làm một điều xấu cho người đó. Vì vậy có thể chuyển ngữ là “làm hại” thì rõ ràng hơn.

5:19a

con dân của Đức Chúa Trời: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là một người có đặc tính của Đức Chúa Trời. Đôi khi được diễn tả là “là con của Đức Chúa Trời” hay “thuộc về Đức Chúa Trời”.

5:19b

cả thế gian: Trong câu này nhóm từ này có nghĩa là tất cả những người không chấp nhận Đức Chúa Trời ở trên thế gian.

5:17a	Mọi sự bất chính đều là tội, Bất cứ người ta làm một điều gì sai đó là phạm tội với Đức Chúa Trời.
5:17b	nhưng có loại tội không dẫn đến sự chết. Nhưng có [nhiều] tội không làm cho người ta bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời.
5:18a	Chúng ta biết rằng ai sanh ra bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội; ¶ Chúng ta biết rằng ai trở nên con cái của Đức Chúa Trời thì người đó không tiếp tục phạm tội,
5:18b	người sanh ra bởi Đức Chúa Trời giữ mình an toàn [bởi vì] Con Đức Chúa Trời, [Chúa Cứu Thế Giê-su,] bảo vệ người,
5:18c	và ma quỷ không đụng đến người được. [để] Sa-tan, kẻ gian ác, không thể [làm gì] hại người được.
5:19a	Chúng ta biết chúng ta là con dân của Đức Chúa Trời Chúng ta biết rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời -HAY- Chúng ta biết rằng chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời
5:19b	và cả thế gian đều nằm trong sự kiểm soát của ma quỷ. và Sa-tan cai trị/điều khiển tất cả những người [không đi theo Đức Chúa Trời]. -HAY- và những người không có Đức Chúa Trời bị Sa-tan thống trị.
5:20a	Chúng ta cũng biết Con của Đức Chúa Trời đã đến Chúng ta biết rằng Con của Đức Chúa Trời đã đến [thế gian này]
5:20b	và đã ban cho chúng ta sự hiểu biết để chúng ta biết Ngài là chân thật. và đã khiến cho chúng ta có thể biết [Đức Chúa Trời] chân thật [duy nhất]. -HAY- và khiến cho chúng ta có thể nhận biết [rằng Đức Chúa Trời là] thật.

trong sự kiểm soát của ma quỷ: Đây có nghĩa là quỷ vương điều khiển những người không đi theo Đức Chúa Trời.

ma quỷ: Sứ đồ Giăng dùng cùng một từ giống như ở trong 5:18c và nó nói đến “quỷ vương”.

5:20a

đã đến: Đây nói đến sự kiện Chúa Giê-su đã đến thế gian.

5:20b

đã ban cho chúng ta sự hiểu biết: Đối với một số ngôn ngữ có thể không thể nói là “ban cho” một vật trừu tượng như là *sự hiểu biết*. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng Chúa Giê-su đã khiến cho chúng ta hiểu hay biết một điều gì đó.

sự hiểu biết: Từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến khả năng để hiểu hay nhận biết. Chúa Giê-su đã cho chúng ta khả năng để nhận biết rằng Đức Chúa Trời “là chân thật”.

Ngài là chân thật: Chúng ta tìm thấy nhóm từ được dùng ở đây trong câu 5:20 (b, c, đ) ba lần. Chuyển ngữ từng từ một là “Đấng chân thật”. Trong mỗi trường hợp, sứ đồ Giăng dùng thành ngữ này để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời là chân thật khi đối chiếu với các thần tượng khác trong văn hoá của người Hy-lạp là những thần không có thật. Trong 20b nó nói đến Đức Chúa Trời. Bạn có thể thêm “Đức Chúa Trời” để làm cho người đọc hiểu rõ hơn. CDN đã làm như vậy.

5:20c

trong Ngài: Như ở trong 2:5c đây có nghĩa là chúng ta hiệp một với Đức Chúa Trời, có một quan hệ gần gũi với Ngài.

Đấng chân thật: Cùng một nhóm từ Hy-lạp được dùng ở trong 20b nhưng BDM chuyển ngữ một cách khác ở đây. Hãy xem lời giải nghĩa ở 20b.

5:20d

tức là: Mệnh đề theo sau nhóm từ này giải nghĩa việc chúng ta ở “trong Đức Chúa Trời” là như thế nào. Ý nghĩa của nhóm từ này là “bởi vì chúng ta hiệp một với Con Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-su”.

5:20đ

Ngài là Đức Chúa Trời chân thật: Như ở trong 20b và 20c, sứ đồ Giăng dùng nhóm từ “Đấng chân thật”. Bởi vì cấu trúc văn phạm Hy-lạp được dùng ở đây không cho biết rõ là sứ đồ Giăng đang dùng nhóm từ này để nói đến Đức Chúa Trời, như ở trong câu trước, hay nói đến Chúa Giê-su. Đa số học giả đồng ý rằng ở đây nó nói đến Chúa Giê-su, tức là, Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời chân thật và sự sống vĩnh phúc. Bởi vì Chúa Giê-

su là Đức Chúa Trời chân thật nên người nào ở trong Ngài thì cũng ở trong Đức Chúa Cha.

5:20e

sự sống vĩnh phúc: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng Đức Chúa Trời là nguồn duy nhất của sự sống vĩnh phúc. Ngài là Đấng ban sự sống đó cho người ta.

5:21

Các con thân mến: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây cũng được dùng ở trong 2:1a: “Hỡi các con bé nhỏ của ta”. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó. Bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ nó ở đây mặc dù BDM không làm như vậy.

Hãy giữ mình khỏi hình tượng: Đây có vẻ hơi lạ khi sứ đồ Giăng dùng lời cảnh cáo này để chấm dứt thư của ông. Sứ đồ Giăng có thể dùng lời cảnh cáo không được thờ hình tượng giống như nó đã được dùng ở trong Cựu Ước. Lời cảnh cáo này được dùng trong Cựu Ước để cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên (Do Thái) không được hoà đồng với các tôn giáo của người địa phương hay phạm tội nhưng chỉ tận hiến cho một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Ý nghĩa này thích hợp với ngữ cảnh của thư của sứ đồ Giăng đưa đến một mạng lệnh tổng quát cuối cùng đó là chỉ tin cậy và phục vụ một mình Đức Chúa Trời mà thôi. CDN thứ ba dùng cách giải thích tổng quát này.

hình tượng: Có lẽ sứ đồ Giăng dùng từ này một cách tổng quát, nói đến các thần tượng không có thật và những tư tưởng sai lầm về Đức Chúa Trời. Tuy nhiên khi bạn chuyển ngữ, bạn có thể dùng một từ đặc biệt để nói đến các thần tượng ở địa bàn của bạn để đối chiếu với Đức Chúa Trời chân thật.

- 5:20c** **Và chúng ta ở trong Ngài, Đấng chân thật,**
Chúng ta hiệp một với [Đức Chúa Trời] chân thật [duy nhất] này
- 5:20d** **tức là ở trong Con Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-su.**
[bởi vì] chúng ta hiệp một với Con Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-su.
- 5:20d** **Ngài là Đức Chúa Trời chân thật**
Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời là Đấng chân thật,
- 5:20e** **và sự sống vĩnh phúc.**
và [ban cho người ta] sự sống [thuộc linh] đời đời.
-HAY-
[Ngài là Đấng duy nhất] có thể khiến cho người ta sống [với Ngài] đời đời.
- 5:21** **Các con thân mến! Hãy giữ mình khỏi hình tượng.**
Các con [thuộc linh] của ta, [hãy cẩn thận,] đừng dính líu gì đến các thần tượng không có thật.
-HAY-
Các môn đệ thân mến của tôi, [vì Đấng mà chúng ta thờ phượng là chân thật] hãy giữ mình khỏi việc thờ lạy những thần tượng không có thật [của các tôn giáo địa phương].
-HAY-
Các con của ta, đừng tin cậy thần nào khác hơn là Đức Chúa Trời.

LỜI GIẢI NGHĨA CHO NGƯỜI CHUYỂN NGỮ SÁCH 2 GIẢNG

Dàn bài của sách 2 Giảng

1-3	Lời chào thăm
4-11	Hãy vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời và khước từ tà giáo
12-13	Các lời bình luận cuối cùng

TÓM LƯỢC SÁCH 2 GIẢNG

Sứ đồ Giảng khuyến khích các tín nhân vâng lời Đức Chúa Trời bằng cách yêu thương lẫn nhau. Ông cảnh cáo họ về những người không theo sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế và bảo họ phải từ khước những người đó và các tà giáo họ dạy.

Tiểu đoạn 1-3 Các lời chào thăm

1-3 Chủ đề

Đây là phần giới thiệu của lá thư này. Câu 1 cho thấy ai là tác giả và ông đang viết thư cho ai. Trong câu 3 tác giả dùng một lời chào thăm dưới hình thức của một lời chúc phước. Ba yếu tố này là những phần cơ bản của lời giới thiệu các lá thư được viết vào thời đó. Trong những câu này, sứ đồ Giảng cũng giới thiệu ý tưởng về tình yêu thương và chân lý của Đức Chúa Trời. Đây là những điều chính mà ông muốn thảo luận trong thư này.

1a-b

Trưởng lão kính gửi...: Đây là hình thức tiêu biểu của một lá thư Hy-lạp vào thời của sứ đồ Giảng. Tuy nhiên, đối với nhiều ngôn ngữ tác giả của thư dùng ngôi thứ nhất số ít để chỉ về mình. Thí dụ: “Tôi, người trưởng lão, đang viết cho...” Khi chuyển ngữ nên dùng lối viết tự nhiên được người ta dùng để bắt đầu một lá thư.

Trưởng lão: Khi viết thư này sứ đồ Giảng đã lớn tuổi và là một sứ đồ nổi tiếng và một người lãnh đạo của hội thánh. Từ Hy-lạp mà ông dùng ở đây được dùng cho một người có thẩm quyền và địa vị cao. Có lẽ ông dùng cụm từ *trưởng lão* ở đây với ý nghĩa “người lãnh đạo hội thánh” hay “một cụ tín hữu”, như ở trong Công Vụ 14:23 và Tịch 1:5,6.

1b

người được chọn: Có thể cần phải nói rõ ra là Đức Chúa Trời đã chọn “bà” làm một người trong dân sự của Ngài.

bà...các con cái bà: Sứ đồ Giảng dùng những từ này để nói đến một hội thánh địa phương và các hội viên của nó. Tuy nhiên, đây không

phải là cách nói tượng hình của tiếng Hy-lạp. Sứ đồ Giảng dùng những từ này ở đây như là một mật hiệu, có lẽ để tránh nhắc đến tên và đặt các con dân Chúa vào nguy cơ bị bắt bớ. Vì vậy nên giữ các từ này trong khi bạn chuyển ngữ và đừng đổi thành “hội thánh” và “các con dân Chúa”, vì làm như thế sẽ mất đi việc sứ đồ Giảng dùng mật hiệu để viết ở đây. Bạn có thể thêm lời chú thích ở cuối trang để giải thích ý nghĩa và tại sao sứ đồ Giảng dùng mật hiệu ở đây.

bà: Từ Hy-lạp mà sứ đồ Giảng dùng ở đây là từ được dùng để chỉ một người đàn bà có địa vị cao và quyền thế.

1c

những người tôi yêu thương: Sứ đồ Giảng muốn nói là ông yêu thương cả bà và con cái của bà.

trong chân lý: Có thể giải thích ý nghĩa của nhóm từ Hy-lạp này theo hai cách khác nhau:

- (1) Nó có nghĩa là “thật sự”. (BDC, BCG)
- (2) Nó có nghĩa là “bởi vì tất cả chúng ta đều tin chân lý của Đức Chúa Trời”. (BDY)

BDM chuyển ngữ từng từ một nhưng chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

1d-d

không những chỉ có tôi, nhưng...: Đây là một cách vắn tắt được dùng để nói: “Tôi không phải là người duy nhất yêu thương bà. Tất cả những người biết chân lý cũng thật sự yêu thương bà”.

2a

vì chân lý ở trong chúng ta: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng ông yêu thương những người nhận thư ông bởi vì cả ông lẫn họ đều biết và tin chân lý mà Đức Chúa Trời đã dạy dỗ họ.

2b

tồn tại trong chúng ta mãi mãi: Đối với một số ngôn ngữ có thể không được tự nhiên khi nói đến một điều trừu tượng như “chân lý” lại ở trong một người. Ở đây nó có nghĩa là chúng ta sẽ không bao giờ thôi không tin tưởng chân lý của Đức Chúa Trời.

3a

Câu 3 là một lời chào thăm truyền thống trong hình thức của một lời chúc phước. Những lời chào thăm này giống như thông báo một lời chúc lành cho khán thính giả, thí dụ:

Tôi chúc [các bạn] ân sủng, lòng thương xót và bình an đến từ Đức Chúa Trời là Cha và từ Chúa Cứu Thế Giê-su, Con của Cha, ở với chúng ta

Trong trường hợp này, sứ đồ Giăng đã đổi hình thức thông thường của một lời chúc thành một lời nói chắc chắn là Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho họ.

BCG giữ hình thức mà sứ đồ Giăng đã dùng nhưng BDM, BDC và BDY đổi nó thành một

lời chúc phước bằng cách thêm vào “nguyện xin”. Bạn có thể giúp cho các độc giả của bạn hiểu mục đích lời nói của sứ đồ Giăng bằng cách thêm vào một nhóm từ như sau “Tôi gửi những lời này để chào thăm anh chị em”:

“Tôi gửi những lời này để chào thăm bà với những lời này: Đức Chúa Trời là Cha và từ Chúa Cứu Thế Giê-su, Con của Cha, sẽ ban ơn cho chúng ta, sẽ thương xót chúng ta và sẽ giúp chúng ta sống một cách bình an.”

ân sủng, lòng thương xót và bình an: Sứ đồ Giăng dùng các danh từ nhưng đối với ngôn ngữ của bạn có thể đòi hỏi bạn diễn tả những ý niệm này bằng các động từ, thí dụ:

Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục ban ơn, thương xót [chúng ta] và khiến cho chúng ta sống một cách bình an.

Nguyện xin: Trong bản Hy-lạp không có động từ này. BDM, BDC và BDY thêm vào. Sứ đồ Giăng thật sự dùng một hình thức cổ truyền của lời chào thăm bằng tiếng Hy-lạp giống như BCG đã dùng.

đến từ Đức Chúa Trời là Cha...ở với chúng ta: Nhóm từ này được diễn tả theo lối viết văn Hy-lạp. Có thể diễn tả như sau nghe tự nhiên hơn “Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta ân sủng, lòng thương xót và bình an”. Hãy xem thí dụ ở trong BDY.

3b-c

trong chân lý và tình yêu thương: Ở đây sứ đồ Giăng lập lại chủ đề chân lý và tình yêu thương của ông. Ông muốn nói rằng chúng ta sẽ kinh nghiệm ân sủng, sự thương xót, và sự bình an của Đức Chúa Trời khi chúng ta hành động theo chân lý chúng ta đã học từ Ngài và khi chúng ta yêu thương lẫn nhau.

Tiểu đoạn 1–3 Các lời chào thăm

- 1a** **Trưởng lão**
[Tôi,] người lãnh đạo/trưởng lão của hội thánh, [viết thư này]
-HAY-
Từ: [một người được gọi là] Trưởng lão,
- 1b** **kính gửi bà là người được chọn và các con cái bà**
cho bà, người Đức Chúa Trời đã chọn [để ở giữa dân sự của Ngài], và cho các con cái bà.
-HAY-
gửi đến: Bà [người được Đức Chúa Trời] lựa chọn và các con cái của bà,
- 1c** **là những người tôi yêu thương trong chân lý**
tôi thật sự yêu thương bà,
- 1d** **và không những chỉ có tôi,**
và không phải chỉ có tôi thật sự yêu thương bà,
- 1d** **nhưng cả những ai biết chân lý,**
nhưng tất cả những người biết những điều chân thật [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ] cũng thật lòng yêu thương bà.
- 2a** **vì chân lý ở trong chúng ta**
[Tôi yêu thương bà bởi vì [tất cả] chúng ta biết các điều chân thật [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ],
- 2b** **và tồn tại trong chúng ta mãi mãi.**
và chúng ta sẽ luôn luôn tin chúng.
- 3a** **Nguyện xin ân sủng, lòng thương xót và bình an đến từ Đức Chúa Trời là Cha và từ Chúa Cứu Thế Giê-su, Con của Cha, ở với chúng ta**
[Tôi gửi những lời này để chào thăm bà:] Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Chúa Cứu Thế Giê-su, Con Ngài, sẽ ban phước cho chúng ta và thương xót chúng ta, và khiến cho chúng ta sống bình an,
-HAY-
Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục ban ơn, thương xót và khiến cho chúng ta sống một cách bình an,
- 3b** **trong chân lý**
[trong khi chúng ta vâng theo] các điều chân thật [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ]
- 3c** **và tình yêu thương.**
và [trong khi chúng ta] yêu thương lẫn nhau.

Tiểu đoạn 4-11 Hãy vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời và khước từ tà giáo

4-11 Chủ đề

Tiểu đoạn này chứa đựng mục đích chính của lá thư. Sứ đồ Giăng nhắc các đọc giả của ông về sự quan trọng của việc vâng theo các mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Vì vậy ông cảnh cáo họ đừng dính líu gì đến các giáo sư giả mạo là những người từ khước chân lý về Chúa Cứu Thế.

4-6

4-6 Chủ đề

Sứ đồ Giăng chấp thuận cách các con dân Chúa sống và thúc giục họ vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời, đặc biệt là điều răn về việc phải yêu thương lẫn nhau.

4b

biết được: Có nhiều quan niệm khác nhau về động từ Hy-lạp được dùng theo ý nghĩa nào ở đây:

- (1) Nó có nghĩa là phát hiện hay nghe được điều gì thật/đúng. (BDM, BDC)
- (2) Một số học giả nghĩ nó được dùng theo ý gặp một người nào hay phát hiện một điều gì. (BDY, BCG)

các con cái của bà:

(BDC) trong con cái bà có mấy: BDC (và BDY và BCG) theo sát bản Hy-lạp nên được trích dẫn ở đây. Sứ đồ Giăng nói: “một số con cái”. Sứ đồ Giăng không đối chiếu một số người sống theo chân lý với một số người không sống theo chân lý. Ông nói rằng ông chỉ nghe về một số người và đây là điều ông đã nghe.

con cái của bà: Nên dùng cùng một từ ở đây giống như ở trong câu 1b.

4c

đi trong chân lý: Đây là một ẩn dụ Hy-lạp có nghĩa là “áp dụng chân lý mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ về cách Ngài muốn họ sống”.

4d

theo điều răn chúng ta đã nhận từ nơi Cha: Điều răn mà sứ đồ Giăng đang nói đến ở trong câu 5: hãy yêu thương lẫn nhau.

5a

(BDM) Và bây giờ: Đây là chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp nhưng mục đích thật của sứ đồ Giăng là để cho thấy ông sắp nói đến điểm ông muốn nói ở trong thư của ông.

thưa bà: Bạn nên xem xét một cách cẩn thận để làm thế nào chuyển ngữ từ này một cách thích hợp đối với ngôn ngữ của bạn. Sứ đồ Giăng một trưởng lão được kính trọng đang gọi một nhóm tín nhân như là một phụ nữ đáng kính. Hãy xem lời giải nghĩa của 1b.

(BCG) tôi xin Bà điều này: Như với nhóm từ *thưa bà* người chuyển ngữ phải xem xét một cách cẩn thận để diễn tả nhóm từ này một cách thích hợp. Sứ đồ Giăng nói như là một trưởng lão được kính trọng đang lễ phép yêu cầu một phụ nữ quyền thế làm một điều gì đó cho ông.

5b

đây không phải là một điều răn mới: Sứ đồ Giăng nói đến một điều răn của Đức Chúa Trời, không phải của chính ông. Như ở trong 1 Giăng 2:7 ông nói rằng khi các con dân Chúa sống theo cách Đức Chúa Trời muốn họ sống họ phải luôn luôn yêu thương lẫn nhau. Ông nhắc nhở các đọc giả của ông rằng điều răn này không phải là điều răn mới, bởi vì Chúa Giê-su đã ban điều răn này cho các môn đệ của Ngài nhiều năm trước đó (Giăng 13:34).

5c

chúng ta: Đức Chúa Trời không phải chỉ ra lệnh cho các sứ đồ, nhưng cho tất cả các tín nhân.

từ lúc khởi đầu: Như ở trong 1 Giăng 2:7 đây nói đến lúc họ mới trở nên con dân Chúa.

Tiểu đoạn 4–11 Hãy vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời và khước từ tà giáo

- 4a** **Thật tôi rất vui**
 ¶ Tôi rất vui
- 4b** **biết được các con cái của bà**
 khi/bởi vì tôi đã nghe rằng một số con cái của bà,
- 4c** **đi trong chân lý,**
 đang sống theo chân lý [của Đức Chúa Trời].
-HAY-
 họ đang làm điều Đức Chúa Trời thật sự muốn chúng ta làm.
- 4d** **theo điều răn chúng ta đã nhận từ nơi Cha.**
 Họ đang làm theo đúng điều Đức Chúa Trời, Cha của chúng ta, bảo chúng ta nên làm.
- 5** **Và bây giờ, thưa bà, tôi không viết cho bà một điều răn nào mới, nhưng là điều chúng ta có từ ban đầu. Tôi nài xin rằng chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau.**
- 5a** **(BCG) Thưa Bà, bây giờ tôi xin Bà điều này**
 Bây giờ, thưa Bà, tôi yêu cầu bà [làm một điều].
- 5b** **(BCG) —đây không phải là một điều răn mới tôi viết ra,**
 Điều tôi viết không phải là một điều răn mà bà chưa bao giờ nghe đến.
-HAY-
 Tôi viết điều này không phải ra lệnh cho bà làm một điều gì mới,
- 5c** **(BCG) nhưng là điều răn chúng ta đã có từ lúc khởi đầu—**
 Nó là một điều răn mà chúng ta đã biết từ khi chúng ta mới bắt đầu [theo Chúa Cứu Thế.]
-HAY-
 nhưng [tôi yêu cầu Bà hãy tiếp tục làm] điều Đức Chúa Trời ra lệnh [cho chúng ta làm] khi chúng ta bắt đầu [tin sứ điệp chân thật của Ngài].
- 5d** **(BCG) đó là: chúng ta phải yêu thương nhau.**
 [Điều Ngài ra lệnh] là chúng ta phải yêu thương lẫn nhau.

5d

phải yêu thương lẫn nhau: Đây là điểm chính sứ đồ Giảng muốn nói ở trong câu này. Để làm cho đọc giả thấy rõ sự nhấn mạnh này bạn có thể cần phải để ở đầu câu, thí dụ:

5a Vậy tôi yêu cầu bà: **5d** chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau. **5b** Tôi không viết cho bà một điều răn mới; **5c** nó là điều răn mà chúng ta đã có từ lúc ban đầu.

6a

Và: Từ Hy-lạp được dùng ở đây thường có nghĩa là “và” nhưng ở đây nó có nghĩa là “vì”. Bởi vì đối với tiếng Việt bắt đầu một câu bằng từ và nghe không được tự nhiên, BDY và BCG không chuyển ngữ nó.

đây là tình yêu thương: Đối với một số ngôn ngữ có thể không thể nói được về tình yêu thương mà không có bổ ngữ cho động từ yêu thương. Trong trường hợp đó có thể phải chuyển ngữ là “cách đúng để một người yêu thương Đức Chúa Trời”. Đây khác với cách chuyển ngữ của cùng một nhóm từ ở trong 1 Giảng 4:10, bởi vì trọng tâm của sứ đồ Giảng trong đoạn văn này thì khác hơn là điều ông nói ở trong 1 Giảng 4:10.

đây: Từ *đây* nói đến ý vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời. Sứ đồ Giảng nói tới ý kế tiếp theo sau việc vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời. Sứ đồ Giảng nói rằng vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời là bằng chứng thật của lòng yêu mến Chúa của chúng ta.

bước đi theo điều răn của Ngài: Đây là một ẩn dụ tương tự như “đi trong chân lý” ở trong câu 4. Nhóm từ “bước đi theo điều răn của Ngài” có nghĩa là chúng ta vâng theo điều răn của Ngài trong đời sống hằng ngày.

6c

bước đi trong tình yêu thương: Đây là một ẩn dụ tương tự như “bước đi theo điều răn của Ngài”. Nó có nghĩa là con dân Chúa nên hành động giống như một người yêu mến Chúa và các con dân Chúa khác hành động.

7-11

7-11 Chủ đề

Trong những câu này sứ đồ Giảng giải thích về nan đề khiến cho ông viết thư này. Có những giáo sư giả mạo đi nhiều nơi. Nếu hội thánh hoan nghênh họ, họ sẽ dẫn hội thánh đến chỗ phạm tội. Vậy sứ đồ Giảng cho các

đọc giả của ông biết cách nhận ra các giáo sư giả mạo này khi nghe họ dạy và ông cảnh cáo các đọc giả của ông không nên dính líu tới những người như vậy.

7a

(BCG) Vì: Ở đây sứ đồ Giảng dùng một từ thường được chuyển ngữ là “vì” để cho thấy rằng ông sẽ giải thích tại sao ông lại nói như ông đã nói ở trong các câu 4-6. BDM, BDC và BDY không chuyển ngữ từ này.

kẻ lừa dối: Từ này muốn nói những người tự nhận là dạy Cơ Đốc Giáo, nhưng thật ra họ đang lừa dối những người họ dạy.

đã đến: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “đi ra từ”. Sứ đồ Giảng hàm ý rằng những kẻ lừa dối này trước kia là hội viên của hội thánh nhưng họ đã bỏ đi. Sau đó, họ đi khắp nơi để dạy dỗ. BCG đã chuyển ngữ nhóm từ này là “lan tràn khắp thế gian” diễn tả gần với ý sứ đồ Giảng muốn nói về việc những người này từ hội thánh đi ra khắp nơi.

trong thế gian: Sứ đồ Giảng dùng nhóm từ này để nói đến những người khác ngoài hội thánh.

7b

là kẻ không công nhận Chúa Cứu Thế Giê-su đã đến trong thân xác: Đây nói đến cùng một tà giáo ở trong 1 Giảng 4:2. Hãy xem lời giải thích của câu đó. Những người này phủ nhận việc Chúa Cứu Thế Giê-su trở nên một con người thật khi Ngài đến thế gian.

7c

kẻ lừa dối và là kẻ chống Chúa Cứu Thế: Đây nói đến những kẻ đại diện cho kẻ chống Chúa Cứu Thế (hãy xem lời giải nghĩa của 1 Giảng 2:18 và 4:3). Nhóm từ *kẻ lừa dối và là kẻ chống Chúa Cứu Thế* không nói đến hai người khác nhau. Nó có nghĩa là “kẻ chống Chúa Cứu Thế, chính là kẻ lừa dối người ta”.

kẻ chống Chúa Cứu Thế: Hãy xem lời giải nghĩa của 1 Giảng 2:18c.

6a	<p>Và đây là tình yêu thương: Chúng ta bước đi theo điều răn của Ngài. Chúng ta có tình yêu thương thật khi chúng ta tuân theo các điều răn của Đức Chúa Trời. <i>-HAY-</i> Yêu thương [Đức Chúa Trời] một cách chân thật là sống như Đức Chúa Trời đã bảo chúng ta nên sống.</p>
6b	<p>Như chúng ta nghe từ ban đầu, Vì từ lúc chúng ta bắt đầu [theo Chúa Cứu Thế]</p>
6c	<p>điều răn của Ngài là chúng ta bước đi trong tình yêu thương. chúng ta đã nghe Đức Chúa Trời ra lệnh rằng chúng ta nên luôn luôn yêu thương lẫn nhau. <i>-HAY-</i> chúng ta đã nghe rằng Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho chúng ta hành xử như những người yêu thương [Đức Chúa Trời và các con dân Chúa khác] hành xử.</p>
7a	<p>Nhiều kẻ lừa dối đã đến trong thế gian, ¶ [Tôi nói điều này bởi vì] ở đâu cũng có nhiều kẻ lừa dối những người khác [bằng cách dạy dỗ những điều không thật]. <i>-HAY-</i> Nhiều [giáo sư] là kẻ lừa dối [những người khác đã bỏ hội thánh chúng ta mà đi và] bây giờ lại đi tới những người [khác].</p>
7b	<p>là kẻ không công nhận Chúa Cứu Thế Giê-su đã đến trong thân xác. Họ nói rằng Chúa Cứu Thế Giê-su không đến thế gian này trong thân xác một con người. <i>-HAY-</i> Những giáo sư này là những người không chấp nhận sự kiện Chúa Cứu Thế Giê-su trở nên một con người.</p>
7c	<p>Bất cứ người nào như vậy là kẻ lừa dối và là kẻ chống Chúa Cứu Thế. Nếu có ai nói như vậy, người ấy đại diện cho Kẻ Thù nổi tiếng của Chúa Cứu Thế, là kẻ luôn luôn lừa dối người ta. <i>-HAY-</i> Những người này là các giáo sư lừa dối [người ta] và chống đối Chúa Cứu Thế.</p>
8a	<p>Coi chừng [Vì vậy] hãy cẩn thận [đừng để những người này lừa dối bà],</p>

8a

Coi chừng...: Sứ đồ Giảng bảo các đọc giả của ông coi chừng kẻo bị những người này lừa dối. Ông cảnh cáo các đọc giả của ông

rằng nếu họ để bị lừa dối có thể họ sẽ không nhận được phần thưởng mà Đức Chúa Trời muốn ban cho họ.

8b

kẻ bà đánh mất điều mà mình đã thực hiện được: Nếu hội chúng nghe các giáo sư giả mạo này, công việc họ làm cho Đức Chúa Trời sẽ không có kết quả tốt. Nó sẽ bị hủy hoại bằng những điều mà các kẻ lừa dối này đang làm và dạy dỗ. Sứ đồ Giăng không nói rõ *điều mà mình đã thực hiện được* là điều gì vậy bạn cũng nên cố gắng chuyển ngữ nó một cách tổng quát.

8c

là điều bà có thể được thưởng đày đủ: Nhóm từ này nói đến ý Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho dân sự Ngài ở trên thiên đàng về những sự cố gắng của họ để hầu việc Ngài trong thế gian này.

9a

Những ai đi trước: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây là “chạy ở phía trước” nhưng có ý tiêu cực “đi quá xa” hay “đi xa hơn là mình nên đi”. Trong ngữ cảnh này nhóm từ này có thể có nghĩa là “thêm vào”. Sứ đồ Giăng dùng ẩn dụ Hy-lạp này để nói đến một người không hài lòng với sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế, vì vậy thêm vào sự dạy dỗ của riêng mình. Khi một người làm như vậy họ sẽ bắt đầu bỏ qua sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế.

9b

sự giáo huấn của Chúa Cứu Thế: Có hai cách khác nhau để giải thích cách mà từ “của” được dùng ở đây:

- (1) Nó có nghĩa là “các điều Chúa Cứu Thế đã dạy”.
- (2) Nó có nghĩa là “các điều chúng ta đã học về Chúa Cứu Thế”.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

9c

thì không có Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa là người ấy không hiệp một với Đức Chúa Trời. Người ta cũng tìm thấy nhóm từ này nói một cách tích cực (thí dụ “người ấy có Đức Chúa Trời”) ở trong 1 Giăng 2:23b. Đây nói đến quan hệ gắn gũi và sự hiệp nhất của

một con dân Chúa với Đức Chúa Trời. Ý nghĩa của nó cũng tương tự như “trong Đức Chúa Trời”. Hãy xem lời giải thích của 1 Giăng 2:5 “trong Ngài”.

9d

ai tiếp tục ở trong sự giáo huấn đó: Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để đối chiếu điều mà hội chúng nên làm.

9đ

Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Con: Trong khi chuyển ngữ có thể cần phải nói thêm ra để làm cho người đọc thấy rõ đây là một cách khác để nói đến Đức Chúa Trời. Hãy xem PKTCCN.

10a

Có thể tốt hơn trong khi chuyển ngữ bạn nên dùng một liên từ ở đầu câu 10. Từ “vậy” đã được thêm vào ở trong PKTCCN. Một từ giống như vậy có thể giúp cho thấy là các lời chỉ dẫn ở trong các câu 10 và 11 được dựa trên những điều sứ đồ Giăng đã nói ở trong các câu 7-9.

Nếu có ai đến với bà: Sứ đồ Giăng đang nói tới các giáo sư giả mạo là các người đi khắp các hội thánh.

bà: Đại từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp nói đến cả người phụ nữ lẫn con cái của bà, hay nói một cách khác, tất cả các con dân Chúa mà sứ đồ Giăng viết thư cho. Đó là lý do tại sao BDM dùng “các người” và BCG dùng “anh em”.

10b

lời giáo huấn này: Nhóm từ này nói ngược trở lại đến các sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế như được nhắc đến ở trong câu 9.

10c

đừng đón tiếp vào nhà: Sứ đồ Giăng muốn nói là các con dân Chúa không nên mời các giáo sư giả mạo này về nhà họ ở.

8b	kéo bà đánh mất điều mà mình đã thực hiện được, để các công việc bà phục vụ Đức Chúa Trời không trở nên vô ích
8c	là điều bà có thể được thưởng xứng đáng. và [để] bà nhận được phần thưởng trọn vẹn [về việc thuộc về Đức Chúa Trời đời đời]. -HAY- nhưng [thay vào đó] bà sẽ nhận tất cả phúc hạnh mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho bà.
9a	Những ai đi trước [Tôi bảo bà rằng] nếu có ai thêm [ý tưởng của mình vào những điều Chúa Cứu Thế đã dạy],
9b	mà không tiếp tục ở trong sự giáo huấn của Chúa Cứu Thế và nếu người đó không tiếp tục tin điều Chúa Cứu Thế đã dạy,
9c	thì không có Đức Chúa Trời; thì người đó không hợp nhất với Đức Chúa Trời.
9d	ai tiếp tục ở trong sự giáo huấn đó Nhưng nếu ai tiếp tục tin điều Chúa Cứu Thế đã dạy đó,
9đ	thì có được Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Con. thì người ấy hiệp nhất với [cả] Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và [Chúa Cứu Thế Giê-su], Con Đức Chúa Trời.
10a	Nếu có ai đến với bà [Vậy,] nếu có ai đến với bà [xung nhận rằng họ dạy điều đã nhận được từ Đức Chúa Trời],
10b	mà không mang theo lời giáo huấn này, và nếu [người ấy dạy một điều gì] khác với điều Chúa Cứu Thế đã dạy,
10c	đừng đón tiếp vào nhà đừng mời họ vào ở trong nhà của bà.
10d	hay hoan nghênh người. Đừng chào hỏi người [ngay cả như là một tín hữu].

10d

hay hoan nghênh người: Hội thánh này không nên quan hệ gì với người này ngay cả việc chào hỏi người.

11a

(BDC) Vì: Liên từ này cho thấy câu này nói đến lý do mà sứ đồ Giảng chỉ thị cho các đọc giả của ông không được hoan nghênh các giáo sư giả mạo. BDM và BDY không chuyển ngữ từ này.

11b

cùng làm công việc ác với người: Đây cho thấy rằng một người hoan nghênh một giáo sư giả mạo thì giúp cho người này làm việc ác.

Tiểu đoạn 12-13 Các lời bình luận cuối cùng
12-13 Chủ đề

Các câu này chứa đựng các lời bình luận cuối cùng của sứ đồ Giảng và các lời chào thăm để kết thúc lá thư.

12a

Tôi có nhiều điều để viết cho bà: Sứ đồ Giảng muốn nói rằng mặc dù ông còn muốn truyền thông với họ nhiều điều nữa nhưng ông không muốn nói hết ra trong một lá thư. Bạn không nên chuyển ngữ nghe như là ông không viết nữa vì ông không có giấy và mực.

12b

nhưng tôi không muốn dùng giấy và mực: Sứ đồ Giảng nói rằng việc dùng giấy và mực không có gì sai. Đây chỉ là một cách khác để nói ông muốn nói chuyện mặt đối mặt với họ hơn.

giấy và mực: Đây là một thành ngữ có nghĩa là “trong một lá thư”. Đây là cách PKTCCN chuyển ngữ nó.

12d

đối diện: Thành ngữ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là nói chuyện với ai trực tiếp ngược lại với việc nói chuyện qua cách viết thư. Có thể ngôn ngữ của bạn có một thành ngữ tương tự có thể dùng ở đây được.

12đ

trợn ven: Như ở trong 1 Giảng 1:4 đây có nghĩa là “tới cùng cực”, “không có một sự buồn bã hay một cái gì làm mất vui được”.

13a

Con cái của người chị em: Sứ đồ Giảng dùng các từ này cùng một cách mà ông đã dùng “bà” và “con cái” trong câu 1. Hãy xem lời giải nghĩa của câu 1. Ở đây các từ này nói đến hội thánh và các hội viên là những người ở tại nơi sứ đồ Giảng đang cư ngụ.

người chị em: Tiếng Hy-lạp dùng cùng một từ để chỉ “chị” và “em gái” vậy nên không rõ là nên dùng từ “chị” hay “em gái”. BDM, BCG, và BDC dùng cả hai nhưng nó có thể hàm ý là nói đến nhiều hơn là một người. Bạn có thể dùng “chị” hay “em gái” nếu ngôn ngữ của bạn giống như tiếng Việt. BDY đã dùng ý nghĩa “hội thánh” nhưng tốt hơn là nên giữ cách dùng như từ Hy-lạp. Bạn có thể để ý nghĩa vào một lời chú thích ở cuối trang.

được lựa chọn: Như trong câu 1 đây nói đến việc Đức Chúa Trời đã lựa chọn “chị em” này trở thành dân sự của Ngài.

- 11a** **Bất cứ ai hoan nghênh người**
[Tôi nói điều này bởi vì] nếu bất cứ ai chào hỏi một người như vậy
-HAY-
Bất cứ ai dính líu tới người như vậy
- 11b** **tức là cùng làm công việc ác với người.**
thì người ấy cùng hợp tác với giáo sư giả mạo đó và dự phần làm việc ác họ đang làm.
-HAY-
[người ấy] cùng với giáo sư giả mạo đó chịu trách nhiệm về việc ác mà họ làm.

Tiểu đoạn 12–13 Các lời bình luận cuối cùng

- 12a** **Tôi có nhiều điều để viết cho bà,**
Có nhiều điều [nữa] mà tôi muốn nói với bà,
- 12b** **nhưng tôi không muốn dùng giấy và mực.**
nhưng tôi không muốn viết ra trong thư [như thư này].
- 12c** **Thay vì, tôi hy vọng được thăm bà**
Điều tôi muốn và mong đợi là tôi sẽ sớm đến thăm bà,
- 12d** **và được đối diện hầu chuyện với bà,**
để chúng ta có thể gặp nhau và nói chuyện với nhau,
- 12đ** **để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.**
và rồi chúng ta sẽ vui mừng một cách trọn vẹn.
- 13a** **Con cái của người chị em được lựa chọn của bà**
Các con cái của người chị em của bà [ở đây], là những người [cũng] được Đức Chúa Trời chọn [ở giữa dân sự của Ngài],

LỜI GIẢI NGHĨA CHO NGƯỜI CHUYỂN NGỮ

SÁCH 3 GIĂNG

Dàn bài của sách 3 Giăng

1-4	Lời chào thăm
5-12	Giúp đỡ những người dạy chân lý là tốt
13-15	Lời bình luận cuối cùng

TÓM LƯỢC SÁCH 3 GIĂNG

Sứ đồ Giăng viết cho bạn của ông, ông Gai-út, và cho ông này biết ông vui mừng như thế nào khi thấy ông Gai-út theo chân lý và yêu thương các con dân Chúa khác. Ông cũng nói về gương xấu của ông Đi-ô-trép và gương tốt của ông Đê-mê-triu.

Tiểu đoạn 1-4 Lời chào thăm

1-4 Chủ đề

Như ở trong 2 Giăng 1-3, những câu này chứa đựng các phần chính của lời giới thiệu trong một lá thư của người Hy-lạp, tức là, mô tả về tác giả và người nhận thư, và rồi lời chúc phước (câu 2). Sau đó sứ đồ Giăng nói tiếp để khuyến khích ông Gai-út (người nhận thư) bằng cách nói ông hài lòng như thế nào về các phản ảnh tốt ông đã nghe được về ông Gai-út.

1a-b

Trông lão...: Như ở trong 2 Giăng 1 đây là cách bắt đầu tiêu biểu cho một lá thư của người Hy-lạp vào thời của sứ đồ Giăng. Bạn có thể chuyển ngữ lời chào thăm này cùng một cách ở đây.

1b

(BDY) anh Gai-út: Trong văn hoá Hy-lạp, người ta chỉ gọi tên không mà thôi. Đối với tiếng Việt làm như vậy nghe không tự nhiên và thiếu lễ phép. Vì lý do đó, BDY thêm “anh”. Hãy xem xét cẩn thận về cách chuyển ngữ câu này cho thích hợp với ngôn ngữ của bạn.

Gai-út: Đây cũng là một tên dùng ở trong Công Vụ 19:29, 20:4, Rô-ma 16:23 và 1 Cô-rinh-tô 1:14, nhưng có lẽ là một người khác. *Gai-út* là một tên phổ thông trong đế quốc La-mã.

thân mến: Sứ đồ Giăng dùng cùng một từ Hy-lạp ở trong 1 Giăng 2:7 và ở các chỗ khác trong sách 1 Giăng. Từ này rất gần gũi với từ

Hy-lạp dùng cho “yêu thương” và có nghĩa là “các người yêu dấu” hay “người tôi yêu”.

trong chân lý: Đây là cùng một nhóm từ được dùng ở 2 John 1. Có hai cách giải thích khác nhau về ý nghĩa của nhóm từ này:

- (1) Có lẽ nó có nghĩa là “thật vậy”. (BDC, BCG)
- (2) Nó có thể có nghĩa là “bởi vì chúng ta đã tin chân lý của Đức Chúa Trời”.

BDM chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

2

Trọng tâm của câu này là sứ đồ Giăng cầu chúc ông Gai-út được Chúa ban phước cho mọi phương diện của đời sống ông, đặc biệt là sức khỏe của ông. Trong khi diễn tả lời chúc này, ông bày tỏ lòng tin cậy nơi đức tin của ông Gai-út.

Sứ đồ Giăng dùng các lời này một cách tượng hình để diễn tả ý của ông theo thể thơ. Ông

dùng hình ảnh của “thịnh vượng” trong đời sống để chỉ về sức khỏe và đức tin của một người. Có thể đối với ngôn ngữ của bạn, dùng cùng một động từ trong các ngữ cảnh khác nhau có thể không truyền thông được ý muốn nói một cách rõ ràng và tự nhiên. Nhưng có thể ngôn ngữ của bạn có những thành ngữ thích hợp mà bạn có thể dùng ở đây được. Bạn cũng có thể chuyển ngữ theo ý nghĩa. CĐN đã làm như vậy.

2a

Anh thân mến: Sứ đồ Giăng dùng cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong 1b. Từ Hy-lạp không dùng “Anh”. Các bản dịch tiếng Việt thêm vào để tiện cho tiếng Việt; BCG dùng “anh” và BDC dùng “kẻ”. Bạn có thể dùng từ “bạn” thay vào đó: người bạn thân” hay “bạn yêu quý.

Tôi cầu chúc: Động từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây có thể có nghĩa là cầu nguyện với Đức Chúa Trời hay ước ao hay hy vọng một điều gì. Trong ngữ cảnh này, chúng tôi đề nghị bạn chuyển ngữ là “cầu chúc” vì đây là một cách phổ thông để bắt đầu một lá thư vào thời đó. Cả BDM và BCG chuyển ngữ động từ Hy-lạp này theo cách đó.

thịnh vượng trên mọi mặt: Chuyển ngữ từng từ một thành ngữ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây là “được dẫn đi trên một con đường tốt”. Nó có nghĩa là thịnh vượng trên mọi mặt. Sứ đồ Giăng nói một cách tổng quát vậy bạn nên chuyển ngữ như vậy để nó có thể nói đến việc được thịnh vượng trên nhiều phương diện của đời sống.

2b

được mạnh khoẻ về phần xác: Sứ đồ Giăng nói một cách tổng quát ở trong 2a, ở đây ông đặc biệt nói đến mạnh khỏe về phần thể xác.

2c

cũng như vẫn thịnh vượng về phần hồn: Sứ đồ Giăng tin rằng ông Gai-út có một quan hệ gần gũi với Đức Chúa Trời và một sự hiểu biết về phần thuộc linh mạnh mẽ và vững chắc.

thịnh vượng: Như đã nói ở trên, có thể chuyển ngữ từng từ một không truyền thông ý muốn nói một cách rõ ràng được. Hãy xem

cách các đồng hương của bạn dùng để nói về một người trưởng thành về phần thuộc linh hay có một đức tin mạnh mẽ nơi Đức Chúa Trời.

phần hồn: Từ này được dùng ở đây một cách tượng hình để nói đến đời sống thuộc linh của ông Gai-út, quan hệ của ông với Đức Chúa Trời.

3a

Vì: Từ này cho thấy sứ đồ Giăng sẽ nói trong câu 3 lý do tại sao ông biết ông Gai-út mạnh mẽ về phần thuộc linh.

anh chị em: Cụm từ này được dùng để chỉ “các tín hữu”.

khi các anh chị em đến đây: Văn phạm Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy rằng các tín hữu đã đến nhiều lần, chứ không phải chỉ một lần. Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “mỗi lần các anh chị em tín hữu tới đây...”

3b

làm chúng: Động từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng ở đây có nghĩa là “nói về điều một người đã thấy”. Sứ đồ Giăng không nhắc đến ở đây là nói với ai. Tuy nhiên trong câu 5 và 6 ông nhắc đến việc các anh chị em đã nói về ông Gai-út với toàn thể hội thánh ở chỗ sứ đồ Giăng ở.

có lòng trung thành với chân lý: Đây có nghĩa là ông Gai-út sống theo cách Đức Chúa Trời muốn ông sống trong đời sống hàng ngày của ông.

chân lý: Ở đây *chân lý* có nghĩa là “hành xử theo ý muốn của Đức Chúa Trời”.

3c

như anh vẫn sống trong chân lý vậy: Có nhiều quan niệm khác nhau về việc giải thích văn phạm được dùng trong bản Hy-lạp:

- (1) Sứ đồ Giăng xác định rằng ông Gai-út thật sự sống theo chân lý của Đức Chúa Trời. (CĐN thứ nhất)
- (2) Đây là phần thứ nhì của phản ảnh về “các anh chị em”, nhấn mạnh rằng ông Gai-út tiếp tục hành động theo chân lý được bày tỏ bởi Đức Chúa Trời. (BDC, BDY và CĐN thứ nhì).

Tiểu đoạn 1–4 Lời chào thăm

- 1a** **Trưởng lão**
[Tôi,] người lãnh đạo/trưởng lão của hội thánh, [viết lá thư này]
-HAY-
Thư của [một người được gọi là] Trưởng lão,
- 1b** **gởi Gai-út thân mến, là người tôi yêu quý trong chân lý.**
gửi cho anh, [anh] Gai-út thân mến. Tôi thật lòng yêu mến anh.
- 2a** **Anh thân mến! Tôi cầu chúc anh được thịnh vượng trên mọi mặt,**
Bạn thân mến, tôi hy vọng rằng anh có thể thịnh vượng trong mọi [công việc của anh,]
-HAY-
Bạn yêu quý, tôi hy vọng rằng anh thành công trong mọi phương diện của đời sống của anh,
- 2b** **được mạnh khoẻ về phần xác**
và anh được mạnh khỏe về phần thể xác
- 2c** **cũng như vẫn thịnh vượng về phần hồn.**
cũng như thịnh vượng về phần thuộc linh.
- 3a** **Vì tôi rất mừng khi các anh chị em đến đây**
Tôi rất vui vì khi một số các anh chị em tín hữu đến đây,
- 3b** **làm chứng rằng anh có lòng trung thành với chân lý**
họ nói với chúng tôi rằng anh sống theo sứ điệp thật [của Đức Chúa Trời].
-HAY-
họ nói cho chúng tôi biết anh đã trung tín [đi theo] chân lý [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta] như thế nào.
- 3c** **như anh vẫn sống trong chân lý vậy.**
[Tôi biết rằng] quả thật anh [luôn luôn] sống như vậy.
-HAY-
tức là, anh đang làm điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta là điều Ngài thật muốn chúng ta làm.

BDM và BCG chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp nên ý nghĩa không được rõ ràng lắm bằng tiếng Việt. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất nhưng bạn cũng có thể theo BDC và BDY nếu ủy ban chuyển ngữ của bạn muốn theo các bản dịch đó.

sống trong chân lý: Đây là cùng một ẩn dụ Hy-lạp mà sứ đồ Giảng dùng ở trong 2 Giảng 4c và bạn có thể xem ở đó để biết cách chuyển ngữ ẩn dụ này ở đây. Nó có nghĩa là “áp dụng chân lý mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ về cách Ngài muốn các con dân Chúa sống”.

4

Trong câu này sứ đồ Giảng nói lý do tại sao các phản ảnh về Gai-út làm cho ông rất vui.

Không có gì vui mừng hơn cho tôi: Sứ đồ Giảng nhấn mạnh rằng các phản ảnh như vậy làm cho ông rất vui mừng.

con cái mình: Sứ đồ Giảng dùng từ này như ông dùng ở trong 1 Giảng để nói đến các con dân Chúa ở tại những hội thánh mà ông có trách nhiệm giúp đỡ. Hãy xem lời giải nghĩa của “các con bé nhỏ” trong 1 Giảng 2:1a.

sống trong chân lý: Hãy xem lời giải nghĩa ở trên của 3c.

Tiểu đoạn 5-12 Giúp đỡ những người dạy chân lý là một điều tốt

5-12 Chủ đề

Tiểu đoạn này bao gồm những điểm chính mà sứ đồ Giảng viết cho ông Gai-út. Ông khen ngợi ông Gai-út đã giúp đỡ cho các người đi giảng đạo lưu động và khuyến khích ông theo gương tốt của ông Đê-mê-triu thay vì gương xấu của ông Đi-ô-trép.

5-8

5-8 Chủ đề

Sứ đồ Giảng khen ngợi ông Gai-út về việc ông giúp đỡ cho các người giảng đạo lưu động. Ông giải thích rằng các con dân Chúa có nhiệm vụ phải giúp đỡ những người này bởi vì họ đang hầu việc Chúa Cứu Thế và tùy thuộc vào sự cung cấp của các con dân Chúa cho những nhu cầu của họ.

về như không chuyển ngữ nó. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

trong những việc anh làm cho các anh chị em: Sứ đồ Giảng không nêu lên rõ ràng là ông Gai-út đã làm gì, nhưng theo phần còn lại của thư thì rõ ràng là ông đã tiếp đón các con dân Chúa vào nhà của ông và cung cấp điều họ cần.

làm cho: Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “làm việc cho”. Thì của động từ Hy-lạp cho thấy là ông thường giúp đỡ các tín nhân khác.

người xa lạ: Ông Gai-út đã giúp đỡ các tín nhân khác ngay cả khi ông không biết họ. Sứ đồ Giảng hàm ý là họ đến từ các tỉnh khác và ông không biết gì về họ ngoại trừ việc họ là con dân Chúa.

5

Anh thân mến!: Sứ đồ Giảng dùng cùng một nhóm từ Hy-lạp giống như ở trong 2a. Bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ nhóm từ này ở đây.

Anh vẫn trung tín: Chuyển ngữ từng từ một nhóm từ Hy-lạp mà sứ đồ Giảng dùng ở đây là “anh làm một việc trung tín...” Có thể giải thích nhóm từ này theo hai cách chính:

- (1) Nó có nghĩa là hành động một cách đáng tin cậy và trung thành. (BDC)
- (2) Nó có nghĩa là trung tín với đức tin Cơ Đốc, tức là, anh làm theo điều anh biết Đức Chúa Trời muốn các con dân Chúa làm. (BCG)

BDM chuyển ngữ từng từ một nhưng có thể không truyền thông ý được rõ ràng. BDY có

6a

Họ: Trong câu trước, sứ đồ Giảng dùng “các anh chị em” để nói đến các người giảng đạo lưu động. Đại từ *họ* ở đây nói đến một số người trong “các anh chị em” này, họ là những người đã đến chỗ sứ đồ Giảng ở.

làm chứng: Đây là cùng một động từ mà sứ đồ Giảng đã dùng ở trong câu 3b. Bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để chuyển ngữ ở đây.

trước hội thánh: Các người giảng đạo nói với toàn thể hội thánh về ông Gai-út.

4 Không có gì vui mừng hơn cho tôi khi nghe biết con cái mình sống trong chân lý.

Tôi rất vui mừng khi tôi nghe rằng các con cái của tôi hành xử một cách nhất quán với sứ điệp thật [của Đức Chúa Trời].

-HAY-

Khi nào có người nói cho tôi biết rằng [những người giống như là] con cái của tôi đang sống theo điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta thì điều đó làm cho tôi vui mừng hơn bất cứ điều gì khác.

Tiểu đoạn 5–12 Giúp đỡ những người dạy chân lý là một điều tốt

5 Anh thân mến! Anh vẫn trung tín trong những việc anh làm cho các anh chị em, dù họ là người xa lạ.

Bạn thân mến, khi anh phục vụ các tín hữu khác ngay cả khi anh không biết họ, anh [cho thấy] anh là người trung tín.

-HAY-

¶ Bạn thân mến, anh hành động một cách trung tín khi anh giúp đỡ các tín hữu [là những người đi khắp nơi giảng Phúc Âm]. Anh giúp đỡ ngay cả những người anh không biết. [Điều này cho tôi thấy rằng] anh là một [môn đệ] trung thành [của Chúa Cứu Thế.]

6a Họ làm chứng trước hội thánh

Một số những người này [những người đã được anh giúp đỡ] đã nói với chúng tôi là các hội viên của hội thánh ở đây

6b về tình yêu thương của anh.

về việc anh yêu mến [các anh chị em tín hữu nhiều] như thế nào.

6c Anh sẽ làm một việc tốt đẹp

Anh phải [tiếp tục] giúp đỡ [những người như vậy]

-HAY-

Xin anh hãy giúp đỡ họ

6b

tình yêu thương: Đối với một số ngôn ngữ có thể diễn tả điều này bằng một động từ. Sứ đồ Giảng không nói là ông Gai-út yêu thương ai. Có thể là “họ” hay các con dân Chúa khác. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải nói rõ là ông ấy yêu thương ai, tốt nhất là nên nói một cách tổng quát: “các con dân Chúa khác”.

6c

Anh sẽ làm một việc tốt đẹp: Đây là cách sứ đồ Giảng yêu cầu ông Gai-út tiếp tục giúp đỡ các người giảng đạo lưu động. Đối với ngôn ngữ của bạn, có thể bạn phải chuyển ngữ nó giống như một mạng lệnh hay lời yêu cầu. Hãy xem CĐN thứ nhì.

6d

giúp đỡ cho cuộc hành trình của họ: Chuyển ngữ từng từ một nhóm từ Hy-lạp mà sứ đồ Giăng dùng là “gửi họ đi tới”. Sứ đồ Giăng muốn nói rằng khi họ sẵn sàng lên đường thì ông Gai-út nên giúp đỡ họ và cho họ các thứ họ cần để đi đường.

họ: Đây nói đến bất cứ người giảng đạo lưu động nào đến với ông Gai-út trong tương lai.

6đ

một cách xứng đáng trước mặt Đức Chúa Trời: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng ông Gai-út nên giúp đỡ các giáo sư này là những người đang thăm viếng họ bằng cách nào để làm vinh hiển Đức Chúa Trời, một cách sẽ làm Ngài đẹp lòng.

7a

Vì: Ở đây sứ đồ Giăng nói về lý do tại sao ông yêu cầu ông Gai-út giúp đỡ các anh em.

nhân danh Ngài: Mục đích của cuộc hành trình này là để truyền giáo. Bạn có thể chuyển ngữ là “khi họ đi ra nói với người ta về Chúa Cứu Thế”.

Ngài: Chuyển ngữ từng từ một điều sứ đồ Giăng nói là “bởi vì Danh”. Đây là một cách để nói đến Chúa Cứu Thế Giê-su, vậy nên tất cả các bản dịch tiếng Việt thêm vào tên hay là một đại từ.

ra đi: Đây nói đến việc họ đi đến nhiều nơi khác nhau để rao giảng Phúc Âm. Bạn có thể chuyển ngữ nó là “họ bắt đầu cuộc hành trình của họ”.

7b

không nhận gì: Họ không xin hay nhận sự giúp đỡ của những người không tin Chúa. Sứ đồ Giăng cho thấy rằng các giáo sư Cơ Đốc này khác với các giáo sư của các tôn giáo khác cũng đi giảng lưu động vào thời đó. Đây là vì các giáo sư của các tôn giáo khác đòi hỏi những người nghe họ dạy và cải đạo phải đóng tiền cho họ.

người ngoại: Sứ đồ Giăng dùng từ này để nói đến những người không tin Chúa.

8a

chúng ta: Sứ đồ Giăng đang nói đến chính ông, ông Gai-út và các con dân Chúa khác.

hỗ trợ những người: Đây có nghĩa là các con dân Chúa nên giúp đỡ những người này bằng cách tiếp đón họ vào nhà và cho họ bất cứ điều gì họ cần để tiếp tục công việc cho Chúa Cứu Thế.

8b

để chúng ta trở thành người đồng lao hành động: Sứ đồ Giăng muốn nói rằng bằng cách giúp đỡ những anh em này, ông và ông Gai-út và các con dân Chúa khác sẽ cùng dự phần trong công việc của họ.

8c

cho chân lý: Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để nói đến sứ điệp của Đức Chúa Trời, tức là Phúc Âm.

Đoạn văn 9-12

9-12 Chủ đề

Sứ đồ Giăng dùng gương xấu và gương tốt để hỗ trợ cho điều ông đã nói về việc giúp đỡ các người giảng đạo lưu động. Ông mô tả ông Đi-ô-trếp, người chống đối lại công việc của họ và từ khước các lời huấn thị của sứ đồ Giăng. Sau đó ông mô tả Đê-mê-triu, người được tất cả các con dân Chúa kính trọng.

9a

vài điều: Sau khi chuyển ngữ nhóm từ “tôi đã viết” rất nhiều bản thảo Hy-lạp đáng tin cậy dùng một từ được chuyển ngữ là “một điều”, có nghĩa là “một ít”. Mỗi bản dịch tiếng Việt chuyển ngữ từ này một cách khác nhau:

BDM “vài điều”

BDC “mấy chữ”

BDY “một bức thư vắn tắt”

6d	<p>nếu anh giúp đỡ cho cuộc hành trình của họ [bằng cách cho họ các thứ họ cần] khi họ muốn rời hội thánh của anh và đi đến các chỗ khác. -HAY- tiếp tục cuộc hành trình của họ</p>
6đ	<p>một cách xứng đáng trước mặt Đức Chúa Trời. Anh nên giúp đỡ họ [một cách rộng rãi] bởi vì điều này làm Đức Chúa Trời đẹp lòng. -HAY- một cách thích hợp cho [những người phục vụ] Đức Chúa Trời.</p>
7a	<p>Vì họ đã nhân danh Ngài ra đi Những người này đã đi lưu động để phục vụ [Chúa Cứu Thế Giê-su], -HAY- Khi họ bắt đầu cuộc hành trình của họ để nói cho người ta biết về Chúa Cứu Thế</p>
7b	<p>mà không nhận gì của người ngoại cả. họ đã không [đòi hỏi hay] nhận sự giúp đỡ nào của những người không tin Chúa. -HAY- [họ] không nhận gì hết từ những người không tin Chúa Cứu Thế.</p>
8a	<p>Vậy, chúng ta cần phải hỗ trợ những người như thế Vì vậy, chúng ta các con dân Chúa phải cung cấp những điều họ cần cho những người [phục vụ Chúa Cứu Thế] giống như họ,</p>
8b	<p>để chúng ta trở thành người đồng lao hành động để chúng ta có thể là những người cộng sự với họ -HAY- để chúng ta có thể dự phần với họ</p>
8c	<p>cho chân lý. trong [công việc công bố] chân lý [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ] của họ. -HAY- [trong khi họ] dạy sứ điệp thật [của Đức Chúa Trời].</p>
9a	<p>Tôi đã viết vài điều cho hội thánh, ¶ Trước đây tôi đã viết thư cho các người ở trong hội thánh [ở chỗ/thành phố của anh ở],</p>

BCG “đôi lời”

Cách chuyển ngữ nào ở phần trên cũng thích hợp hết.

hội thánh: Đây có nghĩa là một nhóm con dân Chúa ở tại nơi ông Đi-ô-trép ở. Có lẽ đây là cùng một chỗ ông Gai-út ở.

9b

nhưng: Từ này nói đến sự đáp ứng của Đi-ô-trép về thư của sứ đồ Giăng. Bạn cũng có thể chuyển ngữ từ này là “tuy nhiên”.

Đi-ô-trép: Ông Đi-ô-trép là một người lãnh đạo hội thánh nhưng có thể là ông tự phong chức cho mình. Ở đây không nói rõ là ông Gai-út đã biết về ông Đi-ô-trép hay chưa. Đây là lần đầu tiên sứ đồ Giăng nhắc đến ông Đi-ô-trép. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách đặc biệt dùng để giới thiệu một người lần đầu tiên.

người thích đứng đầu hội thánh: Đây hàm ý là ngay cả khi ông Đi-ô-trép nghĩ rằng ông ta là người lãnh đạo của hội thánh, sứ đồ Giăng không công nhận ông là một người lãnh đạo. Ông kết án ông Đi-ô-trép là có tham vọng và tìm kiếm quyền hành để kiếm lợi riêng cho mình.

đứng đầu: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “là một người lãnh đạo”. Sứ đồ Giăng không dùng từ “giám mục” hay “trưởng lão” ở đây, và vào thời đó các nhà lãnh đạo Cơ Đốc không được gọi là mục sư hay linh mục. Vậy bạn nên dùng một từ để chuyển ngữ nói về một người lãnh đạo Cơ Đốc một cách tổng quát.

không chấp nhận chúng tôi: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là ông Đi-ô-trép không chấp nhận hay tuân theo những điều sứ đồ Giăng đã viết. Nó hàm ý rằng ông Đi-ô-trép không chấp nhận rằng sứ đồ Giăng có thẩm quyền để ra chỉ thị cho ông.

chúng tôi: Sứ đồ Giăng dùng một đại từ số nhiều để nói đến chính ông. Đối với nhiều ngôn ngữ có thể cần phải chuyển ngữ là “tôi”.

10a

Vì thế: Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy điều sứ đồ Giăng sẽ làm sau khi ông Đi-ô-trép không chấp nhận các lời chỉ dẫn của ông.

nếu tôi đến: Câu 14 nói rõ là sứ đồ Giăng có ý định đến, vậy nên từ *nếu* ở đây có lẽ được dùng để nói ông chưa biết sẽ đến vào lúc nào.

10b

tôi sẽ nêu ra: Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là nhắc nhở. Trong ngữ cảnh này

nó có nghĩa là sứ đồ Giăng sẽ công khai nói về điều ông Đi-ô-trép đang làm. Có thể trong khi chuyển ngữ cần phải nêu lên là những người mà sứ đồ Giăng nói với là các hội viên của hội thánh mà ông Đi-ô-trép đi nhóm.

10c

những lời độc ác vô lý chống lại chúng tôi: (BDY) là dùng các luận điệu hiểm độc để vu cáo chúng ta: Chuyển ngữ từng từ một nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây là “dùng lời gian ác [ông ta] nói chuyện về chúng tôi một cách vô lý”. Có thể hiểu quan hệ của các từ này theo nhiều cách khác nhau, vậy nên mỗi bản dịch tiếng Việt chuyển ngữ một cách khác nhau. Nhóm từ này diễn tả ý nói về việc vu cáo để làm mất tiếng tốt của một người.

chúng ta: Như trong câu 9 sứ đồ Giăng dùng đại từ số nhiều ở đây để nói về chính ông.

10d

Đã thế vẫn chưa đủ: Sứ đồ Giăng dùng nhóm từ này để cho thấy rằng ông Đi-ô-trép làm một điều gì đó còn tệ hơn là việc ông nói xấu sứ đồ Giăng. Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này bằng nhiều cách khác: “Đó không phải là điều duy nhất ông ta làm”.

anh chị em: Như ở trong câu 5, đây nói đến những người giảng đạo lưu động.

10e

đuổi ra khỏi hội thánh: Đây có nghĩa là ông Đi-ô-trép đuổi các hội viên của hội thánh là những người muốn hoan nghênh các người giảng đạo lưu động tới thăm.

11a

Anh thân mến!: Sứ đồ Giăng dùng cùng một nhóm từ Hy-lạp ông đã dùng ở trong 2a và 5. Bạn có thể chuyển ngữ như vậy ở đây.

Đừng bắt chước điều ác: Mặc dù có lẽ sứ đồ Giăng đang nghĩ tới các việc ác của ông Đi-ô-trép, ông chỉ nói đến điều này như là một lời chỉ dẫn tổng quát cho ông Gai-út, bảo ông đừng bắt chước một người gian ác nào hay đừng bắt chước điều họ làm.

- 9b** **nhưng Đì-ô-trép, người thích đứng đầu hội thánh không chấp nhận chúng tôi.**
 nhưng ông Đì-ô-trép là người luôn luôn muốn làm người lãnh đạo [của hội thánh] nên ông ta từ chối không chấp nhận [các lời chỉ dẫn của tôi].
-HAY-
 nhưng ông Đì-ô-trép không chú ý [đến điều tôi viết] bởi vì ông ta muốn thành người quan trọng hơn tất cả mọi người trong hội thánh.
- 10a** **Vì thế, nếu tôi đến,**
 Vì vậy, khi tôi đến [hội thánh của anh]
- 10b** **tôi sẽ nêu ra những việc ông ấy đã làm,**
 tôi sẽ phơi bày ra một cách công khai điều ông Đì-ô-trép đang làm:
- 10c** **những lời độc ác vô lý chống lại chúng tôi.**
(BDY) là dùng các luận điệu hiểm độc để vu cáo chúng ta.
 ông ta rêu rao những điều ác vô lý về chúng tôi để làm hại [chúng tôi bằng lời nói của ông ta].
-HAY-
 ông ta đã vu cáo chúng tôi.
- 10d** **Đã thế vẫn chưa đủ, ông ta còn không tiếp đón các anh chị em**
 Ông ấy còn làm điều tệ hơn [là việc vu cáo chúng tôi]. Ông ta từ chối tiếp đón các anh chị em tín hữu [là những người đi lưu động để giảng phúc âm].
- 10đ** **và ai muốn tiếp đón thì ông ta ngăn cản**
 Ông ta cũng ngăn cản [những người trong hội thánh] là những người muốn tiếp đón những tín hữu [đi giảng lưu động] này
- 10e** **và đuổi ra khỏi hội thánh.**
 và bắt buộc họ phải rời khỏi hội thánh.
- 11a** **Anh thân mến! Đừng bắt chước điều ác,**
 Bạn thân mến của tôi, đừng bắt chước cách hành xử của những người làm điều ác,
-HAY-
 Bạn thân mến, đừng theo gương xấu,
- 11b** **nhưng hãy bắt chước điều thiện.**
 anh nên bắt chước cách hành xử của những người làm điều thiện.
-HAY-
 thay vào đó hãy theo gương tốt.

11b

nhưng hãy bắt chước điều thiện: Đây là cách nói tích cực của câu 11a.

11c

Ai làm điều thiện là thuộc về Đức Chúa Trời: Sứ đồ Giăng không muốn nói là hề ai làm điều thiện người ấy trở nên con cái Đức Chúa Trời. Ông đang nói cùng một điều ông nói ở 1 Giăng 3:10 ở đây, đó là công việc thiện hay việc ác cho thấy chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời hay thuộc về Sa-tan.

11d

thấy Đức Chúa Trời: Đây là cùng một ẩn dụ được dùng ở trong 1 Giăng 3:6. Nó nói đến việc không những chỉ biết Đức Chúa Trời là ai nhưng còn có quan hệ với Ngài.

12a

Mọi người: Sứ đồ Giăng muốn nói đến mọi người ở trong hội thánh, hay mọi người biết ông Đê-mê-triu, không phải tất cả mọi người ở khắp mọi nơi.

làm chứng tốt: Nói một cách khác, ông Đê-mê-triu có uy tín. Mọi người đều nói tốt về ông.

Đê-mê-triu: Đây không phải là cùng một ông Đê-mê-triu ở trong Công Vụ 19:24. Ông là người mà sứ đồ Giăng đang giới thiệu với ông Gai-út.

12b

chính chân lý cũng làm chứng như thế: Ông Đê-mê-triu theo sứ điệp của Đức Chúa Trời và điều này cho thấy ông là một người tốt.

chân lý: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:6c.

12c

Chúng tôi: Một lần nữa, sứ đồ Giăng lại nói đến chính mình. Hãy xem lời giải nghĩa của câu 9b.

12d

(BDY) và anh thừa biết chúng tôi luôn luôn nói thật: Sứ đồ Giăng nói rằng vì ông Gai-út biết rằng sứ đồ Giăng luôn luôn nói sự thật nên ông Gai-út có thể tin cậy vào điều sứ đồ Giăng nói về ông Đê-mê-triu.

Tiểu đoạn 13-15 Lời bình luận cuối cùng
13-15 Chủ đề

Các câu này chứa đựng các lời bình luận cuối cùng của sứ đồ Giăng và lời chào thăm để chấm dứt lá thư.

13a-b

Tôi còn nhiều điều phải viết cho anh: Sứ đồ Giăng chấm dứt thư này giống như ông chấm dứt sách 2 Giăng. Hãy xem lời giải nghĩa của câu 12 (2 Giăng) và cách bạn chuyển ngữ nó. Hãy chú ý là trong sách 2 Giăng sứ đồ Giăng dùng “giấu và mực” và ở đây ông dùng “bút và mực”. Ý nghĩa vẫn giống nhau.

14-15

BDM theo cách đặt số câu của bản Hy-lạp khác. Chúng tôi dùng cách đặt số câu của BDC ở đây vì đó là cách mà đa số các bản dịch theo.

14b

(BCG) nói chuyện tiếp: Như ở trong 2 Giăng 12, đây là một thành ngữ nên chuyển ngữ bằng cách dùng một nhóm từ tự nhiên để nói đến việc nói chuyện thân mật với một người.

15a

(BCG) Chúc anh được bình an: Lời cầu chúc này ở dưới hình thức của một lời chào thăm kết luận một lá thư của người Hy-lạp, vậy nên chuyển ngữ cách nào để nghe giống như là một lời chào thăm trước khi từ giả.

- 11c** **Ai làm điều thiện là thuộc về Đức Chúa Trời,**
 Nếu/Khi một người nào làm điều thiện, [công việc thiện của người ấy cho thấy rằng] người ấy là con Đức Chúa Trời.
-HAY-
 Một người hành xử một cách công chính [cho thấy là họ] có quan hệ với Đức Chúa Trời.
- 11d** **còn kẻ làm điều ác thì đã chẳng thấy Đức Chúa Trời.**
 Nhưng nếu/khi một người làm điều ác, [việc ác của người ấy cho thấy rằng] người ấy không biết Đức Chúa Trời.
-HAY-
 Nhưng một người hành xử một cách gian ác [cho thấy rằng người ấy] không có quan hệ với Đức Chúa Trời.
- 12a** **Mọi người đều làm chứng tốt cho Đê-mê-triu**
 Mọi người [trong hội thánh] nói rằng ông Đê-mê-triu là một người tốt.
- 12b** **và chính chân lý cũng làm chứng như thế.**
 Ông ấy theo sứ điệp thật [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ,] và điều này chứng tỏ ông ấy là một người tốt.
-HAY-
 Ông ấy luôn luôn vâng theo chân lý [mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta, và như vậy] chúng ta biết ông ấy là một người tốt.
- 12c** **Chúng tôi cũng làm chứng tốt cho anh ấy**
 Tôi cũng bảo đảm với anh rằng ông ấy là một người tốt,
- 12d** **và anh ấy biết rằng lời chứng của chúng tôi là thật.**
(BDY) và anh thừa biết chúng tôi luôn luôn nói thật.
 và anh biết điều gì tôi nói là đúng sự thật.

Tiểu đoạn 13–15 Lời bình luận cuối cùng

- 13a** **Tôi còn nhiều điều phải viết cho anh,**
 ¶ Còn có nhiều điều [nữa] mà tôi muốn nói cho anh biết,
- 13b** **nhưng không muốn viết bằng bút và mực.**
 nhưng tôi không muốn viết các điều đó trong thư [như vậy].
- 14a** **(BCG) Tôi hy vọng sắp được gặp anh,**
 Tôi mong đợi đến thăm anh sớm,
- 14b** **(BCG) và chúng ta sẽ nói chuyện tiếp.**
 và rồi chúng ta sẽ nói chuyện mặt đối mặt.
- 15a** **(BCG) Chúc anh được bình an!**
 Nguyên xin [Đức Chúa Trời khiến] anh sống trong sự bình an.

15b-c

(BCG) bạn hữu: Sứ đồ Giăng dùng từ Hy-lạp để chỉ “các bạn hữu” ở đây, nhưng ông đang nói đến các bạn hữu Cơ Đốc, là hội viên của các hội thánh mà ông và ông Gai-út ở.

15c

(BCG) đích danh từng người một: Đây không muốn nói là sứ đồ Giăng biết tên của tất cả con dân Chúa ở cùng ông Gai-út. Ông muốn nói rằng ông Gai-út nên nói cho mỗi tín hữu ở đó biết rằng sứ đồ Giăng gửi lời chào thăm của ông cho họ.

15b**(BCG) Các bạn hữu gửi lời chào anh.**

Tất cả các bạn của anh [ở trong hội thánh này] gửi lời thăm anh.

15c**(BCG) Cho tôi gửi lời chào các bạn hữu, đích danh từng người một.**

Hãy cho tôi gửi lời chào thăm từng người một tất cả các bạn của tôi [ở tại hội thánh] của thành phố anh ở.

-HAY-

Xin hãy gửi lời chào thăm của tôi đến từng người bạn của tôi.